



**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH**  
**TRƯỜNG CAO ĐẲNG**  
**CÔNG NGHIỆP BẮC NINH**

Địa chỉ: Số 499, đường Hàn Thuyên, P. Đại Phúc, TP Bắc Ninh  
ĐT: 02223827974      Email: cdcnbn.bci@gmail.com  
Fax:                              Web: www.bci.edu.vn

**BÁO CÁO**  
**KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**  
**NGHỀ CÔNG NGHỆ Ô TÔ TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG**  
**NĂM 2020**

*Bắc Ninh, tháng 10 năm 2020*

## MỤC LỤC

	Trang
CÁC TỪ VIẾT TẮT .....	4
PHẦN I.....	5
GIỚI THIỆU VỀ TRƯỜNG, KHOA PHỤ TRÁCH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ CÔNG NGHỆ Ô TÔ .....	5
1. THÔNG TIN CHUNG KHÁI QUÁT VỀ TRƯỜNG.....	5
1.1. Thông tin khái quát về lịch sử phát triển và thành tích nổi bật của Nhà trường .....	5
1.2. Cơ cấu tổ chức và nhân sự của trường .....	7
1.3. Các nghề đào tạo và quy mô đào tạo của trường.....	9
1.4. Cơ sở vật chất, thư viện, tài chính .....	12
2. THÔNG TIN KHÁI QUÁT VỀ KHOA PHỤ TRÁCH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	13
2.1. Quá trình hình thành và phát triển.....	13
2.2. Chức năng, nhiệm vụ.....	14
2.3. Đội ngũ giáo viên .....	14
2.4. Cơ cấu tổ chức .....	14
2.5. Các nghề đào tạo.....	15
3. THÔNG TIN CHI TIẾT VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO .....	15
3.1. Lịch sử phát triển và thành tích nổi bật .....	15
3.2. Mục tiêu của chương trình đào tạo .....	15
3.2.1. Mục tiêu chung: .....	15
3.2.2. Mục tiêu cụ thể : .....	15
3.3. Phương thức đào tạo .....	17
3.4. Tóm tắt nội dung chương trình đào tạo .....	17
3.5. Kế hoạch, số lượng tuyển sinh, tỷ lệ tốt nghiệp .....	22
3.6. Đội ngũ giảng viên tham gia chương trình đào tạo: .....	22
3.7. Cơ sở vật chất phục vụ chương trình đào tạo .....	23
1. Tổng quan chung .....	24
1.1. Căn cứ tự đánh giá.....	24
1.2. Mục đích tự đánh giá .....	24
1.3. Yêu cầu tự đánh giá .....	24
1.4. Phương pháp tự đánh giá .....	24
1.5. Các bước tiến hành tự đánh giá .....	24
2. Tự đánh giá.....	25
2.1. Tổng hợp kết quả tự đánh giá.....	25
2.2. Tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn: .....	30
2.2.1. Tiêu chí 1: Mục tiêu, quản lý và tài chính.....	30
2.2.2. Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo .....	35
2.2.3. Tiêu chí 3 - Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên.....	41
2.2.4. Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình.....	47
2.2.5. Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện.....	56

2.2.6. Tiêu chí 6: Dịch vụ người học.....	62
2.2.7. Tiêu chí 7: Giám sát, đánh giá chất lượng.....	66
II. KẾT LUẬN.....	72
III. KIẾN NGHỊ.....	72
Phụ lục 1. Quyết định thành lập hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo .....	73
Phụ lục 2. Kế hoạch tự đánh giá.....	75
Phụ lục 3: Bảng mã minh chứng .....	80

## CÁC TỪ VIẾT TẮT

1.	BLĐTB&XH	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
2.	TCGDNN	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp
3.	CNKT	Công nhân kỹ thuật
4.	TC	Trung cấp
5.	CD	Cao đẳng
6.	BGH	Ban Giám hiệu
7.	TK	Trưởng khoa
8.	P.TK	Phó Trưởng khoa
9.	TP	Trưởng phòng
10.	P.TP	Phó Trưởng phòng
11.	CB	Cán bộ
12.	GV	Giáo viên
13.	CNVC	Công nhân viên chức
14.	TT	Thông tư
15.	TW	Trung ương
16.	CTĐT	Chương trình đào tạo
17.	CTK	Chương trình khung
18.	GT	Giáo trình
19.	NĐ	Nghị định
20.	QĐ	Quyết định
21.	ĐH	Đại học
22.	HSSV	Học sinh, sinh viên
23.	TCHC	Tổ chức - Hành chính
24.	Phòng PR	Phòng quan hệ công chúng
25.	HĐKT	Hợp đồng kinh tế
26.	KTX	Ký túc xá
27.	HTQT	Hợp tác Quốc tế
28.	NCKH	Nghiên cứu khoa học
29.	TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
30.	SKKN	Sáng kiến kinh nghiệm
31.	CNTT	Công nghệ thông tin
32.	KNN	Kỹ năng nghề
33.	SĐH	Sau đại học
34.	Th.S	Thạc sĩ
35.	UBND	Ủy ban nhân dân
36.	VHPT	Văn hóa phổ thông

## PHẦN I

# GIỚI THIỆU VỀ TRƯỜNG, KHOA PHỤ TRÁCH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ CÔNG NGHỆ Ô TÔ

## 1. THÔNG TIN CHUNG KHÁI QUÁT VỀ TRƯỜNG

- Tên trường: Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh.
- Tên Tiếng Anh: Bacninh College of Industry
- Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh
- Địa chỉ trường: Số 499 - đường Hàn Thuyên  
Khu I - Phường Đại Phúc - TP. Bắc Ninh - Tỉnh Bắc Ninh.
- Số điện thoại: 0222 3 827 974
- Email: [cdcn.bci@gmail.com](mailto:cdcn.bci@gmail.com)
- Website: [www.bci.edu.vn](http://www.bci.edu.vn)
- Năm thành lập trường:
  - + Năm thành lập đầu tiên: Năm 1970 - Trường công nghiệp Hà Bắc.
  - + Năm thành lập trường Trung cấp nghề: Năm 2007 thành lập trường Trung cấp nghề Bắc Ninh
  - + Năm thành lập trường Cao đẳng nghề: Năm 2010 thành lập trường Cao đẳng nghề Kinh tế - Kỹ thuật Bắc Ninh,
  - + Năm 2017 đổi tên thành trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh
- Loại hình trường: Công lập

### 1.1. Thông tin khái quát về lịch sử phát triển của Nhà trường

Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh có bề dày 50 năm xây dựng và trưởng thành. Nhà trường đã trải qua nhiều thời kỳ xây dựng và phát triển với nhiều tên gọi khác nhau: Trường Công nghiệp Hà Bắc, trường Công nhân kỹ thuật Bắc Ninh, trường Trung cấp nghề Bắc Ninh, trường Cao đẳng nghề Kinh tế - Kỹ thuật Bắc Ninh và nay là Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh.

Thời kì đầu Trường được thành lập với tên gọi: Trường công nghiệp Hà Bắc - trên cơ sở hợp nhất các Trường Trung học công nghiệp Hà Bắc và trường sơ cấp đào tạo công nhân kỹ thuật Hà Bắc theo quyết định số 53/QĐTC ngày 19/5/1970 của UBHC tỉnh Hà Bắc.

- Giai đoạn 1982-1987 Trường có tên là: Trường công nhân kỹ thuật Hà Bắc.
- Giai đoạn 1988-1996 mang tên: Trung tâm Hướng nghiệp - Dạy nghề Hà Bắc.
- Giai đoạn 1997 - tháng 3/2007 tên là: Trường công nhân kỹ thuật Bắc Ninh.
- Ngày 04 tháng 01 năm 2007 Bộ lao động thương binh & xã hội có quyết định số 03/2007/QĐ-BLĐTBXH về việc chuyển trường Công nhân kỹ thuật Bắc Ninh thành trường Trung cấp nghề Bắc Ninh.

Ngày 28/7/2010 Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Quyết định số 901/QĐ-BLĐTBXH về việc thành lập Trường Cao đẳng nghề Kinh tế - Kỹ thuật Bắc Ninh trên cơ sở nâng cấp Trường Trung cấp nghề Bắc Ninh.

Ngày 14/03/2017 đổi tên thành trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh.

Trường thực hiện nhiệm vụ trọng tâm là đào tạo nguồn nhân lực có trình độ tay nghề cao phục vụ cho sự nghiệp phát triển Kinh tế - Xã hội của tỉnh Bắc Ninh, đáp ứng nhu cầu lao động cho các khu công nghiệp trong tỉnh, khu vực lân cận và toàn quốc.

Trong quá trình xây dựng và phát triển, Nhà trường luôn chủ động khắc phục mọi khó khăn để hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ giáo dục và đào tạo nghề được tỉnh giao. Từ khi được nâng cấp thành trường Cao đẳng. Nhà trường đã xây dựng và biên soạn các nội dung: chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp cho các ngành nghề theo chương trình khung của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Các môn học, mô-đun trong các bộ chương trình đã áp dụng các phương pháp giảng dạy tích cực, sử dụng các trang thiết bị với công nghệ mới, từng bước tiếp cận trình độ khu vực và quốc tế.

Nhà trường không ngừng đổi mới nội dung chương trình và mục tiêu đào tạo, mở thêm một số ngành nghề mới, cung cấp nguồn nhân lực kịp thời cho nhu cầu lao động của xã hội, phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Bắc Ninh.

Hiện tại, Nhà trường đang tổ chức đào tạo với tổng số nghề đào tạo, ở 03 cấp trình độ: Cao đẳng, Trung cấp và Sơ cấp cụ thể:

+ Trình độ Cao đẳng với 12 nghề đào tạo:

- 1 Điện công nghiệp;
- 2 Điện tử công nghiệp;
- 3 Hàn;
- 4 Cắt gọt kim loại;
- 5 Công nghệ ô tô;
- 6 Kế toán doanh nghiệp;
- 7 Cơ điện tử;
- 8 Kỹ thuật lắp đặt điện và điều khiển trong công nghiệp;
- 9 Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm);
- 10 Tự động hoá công nghiệp;
- 11 Công nghệ chế tạo máy
- 12 Thương Mại điện tử

+ Trình độ Trung cấp với 09 nghề đào tạo:

- 1 Điện công nghiệp;
- 2 Điện tử công nghiệp;
- 3 Hàn;
- 4 Cắt gọt kim loại;
- 5 Công nghệ ô tô;
- 6 Kế toán doanh nghiệp;
- 7 Vận hành và sửa chữa trạm bơm điện;
- 8 Kỹ thuật chế biến món ăn;
- 9 Bảo trì, sửa chữa ô tô

+ Trình độ Sơ cấp với 28 nghề đào tạo:

- 1 Điện công nghiệp
- 2 Điện tử công nghiệp
- 3 Điện dân dụng

- 4 Lắp đặt thiết bị lạnh
- 5 Nghề Kỹ thuật lắp đặt điện và Điều khiển trong công nghiệp
- 6 Công nghệ ô tô phần gầm
- 7 Công nghệ ô tô phần động cơ
- 8 Công nghệ ô tô phần điện
- 9 Sửa chữa thiết bị tự động hóa
- 10 Nguội sửa chữa máy công cụ
- 11 Hàn điện hồ quang tay
- 12 Hàn (Hàn hơi và inox)
- 13 Phay CNC
- 14 Tiện trên máy vạn năng
- 15 Cơ điện tử
- 16 Máy công nghiệp
- 17 Tin học văn phòng
- 18 Kế toán doanh nghiệp
- 19 Quản lý khai thác công trình thủy lợi
- 20 Hàn bán tự động TIG, MAG, MAG
- 21 Vận hành và sửa chữa trạm bơm điện
- 22 Chăn nuôi thú y
- 23 Nuôi và phòng trị bệnh cho gia súc
- 24 Nuôi và phòng trị bệnh cho gia cầm
- 25 Trồng rau an toàn
- 26 Trồng và chăm sóc cây hoa
- 27 Tạo dáng và chăm sóc cây cảnh
- 28 Kỹ thuật chế biến món ăn

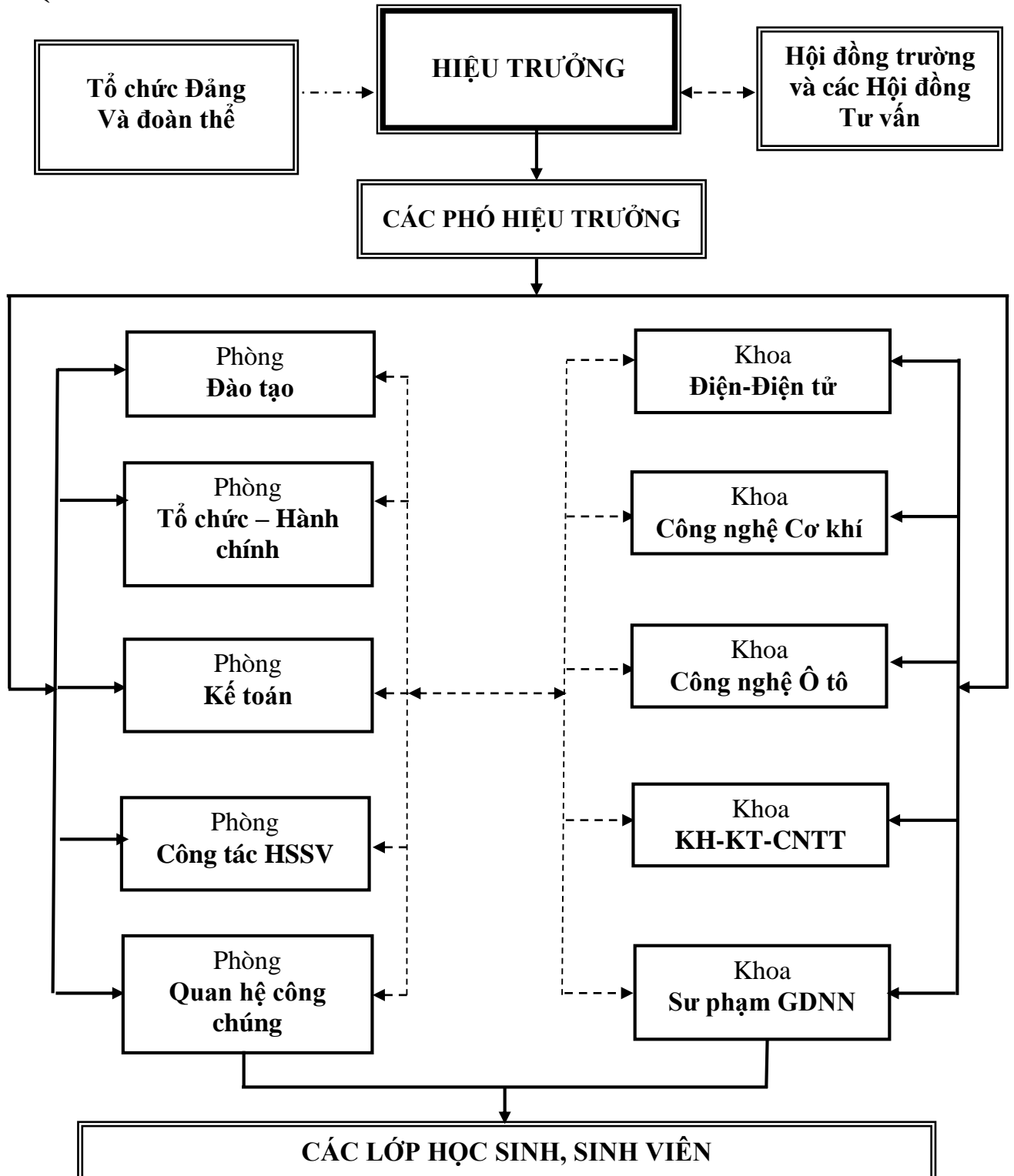
Ngoài ra, Nhà trường còn liên kết đào tạo với trường Đại học sư phạm kỹ thuật Hưng Yên, thực hiện đào tạo một số ngành nghề trình độ đại học đáp ứng tốt nhu cầu của người học trong và ngoài tỉnh.

## **1.2. Cơ cấu tổ chức và nhân sự của trường**

- Đảng ủy trường;
- Hội đồng trường;
- Ban Giám Hiệu;
- Các Hội đồng tư vấn;
- Các tổ chức đoàn thể;
- Các phòng chức năng:
  - + Phòng Đào tạo;
  - + Phòng Tổ chức - Hành chính;
  - + Phòng Kế toán;
  - + Phòng Công tác Học sinh - Sinh viên;
  - + Phòng quan hệ công chúng (PR).
- Các khoa chuyên môn:

- + Khoa công nghệ Cơ khí;
- + Khoa Điện - Điện tử;
- + Khoa công nghệ Ô tô;
- + Khoa KH-KT-CNTT;
- + Khoa sư phạm GDNN.

### SƠ ĐỒ TỔ CHỨC QUẢN LÝ BỘ MÁY





### 1.3. Các nghề đào tạo và quy mô đào tạo của trường.

T T	Tên nghề đào tạo	Trình độ đào tạo	Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020	
			Quy mô tuyển sinh	Số lượng học sinh, sinh viên	Quy mô tuyển sinh	Số lượng học sinh, sinh viên	Quy mô tuyển sinh	Số lượng học sinh, sinh viên
1	Điện công nghiệp;	Cao đẳng	100	103	100	84	100	124
2	Điện tử công nghiệp;	Cao đẳng	60	94	60	73	60	135
3	Hàn;	Cao đẳng	50	-	50		50	
4	Cắt gọt kim loại;	Cao đẳng	70	20	70	36	70	31
5	Công nghệ ô tô;	Cao đẳng	60	51	60	57	60	60
6	Kế toán doanh nghiệp;	Cao đẳng	30	14	30	13	30	20
7	Cơ điện tử;	Cao đẳng	25	57	25	50	25	33
8	Kỹ thuật lắp đặt điện và điều khiển trong công nghiệp;	Cao đẳng	20	-	20	-	20	
9	Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm);	Cao đẳng	25	24	25	24	25	28
10	Thương mại điện tử	Cao đẳng	-	-	20	-	20	
11	Quản trị mạng máy tính	Cao đẳng	-	-	30	-	30	
12	Công nghệ chế tạo máy	Cao đẳng	-	-	30	35	30	16
13	Tự động hoá công nghiệp;	Cao đẳng	30	32	30	40	30	55
14	Điện công nghiệp;	Trung cấp	18	191	18	85	18	
15	Điện tử công nghiệp;	Trung cấp	18	95	18	48	18	

T T	Tên nghề đào tạo	Trình độ đào tạo	Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020	
			Quy mô tuyển sinh	Số lượng học sinh, sinh viên	Quy mô tuyển sinh	Số lượng học sinh, sinh viên	Quy mô tuyển sinh	Số lượng học sinh, sinh viên
16	Hàn;	Trung cấp	18	38	18	44	18	49
17	Cắt gọt kim loại;	Trung cấp	25	13	25	36	25	11
18	Công nghệ ô tô;	Trung cấp	30	-	30	35	30	-
19	Kế toán doanh nghiệp;	Trung cấp	25	-	25	-	25	-
20	Vận hành và sửa chữa trạm bơm điện;	Trung cấp	20	-	20	-	20	-
21	Kỹ thuật chế biến món ăn;	Trung cấp	30	48	30	63	30	62
22	Bảo trì và sửa chữa ô tô	Trung cấp	-	-	20	-	20	41
23	Điện công nghiệp	Sơ cấp	30	15	30		30	
24	Điện tử công nghiệp	Sơ cấp	30	12	30		30	
25	Điện dân dụng	Sơ cấp	30	5	30		30	
26	Lắp đặt thiết bị lạnh	Sơ cấp	20	4	20	1	20	
27	Nghề Kỹ thuật lắp đặt điện và Điều khiển trong công nghiệp	Sơ cấp	25	-	25		25	
28	Công nghệ ô tô phần gầm	Sơ cấp	25	2	25		25	
29	Công nghệ ô tô phần động cơ	Sơ cấp	25	1	25		25	
30	Công nghệ ô tô phần điện	Sơ cấp	25	1	25	1	25	
31	Sửa chữa thiết bị tự động hóa	Sơ cấp	25	-	25		25	

T T	Tên nghề đào tạo	Trình độ đào tạo	Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020	
			Quy mô tuyển sinh	Số lượng học sinh, sinh viên	Quy mô tuyển sinh	Số lượng học sinh, sinh viên	Quy mô tuyển sinh	Số lượng học sinh, sinh viên
32	Nguội sửa chữa máy công cụ	Sơ cấp	25	-	25		25	
33	Hàn điện hồ quang tay	Sơ cấp	30	1	30		30	
34	Hàn (Hàn hơi và inox)	Sơ cấp	30	-	30	3	30	
35	Phay CNC	Sơ cấp	20	2	20	1	20	
36	Tiện trên máy vạn năng	Sơ cấp	25	2	25		25	
37	Cơ điện tử	Sơ cấp	30	1	30		30	
38	Máy công nghiệp	Sơ cấp	25	-	25		25	
39	Tin học văn phòng	Sơ cấp	30	4	30	1	30	
40	Kế toán doanh nghiệp	Sơ cấp	25	-	25		25	
41	Quản lý khai thác công trình thủy lợi	Sơ cấp	30	1	30	1	30	
42	Hàn bán tự động TIG, MAG, MAG	Sơ cấp	20	2	20		20	
43	Vận hành và sửa chữa trạm bơm điện	Sơ cấp	20	4	20	1	20	
44	Chăn nuôi thú y	Sơ cấp	30	-	30		30	
45	Nuôi và phòng trị bệnh cho gia súc	Sơ cấp	30	-	30		30	
46	Nuôi và phòng trị bệnh cho gia cầm	Sơ cấp	30	-	30		30	
47	Trồng rau an toàn	Sơ cấp	60	-	60		60	
48	Trồng và chăm sóc cây hoa	Sơ cấp	60	-	60		60	
49	Tạo dáng và chăm sóc cây cảnh	Sơ cấp	60	-	60		60	
50	Kỹ thuật chế biến món ăn	Sơ cấp	90	10	90	93	90	10
51	Bảo trì và sửa chữa ô tô	Sơ cấp	-	-	15		15	

\* **Quy mô tuyển sinh:** Theo nội dung ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp (Số 175/2017/GCNDKHKHĐ-TCDN, ngày 23/6/2017 và số 175a/2017/GCNDKBS-GDNN, ngày 25/8/2017).

#### 1.4. Cơ sở vật chất, thư viện, tài chính

Nội dung	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
<b>1. Diện tích hạng mục công trình</b> (diện tích đang sử dụng-m <sup>2</sup> )	<b>24.310</b>	<b>24.310</b>	<b>24.310</b>
- Khu hiệu bộ	503	503	503
- Phòng học lý thuyết	1400	1400	1400
- Xưởng thực hành	7840	7840	7840
- Khu phục vụ			
+ Thư viện	150	150	150
+ Ký túc xá	4742	4742	4742
+ Nhà ăn	300	300	300
+ Trạm y tế	20	20	20
+ Khu thể thao	5000	5000	5000
- Khác (liệt kê các hạng mục công trình khác nếu có)			
<b>2. Tổng số đầu sách của trường (Quyển)</b>	<b>2500</b>	<b>2500</b>	<b>2500</b>
<i>Trong đó, đầu sách chuyên ngành:</i>	<i>1500</i>	<i>1500</i>	<i>1500</i>
<b>3. Tổng số máy tính của trường (bộ)</b>	<b>159</b>	<b>148</b>	<b>148</b>
- Dùng cho văn phòng	27	25	25
- Dùng cho học sinh học tập	132	123	123
<b>4. Tổng nguồn kinh phí của trường (đồng)</b>	<b>23.947.028.253</b>	<b>24.067.302.325</b>	<b>27.788.844.732</b>
<b>5. Tổng thu học phí (đồng)</b>	<b>5.678.976.750</b>	<b>6.292.674.780</b>	<b>8.553.822.900</b>
<b>6. Tổng kinh phí quyết toán (đồng)</b>	<b>19.352.037.362</b>	<b>19.632.218.542</b>	<b>21.350.281.953</b>

## **2. THÔNG TIN KHÁI QUÁT VỀ KHOA PHỤ TRÁCH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

### **Thông tin khái quát đơn vị:**

Tên khoa : CÔNG NGHỆ Ô TÔ  
Tên Tiếng Anh : Không có  
Số điện thoại : 02223.855 843  
Số fax : Không có

**Email :** [cnoto.bci@gmail.com](mailto:cnoto.bci@gmail.com)

### **2.1. Quá trình hình thành và phát triển đơn vị**

Khoa Công nghệ ô tô được thành lập tháng 10 năm 2007 mà tiền thân là Khoa cơ khí thuộc Trường Trung cấp nghề Bắc Ninh và hiện nay là Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh. Trong những năm qua, cùng với sự phát triển chung của nhà trường, tập thể cán bộ, giáo viên khoa Công nghệ ô tô có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng, có lòng nhiệt tình, yêu nghề và tâm huyết với sự nghiệp đào tạo của Nhà trường đã đào tạo hàng nghìn học sinh sinh viên của ba cấp trình độ: Cao đẳng, Trung cấp và Sơ cấp thuộc các nghề Cơ khí động lực, Nguội sửa chữa máy công cụ, Công nghệ ô tô, Bảo trì và sửa chữa ô tô để cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng cao cho các thành phần kinh tế trong địa phương và cả nước. Ngoài ra cán bộ, giáo viên của Khoa còn tham gia giảng dạy cho các lớp Đại học VHVL liên kết với Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên tại trường.

Trong quá trình xây dựng và phát triển Khoa Công nghệ ô tô đã đạt được nhiều thành tích trong phong trào thi đua dạy và học:

#### **\* Phong trào thi đua trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học của cán bộ, giáo viên:**

- Trong giảng dạy:

- + 05 giáo viên đạt danh hiệu Giáo viên dạy giỏi cấp Tỉnh
- + 01 giáo viên đạt danh hiệu Giáo viên dạy giỏi cấp Quốc gia

- Trong nghiên cứu khoa học:

- + Tham gia đề tài Quản lý xưởng theo mô hình 5S
- + Tham gia sáng kiến cải tiến và chế tạo đồ dùng dạy học: Có 01 thiết bị dạy nghề tự làm đạt giải cao trong Hội thi thiết bị dạy nghề tự làm cấp Tỉnh năm 2013, 2015, 2018 có 01 thiết bị tham gia Hội thi thiết bị dạy nghề tự làm toàn quốc năm 2019 – tại Huế (giải nhì).

#### **\* Phong trào thi đua trong học tập của HSSV:**

+ Năm 2008: 03 học sinh đạt danh hiệu HSGN cấp trường (01 giải nhất, 01 giải nhì, 01 giải ba).

+ Năm 2010: 03 học sinh, sinh viên đạt danh hiệu HSGN cấp trường (01 giải nhất, 01 giải nhì, 01 giải ba).

+ Năm 2012: 03 học sinh, sinh viên đạt danh hiệu HSGN cấp trường (01 giải nhất, 01 giải nhì, 01 giải ba).

+ Năm 2014: 03 học sinh, sinh viên đạt danh hiệu HSGN cấp trường (01 giải nhất, 01 giải nhì, 01 giải ba).

+ Năm 2016: 03 học sinh, sinh viên đạt danh hiệu HSGN cấp trường (01 giải nhất, 01 giải nhì, 01 giải ba).

+ Năm 2016: 03 học sinh, sinh viên đạt danh hiệu HSGN cấp trường (01 giải nhất, 01 giải nhì, 01 giải ba).

+ Năm 2019: 02 học sinh, sinh viên đạt danh hiệu HSGN cấp tỉnh (01 giải nhì, 01 giải ba).

Khoa Công nghệ ô tô có hệ thống các phòng học lý thuyết và phòng học thực hành được trang bị đầy đủ các thiết bị hiện đại có thể đáp ứng yêu cầu đào tạo các nghề giảng dạy. Các thiết bị này được đầu tư từ nguồn của tổ chức GTV (Italia) và nguồn vốn ODA của “Chương trình Đào tạo nghề 2008” trong khuôn khổ hợp tác với chính phủ CHLB Đức và vốn Chương trình mục tiêu Quốc gia hàng năm; cũng như ngân sách cấp thường xuyên của tỉnh Bắc Ninh.

## **2.2. Chức năng, nhiệm vụ đơn vị**

- Nhiệm vụ trọng tâm của Khoa Công nghệ ô tô là tổ chức thực hiện các hoạt động giảng dạy các môn học, mô-đun của các nghề: Công nghệ ô tô, Bảo trì và sửa chữa ô tô với ba cấp trình độ là Cao đẳng, Trung cấp và Sơ cấp.

- Thực hiện kế hoạch giảng dạy, học tập và các hoạt động ngoại khóa khác theo chương trình, kế hoạch giảng dạy hàng năm của Trường.

- Thực hiện việc biên soạn chương trình, giáo trình, học liệu dạy nghề khi được phân công; tổ chức nghiên cứu đổi mới nội dung, cải tiến phương pháp dạy nghề nhằm nâng cao chất lượng đào tạo.

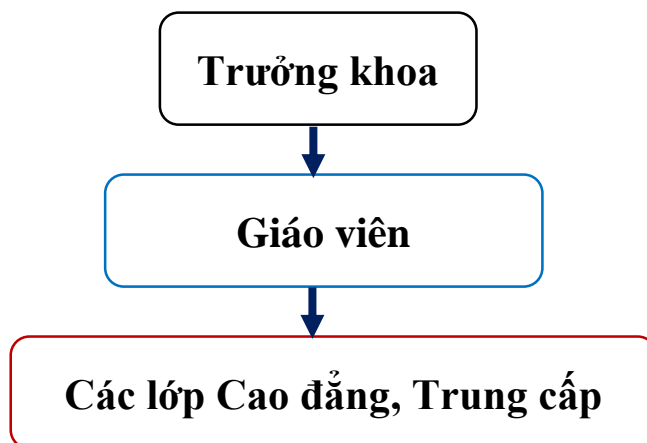
- Thực hiện các hoạt động thực nghiệm, nghiên cứu khoa học, ứng dụng kỹ thuật, công nghệ vào quá trình dạy nghề.

- Quản lý giáo viên, quản lý sử dụng có hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị theo quy định của Trường; đề xuất xây dựng các kế hoạch bổ sung, bảo trì trang thiết bị đào tạo nghề Công nghệ ô tô và Bảo trì và sửa chữa ô tô.

## **2.3. Đội ngũ giáo viên của đơn vị**

<b>TT</b>	<b>HỌ VÀ TÊN</b>	<b>CHỨC VỤ</b>	<b>EMAIL</b>	<b>ĐIỆN THOẠI</b>
1	Võ Văn Hùng	Trưởng khoa	<a href="mailto:hungvv.bci@gmail.com">hungvv.bci@gmail.com</a>	0982 726 609
2	Nguyễn Văn Hạnh	Giáo viên	<a href="mailto:nguyenvanh76@gmail.com">nguyenvanh76@gmail.com</a>	0947 155 016
3	Nguyễn Đăng Tiến	Giáo viên	<a href="mailto:dangtien061977@gmail.com">dangtien061977@gmail.com</a>	0385 252 666
4	Lê Đức Tùng	„	<a href="mailto:letungtcnbn@gmail.com">letungtcnbn@gmail.com</a>	0916 020 607
5	Nguyễn Văn Hiệu	„	<a href="mailto:hieubn02@gmail.com">hieubn02@gmail.com</a>	0984 037 555
6	Nguyễn Quốc Hiệp	„	<a href="mailto:hthiepnguyen@gmail.com">hthiepnguyen@gmail.com</a>	0978 844 633

## 2.4. Cơ cấu tổ chức



## 2.5. Các nghề đào tạo

STT	Tên nghề	Ghi chú
1	<b>Công nghệ ô tô</b> (trình độ đào tạo: Cao đẳng, Trung cấp, Sơ cấp)	
2	<b>Bảo trì và sửa chữa ô tô</b> (trình độ đào tạo: Trung cấp, Sơ cấp)	

## 3. THÔNG TIN CHI TIẾT VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

### 3.1. Lịch sử phát triển và thành tích nổi bật

Từ những năm 2002 Trường tuyển sinh và đào tạo Công nhân kỹ thuật bậc 3/7, 4/7 nghề Cơ khí động lực và Nguội sửa chữa máy công cụ; năm 2007 tuyển sinh và đào tạo hệ Trung cấp nghề Công nghệ ô tô; Năm học 2010 Trường tuyển sinh và đào tạo trình độ Cao đẳng nghề khoá đầu tiên nghề Công nghệ ô tô (khóa học 2010-2013).

Cùng với sự phát triển của các nghề kỹ thuật được đào tạo tại trường qua từng giai đoạn, chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô được phát triển từ chương trình đào tạo Công nhân kỹ thuật Cơ khí động lực; đội ngũ Giáo viên được đào tạo có tay nghề cao; đồng thời tâm huyết với nghề. Chính vì vậy số lượng học sinh sinh viên vào học ngày càng cao, đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực của địa phương và một số tỉnh lân cận.

Hàng năm, Khoa Công nghệ ô tô phát động phong trào thi đua “Dạy tốt – Học tốt” trong toàn thể GV và HSSV; GV đăng ký và thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến kinh nghiệm trình lên BGH đúng thời hạn, tham gia Hội giảng cấp trường, cấp tỉnh; đồng thời cử HSSV tham gia các kỳ thi HSSV giỏi nghề cấp trường, cấp tỉnh, tất cả đều đạt danh hiệu GV dạy giỏi, HSSV giỏi nghề. Kết quả các đề tài nghiên cứu, sáng kiến kinh nghiệm của GV được công nhận và ứng dụng trong giảng dạy.

### 3.2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

#### 3.2.1. Mục tiêu chung:

Sau khi học xong chương trình Cao đẳng Công nghệ ô tô người học có khả năng phải nhận biết được cấu tạo, nguyên lý làm việc và tình trạng kỹ thuật của động cơ đốt trong và các loại xe ô tô như xe con, xe du lịch, xe tải, xe bus, xe chuyên dùng... Sử

dụng thành thạo các loại dụng cụ đo, thiết bị chẩn đoán và các loại máy móc hiện đại chuyên dùng thường sử dụng trong các Công ty sản xuất ô tô, các Garage ô tô, từ đó lập phương án công nghệ bảo dưỡng, sửa chữa một cách khoa học và hợp lý.

Bảo dưỡng, sửa chữa được các loại động cơ đốt trong và các loại xe ô tô (như xe con, xe du lịch, xe tải, xe bus, xe chuyên dùng) nói trên và có khả năng tự học tập, nghiên cứu, làm việc độc lập trong các Công ty sản xuất ô tô, các Garage ô tô hoặc làm kỹ thuật viên cho các hãng như Toyota, Hyundai, Honda và Ford....

### **3.2.2. Mục tiêu cụ thể:**

- Kiến thức:

+ Vận dụng được kiến thức kỹ thuật cơ sở vào việc tiếp thu các kiến thức chuyên môn ngành Công nghệ ô tô;

+ Trình bày được cấu tạo và nguyên lý hoạt động các hệ thống, cơ cấu trong ô tô;

+ Hiểu được cách đọc các bản vẽ kỹ thuật và phương pháp tra cứu các tài liệu kỹ thuật chuyên ngành ô tô;

+ Giải thích được nội dung các công việc trong quy trình tháo, lắp, kiểm tra, hiệu chỉnh, bảo dưỡng và sửa chữa ô tô;

+ Trình bày được các chỉ tiêu, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng và phương pháp đo kiểm của từng loại chi tiết, hệ thống trong ô tô;

+ Trình bày được nguyên lý hoạt động của các hệ thống điều khiển bằng điện tử, khí nén và thủy lực của ô tô hiện đại;

+ Giải thích được các phương pháp chẩn đoán sai hỏng của các cơ cấu và hệ thống trong ô tô;

+ Trình bày được yêu cầu cơ bản và các bước tiến hành khi lập quy trình kiểm tra, bảo dưỡng và sửa chữa ô tô;

+ Trình bày được nguyên lý, phương pháp vận hành và phạm vi sử dụng các trang thiết bị trong ngành Công nghệ ô tô;

+ Nêu được các nội dung, ý nghĩa của kỹ thuật an toàn và vệ sinh công nghiệp;

+ Nêu được nội dung và những nguyên lý cơ bản trong công tác quản lý và tổ chức sản xuất.

- Kỹ năng:

+ Lựa chọn đúng và sử dụng thành thạo các loại dụng cụ, thiết bị tháo, lắp, đo và kiểm tra trong ngành Công nghệ ô tô;

+ Thực hiện công việc tháo, lắp, kiểm tra, chẩn đoán, bảo dưỡng và sửa chữa các cơ cấu và các hệ thống cơ bản trong ô tô đúng quy trình kỹ thuật và đảm bảo an toàn lao động;

+ Thực hiện được công việc kiểm tra, chẩn đoán và khắc phục các sai hỏng của các hệ thống điều khiển bằng điện tử, khí nén và thủy lực trong ô tô;

+ Lập được quy trình kiểm tra, chẩn đoán, bảo dưỡng và sửa chữa ô tô đảm bảo các chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật và an toàn;

+ Lập được kế hoạch sản xuất; tổ chức và quản lý các hoạt động sản xuất đạt tiêu chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn an toàn, tiêu chuẩn vệ sinh công nghiệp;

+ Giao tiếp được bằng tiếng Anh trong công việc; sử dụng máy vi tính tra cứu được các tài liệu chuyên môn và soạn thảo văn bản;



- + Làm được các công việc cơ bản của người thợ nguội, thợ hàn và thợ điện phục vụ cho quá trình sửa chữa ô tô;
  - + Có khả năng tiếp thu và chuyển giao công nghệ mới trong lĩnh vực ô tô;
  - + Đào tạo, bồi dưỡng được về kiến thức, kỹ năng nghề cho thợ bậc thấp hơn.
- Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:
- + Tham gia sản xuất tại các Doanh nghiệp trong và ngoài nước sản xuất phụ tùng ô tô, nhà máy lắp ráp,
  - + Thợ sửa chữa tại các xí nghiệp bảo dưỡng và sửa chữa ô tô;
  - + Chuyên viên kỹ thuật tại các công ty vận tải ô tô;
  - + Nhân viên tư vấn dịch vụ tại các đại lý bán hàng và các trung tâm dịch vụ sau bán hàng của các hãng ô tô;
  - + Kỹ thuật viên tại các trung tâm bảo dưỡng, sửa chữa của các hãng xe ô tô.
  - + Giáo viên giảng dạy trong các cơ sở đào tạo nghề.
  - + Ngoài ra sinh viên có đủ năng lực để tham gia học liên thông lên các bậc học cao hơn để phát triển kiến thức và kỹ năng nghề.

### **3.3. Phương thức đào tạo**

Phương thức đào tạo Trường đang được áp dụng đối với nghề Công nghệ ô tô là phương thức đào tạo tập trung, học theo niên chế và tích lũy tín chỉ.

Phương thức đào tạo nghề của trường hiện nay được tính theo đơn vị là năm học, chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô đào tạo trong thời gian 03 năm (đối với khoá tuyển sinh năm 2018 trở về trước); 2,5 năm (đối với khoá tuyển sinh năm 2019 và các khoá tiếp theo), một năm học có 2 học kỳ và chương trình học được thiết kế theo năm học và ít biến động. Về mặt sinh viên phải hoàn thành nội dung môn học đã được ấn định theo học kỳ, năm học; sinh viên chấp hành tốt các lịch học, lịch thi, các quy định, quy chế của nhà trường, tích cực học tập và rèn luyện thì sẽ đạt kết quả tốt. Tuy nhiên với phương thức này cũng có những hạn chế về tính chủ động của sinh viên, người học xoay quanh quỹ đạo của người dạy, khó liên thông sang ngành học khác.

Để khắc phục những hạn chế trên, trường chủ động trong chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô thời gian học thực hành chiếm 50%-70% tổng giờ học nhằm tạo điều kiện để sinh viên thực hành, chủ động tự rèn luyện kỹ năng nghề; đồng thời phương pháp giảng dạy của giảng viên thực hiện giảng dạy lấy người học làm trung tâm, tổ chức nghiên cứu cho SV nhóm theo nhóm, làm bài tập lớn, báo cáo đề án; chương trình đào tạo được xây dựng mang tính liên thông trình độ trung cấp lên cao đẳng của trường, liên thông trình độ trung cấp, cao đẳng lên đại học với nghề tương ứng.

### **3.4. Tóm tắt nội dung chương trình đào tạo**

Chương trình đào tạo chi tiết của nghề Công nghệ ô tô trình độ cao đẳng khoá tuyển sinh khoá đầu tiên năm 2010 được xây dựng trên cơ sở chương trình khung của Bộ LĐTB&XH, đã được Trường xây dựng, thẩm định và ban hành theo Quyết định số 05/QĐ-CDN ngày 6/12/2010 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng nghề Kinh tế - Kỹ thuật Bắc Ninh (nay là trường cao đẳng công nghiệp Bắc Ninh) về việc Ban hành chương trình dạy nghề 3 cấp trình độ.

Nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động và thực hiện các quy định, yêu cầu đổi mới chương trình đào tạo của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội; năm 2017, Trường thực hiện xây dựng mới tất cả các chương trình đào tạo trong đó có chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô, thời gian đào tạo 2,5 năm, được thẩm định theo đúng quy định. Trên cơ sở khảo sát nhu cầu lao động và chương trình đào tạo đã xây dựng, năm 2019 Trường tổ chức thực hiện điều chỉnh chương trình đào tạo Công nghệ ô tô tăng thời lượng cho Sinh viên học ngoài doanh nghiệp.

- Thống kê tất cả các môn học, mô đun của chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô trình độ cao đẳng khoá tuyển sinh 2017:

TT	Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian đào tạo (giờ)			
				Tổng số	Trong đó		
					Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/ thí nghiệm/ thảo luận	Kiểm tra
	<b>I</b>	<b>Các môn học chung</b>	<b>21</b>	<b>450</b>	<b>199</b>	<b>222</b>	<b>29</b>
1	MH 01	Chính trị	5	90	60	24	6
2	MH 02	Pháp luật	2	30	22	6	2
3	MH 03	Giáo dục thể chất	2	60	4	52	4
4	MH 04	Giáo dục quốc phòng - An ninh	3	75	36	36	3
5	MH 05	Tin học	3	75	17	54	4
6	MH 06	Ngoại ngữ (Anh văn)	6	120	60	50	10
	<b>II.</b>	<b>Các môn học, mô đun chuyên môn</b>	<b>108</b>	<b>2745</b>	<b>697</b>	<b>1846</b>	<b>202</b>
	<b>II.1</b>	<b>Môn học, mô đun cơ sở</b>	<b>30</b>	<b>525</b>	<b>280</b>	<b>299</b>	<b>46</b>
7	MH 07	Kỹ thuật điện	2	30	22	6	5
8	MH 08	Điện tử cơ bản	2	30	22	6	2
9	MH 09	Cơ kỹ thuật	4	60	43	13	2
10	MH 10	Vật liệu cơ khí	2	30	24	4	4
11	MH 11	Dung sai lắp ghép và đo lường kỹ thuật	2	30	19	9	3
12	MH 12	Vẽ kỹ thuật cơ khí	3	45	25	15	2
13	MH 13	Công nghệ khí nén - thủy lực ứng dụng	2	30	26	2	3

14	MH 14	Nhiệt kỹ thuật	2	30	23	5	2
15	MH 15	An toàn vệ sinh lao động	2	30	16	12	2
16	MĐ 16	Thực hành AUTOCAD	2	45	15	27	3
17	MĐ 17	Sử dụng dụng cụ cầm tay	3	75	15	52	8
18	MĐ 18	Thực hành Hàn	2	45	15	24	6
19	MĐ 19	Thực hành điện cơ bản	2	45	15	24	6
	<b>II.2</b>	<b>Các môn học, mô đun chuyên môn</b>	<b>78</b>	<b>2220</b>	<b>417</b>	<b>1647</b>	<b>156</b>
20	MH 20	Kỹ thuật chung về ô tô và công nghệ sửa chữa	2,5	45	30	13	2
21	MĐ 21	Bảo dưỡng và sửa chữa cơ cấu trục khuỷu - thanh truyền và bộ phận cố định của động cơ	5	120	30	84	6
22	MĐ 22	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống phân phối khí	3	75	15	54	6
23	MĐ 23	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống bôi trơn và hệ thống làm mát	3	75	15	54	6
24	MĐ 24	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống nhiên liệu động cơ xăng dùng bộ chế hòa khí	3	60	15	39	6
25	MĐ 25	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống nhiên liệu động cơ diesel	4	90	30	53	7
26	MĐ 26	Bảo dưỡng và sửa chữa trang bị điện ô tô	6	150	30	112	8
27	MĐ 27	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống truyền lực	4,5	105	30	69	6
28	MĐ 28	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống di chuyển	2,5	60	22	32	6
29	MĐ 29	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống lái	2,5	60	22	32	6
30	MĐ 30	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống phanh	3,5	90	22	62	6
31	MĐ 31	Chẩn đoán trạng thái kỹ thuật ô tô	4,5	105	30	69	6
32	MĐ 32	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống phun xăng điện tử	3,5	75	22	47	6
33	MĐ 33	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống phanh ABS	2,5	60	22	32	6

34	MĐ 34	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	2,5	60	22	32	6
35	MĐ 35	Bảo dưỡng và sửa chữa hộp số tự động ô tô	2,5	60	22	32	6
36	MĐ 36	Công nghệ sơn	2	45	15	24	6
37	MĐ 37	Tổ chức, quản lý sản xuất	3	75	23	42	10
38	MĐ 38	Thực tập tại cơ sở sản xuất	18	810	0	765	45
<b>Tổng cộng</b>			<b>129</b>	<b>3195</b>	<b>896</b>	<b>2068</b>	<b>231</b>

- Thống kê tất cả các môn học, mô đun của chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô trình độ cao đẳng khoá tuyển sinh 2019:

TT	Mã MH/MD	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian đào tạo (giờ)			
				Tổng số	Trong đó		
					Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/ thí nghiệm/ thảo luận	Kiểm tra
	<b>I</b>	<b>Các môn học chung</b>	<b>29</b>	<b>435</b>	<b>157</b>	<b>255</b>	<b>23</b>
1	MH 01	Giáo dục chính trị	5	75	41	29	5
2	MH 02	Pháp luật	2	30	18	10	2
3	MH 03	Giáo dục thể chất	4	60	5	51	4
4	MH 04	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5	75	36	35	4
5	MH 05	Tin học	5	75	15	58	2
6	MH 06	Tiếng Anh	8	120	42	72	6
	<b>II.</b>	<b>Các môn học, mô đun chuyên môn</b>	<b>99</b>	<b>2790</b>	<b>741</b>	<b>1882</b>	<b>167</b>
	<b>II.1</b>	<b>Môn học, mô đun cơ sở</b>	<b>28</b>	<b>480</b>	<b>258</b>	<b>182</b>	<b>40</b>
7	MH 07	Kỹ thuật điện	2	30	20	8	2
8	MH 08	Kỹ thuật điện tử	2	30	22	6	2

9	MH 09	Cơ kỹ thuật	4	60	38	18	4
10	MH 10	Vật liệu cơ khí	2	30	24	4	2
11	MH 11	Dung sai lắp ghép và đo lường kỹ thuật	2	30	19	9	2
12	MH 12	Vẽ kỹ thuật cơ khí	3	45	25	15	5
13	MH 13	Công nghệ khí nén - thủy lực ứng dụng	2	30	26	2	2
14	MH 14	Nhiệt kỹ thuật	2	30	23	5	2
15	MH 15	An toàn vệ sinh lao động	2	30	16	12	2
16	MĐ 16	Thực hành AUTOCAD	2	45	15	27	3
17	MĐ 17	Sử dụng dụng cụ cầm tay	3	75	15	52	8
18	MĐ 18	Thực hành Hàn	2	45	15	24	6
	<i>II.2</i>	<b><i>Các môn học, mô đun chuyên môn ngành</i></b>	<b>71</b>	<b>2310</b>	<b>483</b>	<b>1700</b>	<b>127</b>
19	MH 19	Kỹ thuật chung về ô tô và công nghệ sửa chữa	2	30	20	8	2
20	MĐ 20	Bảo dưỡng và sửa chữa cơ cấu trục khuỷu - thanh truyền và bộ phận cố định của động cơ	4	105	30	68	7
21	MĐ 21	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống phân phối khí	2	60	15	39	6
22	MĐ 22	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống bôi trơn và hệ thống làm mát	2	60	15	39	6
23	MĐ 23	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống nhiên liệu động cơ xăng dùng bộ chế hòa khí	2	45	15	24	6
24	MĐ 24	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống nhiên liệu động cơ diesel	4	90	28	55	7
25	MĐ 25	Bảo dưỡng và sửa chữa trang bị điện ô tô	5	150	45	97	8
26	MĐ 26	Bài tập tổng hợp chẩn đoán, sửa chữa Pan động cơ	8	300	30	262	8
27	MĐ 27	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống truyền lực	4	105	30	68	7
28	MĐ 28	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống di chuyển	2	45	15	24	6

29	MĐ 29	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống lái	2	45	15	24	6
30	MĐ 30	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống phanh	2	60	15	39	6
31	MĐ 31	Bài tập nâng cao bảo dưỡng và sửa chữa ô tô	8	300	30	262	8
32	MĐ 32	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống phun xăng điện tử	2	60	20	34	6
33	MĐ 33	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống phanh ABS	2	60	15	39	6
34	MĐ 34	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	2	60	15	39	6
35	MĐ 35	Bảo dưỡng và sửa chữa hộp số tự động ô tô	2	60	15	39	6
36	MĐ 36	Thực tập tốt nghiệp	11	450	15	425	10
37	MĐ 37	Đồ án tốt nghiệp	5	225	100	115	10
<b>Tổng cộng</b>			<b>128</b>	<b>3225</b>	<b>898</b>	<b>2137</b>	<b>190</b>

### 3.5. Kế hoạch, số lượng tuyển sinh, tỷ lệ tốt nghiệp

TT	Khóa học	Số lượng tuyển sinh		Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp/TS (%)	Ghi chú
		Theo kế hoạch	Thực tế		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Năm 2017 (K8)	60	23	60%	(K6 tốt nghiệp)
2	Năm 2018 (K9)	60	51	65,3%	(K7 tốt nghiệp)
3	Năm 2019 (K10)	60	57	72,8%	(K8 tốt nghiệp)
4	Năm 2020 (K11)	60	72	80,4%	(K9 tốt nghiệp)
	<b>Cộng</b>	<b>240</b>	<b>203</b>		

### 3.6. Đội ngũ giảng viên tham gia chương trình đào tạo:

Tổng số: 06, trong đó:

- Nam : 06  
- Nữ : 0  
- Cơ hữu : 06  
- Thỉnh giảng : 0

- Trình độ đào tạo:

<b>Trình độ đào tạo</b>	<b>Nam</b>	<b>Nữ</b>	<b>Tổng số</b>
Tiến sĩ	-	-	-
Thạc sĩ	02	0	02
Đại học	04	0	04
Cao đẳng	-	-	-
Trung cấp	-	-	-
Công nhân bậc 5/7 trở lên	-	-	-
Trình độ khác	-	-	-
<b>Tổng số</b>	<b>6</b>	<b>0</b>	<b>6</b>

### 3.7. Cơ sở vật chất phục vụ chương trình đào tạo

<b>TT</b>	<b>Hạng mục, công trình</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Tổng số</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Văn phòng khoa	36,60m <sup>2</sup>	01	
2	Phòng học lý thuyết	180 m <sup>2</sup>	03	Tuỳ từng môn học được phân bổ theo thời khoá biểu
3	Kho trang thiết bị thực tập HS	33,20m <sup>2</sup>	01	
4	Kho vật tư	35,30m <sup>2</sup>	01	
5	Xưởng thực tập Động cơ	420 m <sup>2</sup>	01	
6	Xưởng thực tập Nguội sửa chữa	300 m <sup>2</sup>	01	
7	Xưởng thực tập Điện ô tô	220 m <sup>2</sup>	01	
8	Xưởng thực tập Gầm ô tô	220 m <sup>2</sup>	01	
9	Xưởng liên kết đào tạo	420 m <sup>2</sup>	01	
10	Xưởng sơn liên kết đào tạo	180 m <sup>2</sup>	01	

## PHẦN II

### KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

#### **1. Tổng quan chung**

##### **1.1. Căn cứ tự đánh giá**

- Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08/6/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

- Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

- Công văn số 454/TCGDNN-KĐCL ngày 25/3/2019 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp về việc hướng dẫn đánh giá tiêu chuẩn KĐCL chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp và cao đẳng.

##### **1.2. Mục đích tự đánh giá**

- Tuân thủ các quy định hiện hành về tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo của nghề trọng điểm, đánh giá toàn bộ hoạt động theo hệ thống tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo.

- Nâng cao nhận thức của viên chức, GV, nhân viên và học sinh, sinh viên trong trường công tác tự đánh giá; đánh giá mức độ, hoàn thành nhiệm vụ của từng cá nhân, bộ phận, xem xét thực trạng, chất lượng của chương trình đào tạo, từ đó điều chỉnh mục tiêu chất lượng cho thời gian tiếp theo.

- Duy trì việc rà soát thường xuyên toàn bộ hoạt động của Trường, của chương trình đào tạo so với các tiêu chuẩn có liên quan trong bộ tiêu chí để kịp thời có những giải pháp cải tiến, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo của Trường hàng năm.

##### **1.3. Yêu cầu tự đánh giá**

- Đảm bảo đánh giá toàn bộ hoạt động của chương trình đào tạo, có sự tham gia của tất cả các bộ phận và cá nhân liên quan.

- Đánh giá theo hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo hiện hành và các hướng dẫn có liên quan.

- Đảm bảo trung thực, khách quan, đầy đủ minh chứng hợp lệ để chứng minh cho nhận định trong tự đánh giá chất lượng.

- Kết quả tự đánh giá chất lượng phải được công khai trong nội bộ Trường, được cập nhật vào dữ liệu của hệ thống thông tin quản lý của cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp và được lưu trữ toàn bộ minh chứng, tài liệu liên quan.

##### **1.4. Phương pháp tự đánh giá**

- Thu thập tài liệu, thông tin, rà soát các hoạt động của Trường, đối chiếu các kết quả đạt được với hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo.

- Xác định mức độ đạt của các tiêu chuẩn, lập kế hoạch cải thiện các tồn tại để nâng cao chất lượng của Trường.

##### **1.5. Các bước tiến hành tự đánh giá**

- Bước 1: Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng.

- Bước 2. Thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo.

- Bước 3: Thông qua và phê duyệt báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình



đào

- Bước 4: Công bố báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo và gửi báo cáo Sở Lao động Thương binh và Xã hội và Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp.

## 2. Tự đánh giá

### 2.1. Tổng hợp kết quả tự đánh giá

<b>TT</b>	<b>Tiêu chí, Tiêu chuẩn (Ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)</b>	<b>Điểm chuẩn</b>	<b>Tự đánh giá của cơ sở GDNN về chương trình đào tạo</b>
	<b>ĐỀ XUẤT KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC</b>		<b>Đạt tiêu chuẩn kiểm định</b>
	<b>Tổng điểm</b>	<b>100</b>	<b>94</b>
<b>1</b>	<b>Tiêu chí 1: Mục tiêu, quản lý và tài chính</b>	<b>06</b>	<b>06</b>
1.1.	Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp mục tiêu của cơ sở đào tạo và nhu cầu thị trường lao động, được công bố công khai và được rà soát, điều chỉnh theo quy định.	2	2
1.2.	Tiêu chuẩn 2: Cơ sở đào tạo có văn bản giao nhiệm vụ cụ thể cho khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo và các đơn vị có liên quan đến việc thực hiện chương trình đào tạo; khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo hoàn thành các nhiệm vụ được giao liên quan đến chương trình đào tạo.	2	2
1.3	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, cơ sở đào tạo nghiên cứu, xác định định mức chi tối thiểu cho một người học, đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo và có đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện chương trình đào tạo.	2	2
<b>2</b>	<b>Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo</b>	<b>14</b>	<b>12</b>
2.1	Tiêu chuẩn 1: Hàng năm, cơ sở đào tạo thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định; kết quả tuyển sinh đạt tối thiểu 80% chỉ tiêu theo kế hoạch của cơ sở đào tạo.	2	2
2.2	Tiêu chuẩn 2: Cơ sở đào tạo có kế hoạch đào tạo và tổ chức đào tạo theo quy định.	2	2
2.3	Tiêu chuẩn 3: Thực hiện phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự	2	2

	giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học; thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy và học.		
2.4	Tiêu chuẩn 4: Cơ sở đào tạo phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động; 100% người học trước khi tốt nghiệp đều được thực hành tại đơn vị sử dụng lao động phù hợp với ngành, nghề đào tạo.	2	2
2.5	Tiêu chuẩn 5: Tổ chức kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng theo quy định; có hồ sơ người học đủ và đúng theo quy định.	2	2
2.6	Tiêu chuẩn 6: Tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo quy định; sử dụng kết quả kiểm tra để kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học cho phù hợp.	2	2
2.7	Tiêu chuẩn 7: Tổ chức đào tạo liên thông theo quy định.	2	0
<b>3</b>	<b>Tiêu chí 3 - Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên</b>	<b>16</b>	<b>14</b>
3.1	Tiêu chuẩn 1: 100% nhà giáo tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.	2	2
3.2	Tiêu chuẩn 2: Hàng năm, 100% nhà giáo hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.	2	2
3.3	Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo tất cả các mô-đun, môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo đứng lớp; đảm bảo tỉ lệ số người học/lớp và tỉ lệ quy đổi người học/nhà giáo theo quy định.	2	2
3.4	Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, tối thiểu 50% nhà giáo cơ hữu dạy các môn chuyên môn ngành, nghề tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi thiết bị tự làm các cấp.	2	2
3.5	Tiêu chuẩn 5: Hàng năm, cơ sở đào tạo tổ chức cho nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng.	2	2
3.6	Tiêu chuẩn 6: 100% nhà giáo cơ hữu đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động theo quy định.	2	0
3.7	Tiêu chuẩn 7: 100% cán bộ quản lý và nhân viên đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy	2	2

	định.		
3.8	Tiêu chuẩn 8: Hàng năm, 100% cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.	2	2
<b>4</b>	<b>Tiêu chí 4 - Chương trình, giáo trình</b>	<b>24</b>	<b>24</b>
4.1	Tiêu chuẩn 1: Chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.	2	2
4.2	Tiêu chuẩn 2: Có sự tham gia của ít nhất 02 đơn vị sử dụng lao động trong quá trình xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo.	2	2
4.3	Tiêu chuẩn 3: Chương trình đào tạo thể hiện được khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp.	2	2
4.4	Tiêu chuẩn 4: Chương trình đào tạo thể hiện được sự phân bổ thời gian, trình tự thực hiện các mô-đun, môn học để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp.	2	2
4.5	Tiêu chuẩn 5: Chương trình đào tạo thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên để triển khai thực hiện chương trình đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo.	2	2
4.6	Tiêu chuẩn 6: Chương trình đào tạo thể hiện được phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.	2	2
4.7	Tiêu chuẩn 7: Chương trình đào tạo đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ.	2	2
4.8	Tiêu chuẩn 8: Chương trình đào tạo đảm bảo việc liên thông giữa các trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân.	2	2
4.9	Tiêu chuẩn 9: Có đủ giáo trình cho các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.	2	2
4.10	Tiêu chuẩn 10: 100% giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.	2	2

4.11	Tiêu chuẩn 11: Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo; nội dung giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.	2	2
4.12	Tiêu chuẩn 12: Nội dung giáo trình đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.	2	2
<b>5</b>	<b>Tiêu chí 5 - Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện</b>	<b>16</b>	<b>16</b>
5.1	Tiêu chuẩn 1: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, hệ thống điện, nước đảm bảo quy chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo.	2	2
5.2	Tiêu chuẩn 2: Đảm bảo đủ chủng loại thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo.	2	2
5.3	Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo đủ số lượng thiết bị đào tạo đáp ứng quy mô, yêu cầu đào tạo.	2	2
5.4	Tiêu chuẩn 4: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, thuận tiện cho việc thực hành, đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường; thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.	2	2
5.5	Tiêu chuẩn 5: Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện; được quản lý, cấp phát, sử dụng theo quy định; đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo.	2	2
5.6	Tiêu chuẩn 6: Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được cơ sở đào tạo phê duyệt; mỗi loại giáo trình có tối thiểu 05 bản in và đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của nhà giáo và người học; có đủ sách, tạp chí, tài liệu tham khảo tối thiểu 05 đầu sách/người học; 100% chương trình, giáo trình được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.	2	2
5.7	Tiêu chuẩn 7: Thư viện được trang bị máy tính và nối mạng internet đáp ứng nhu cầu dạy, học và tra cứu tài liệu.	2	2

5.8	Tiêu chuẩn 8: Có các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học thực tế trong giảng dạy.	2	2
<b>6</b>	<b>Tiêu chí 6 - Dịch vụ cho người học</b>	<b>8</b>	<b>8</b>
6.1	Tiêu chuẩn 1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo; quy chế đào tạo; quy chế công tác học sinh, sinh viên; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo và các chế độ, chính sách đối với người học.	2	2
6.2	Tiêu chuẩn 2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định; cơ sở đào tạo có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập và tư vấn, hỗ trợ kịp thời cho người học trong quá trình học tập.	2	2
6.3	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, cơ sở đào tạo cung cấp cho người học các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm; thực hiện trợ giúp, giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.	2	2
6.4	Tiêu chuẩn 4: Cơ sở đào tạo thực hiện đa dạng hóa các hoạt động xã hội, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho người học.	2	2
<b>7</b>	<b>Tiêu chí 7 – Giám sát, đánh giá chất lượng</b>	<b>16</b>	<b>14</b>
7.1	Tiêu chuẩn 1: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động và sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.	2	2
7.2	Tiêu chuẩn 2: Thực hiện điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của cơ sở đào tạo và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm của người tốt nghiệp.	2	2
7.3	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 50% nhà giáo, cán bộ quản lý về các nội dung liên quan đến công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý.	2	2

7.4	Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 30% người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học.	2	2
7.5	Tiêu chuẩn 5: Cơ sở đào tạo thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo quy định.	2	2
7.6	Tiêu chuẩn 6: Hàng năm, cơ sở đào tạo có kế hoạch cụ thể và thực hiện cải thiện, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá của cơ sở đào tạo và kết quả đánh giá ngoài (nếu có).	2	0
7.7	Tiêu chuẩn 7: Trong vòng 06 tháng kể từ khi tốt nghiệp, tối thiểu 80% người học có việc làm phù hợp với ngành, nghề đào tạo.	2	2
7.8	Tiêu chuẩn 8: Tối thiểu 80% đơn vị sử dụng lao động được điều tra hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.	2	2

### Điểm đánh giá các tiêu chí:

Tiêu chí	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 1	6/6
Tiêu chí 2	12/14
Tiêu chí 3	14/16
Tiêu chí 4	24/24
Tiêu chí 5	16/16
Tiêu chí 6	8/8
Tiêu chí 7	14/16
<b>Tổng số</b>	<b>94/100</b>

## 2.2. Tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn:

### 2.2.1. Tiêu chí 1: Mục tiêu, quản lý và tài chính

#### Đánh giá tổng quát tiêu chí 1:

##### Mở đầu:

Mục tiêu của Trường là tổ chức đào tạo nhân lực kỹ thuật trực tiếp trong sản xuất, dịch vụ ở các trình độ cao đẳng, trung cấp và sơ cấp nhằm trang bị cho người học năng lực thực hành nghề tương xứng với trình độ đào tạo, có sức khỏe, đạo đức lương tâm

nghề nghiệp, ý thức kỷ luật, tác phong công nghiệp, tạo điều kiện cho HSSV có năng lực thích ứng với việc làm trong xã hội, tìm việc làm, tự tạo việc làm hoặc tiếp tục học lên trình độ cao hơn, đáp ứng yêu cầu thị trường lao động, phục vụ nhu cầu nguồn nhân lực cho phát triển các ngành công nghiệp trọng yếu của thành phố và phát triển kinh tế xã hội trong giai đoạn công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Các hoạt động của Trường thực hiện theo đúng theo Quy chế tổ chức và hoạt động Trường Cao đẳng.

Công tác phát triển nguồn nhân lực luôn được Trường đặc biệt chú trọng và có chế độ khuyến khích hỗ trợ tài chính cho đội ngũ GV, CB quản lý học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, quản lý. Ngoài ra, việc nắm bắt và quán triệt các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước đã được Trường chú trọng qua việc duy trì hoạt động của Đảng bộ hàng tháng, phát huy vai trò của các đoàn thể đem lại những cải tiến tích cực, góp phần quan trọng nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp của Trường.

Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh là một đơn vị sự nghiệp có thu đảm bảo một phần kinh phí chi thường xuyên, luôn ổn định nên không gây xáo trộn lớn trong việc thực hiện kế hoạch hàng năm của nhà trường. Trường đã thực hiện cơ chế quản lý tài chính thống nhất, đã triển khai xây dựng và thực hiện Quy chế chi tiêu nội bộ, định kỳ hàng năm đều tổ chức lấy ý kiến của cán bộ, viên chức toàn trường để điều chỉnh bổ sung các định mức chi tiêu căn cứ theo quy định quản lý tài chính hiện hành. Công tác quản lý tài chính của trường thực hiện theo mô hình tập trung nên đã bám sát được nhu cầu thực tiễn để lập dự toán và điều chỉnh. Ưu tiên kinh phí cho hoạt động đào tạo và NCKH, các kế hoạch, dự toán ngân sách hằng năm được lập đúng với mục đích và mục tiêu phát triển của nhà trường. Kinh phí của trường được phân bổ, sử dụng hợp lý, minh bạch và đúng quy định, việc phân bổ và sử dụng nguồn kinh phí được công khai tới toàn thể cán bộ, viên chức, người lao động trong trường thông qua Hội nghị CBVC hằng năm.

Hàng năm việc lập và điều chỉnh dự toán, kế hoạch đều căn cứ vào tình hình thực tế của Nhà trường và sự chỉ đạo của các cấp có thẩm quyền. Các nguồn kinh phí luôn được sử dụng ưu tiên cho các hoạt động đào tạo, mua sắm đầu tư trang thiết bị phục vụ nâng cao chất lượng đào tạo và nâng cao thu nhập cho cán bộ công nhân viên chức và giáo viên, đồng thời thường xuyên thực hiện tiết kiệm chi phí một cách hợp lý, có hiệu quả. Các kế hoạch, dự toán ngân sách hàng năm được lập phù hợp với mục tiêu phát triển của Nhà trường;

Công tác lập kế hoạch tài chính của Nhà trường đạt chuẩn theo các văn bản pháp quy và đáp ứng được yêu cầu về quản lý tài chính của đơn vị.

Chế độ quản lý tài chính thực hiện theo đúng quy định của Nhà nước, đảm bảo tính chính xác, minh bạch và công khai.

*\* Những điểm mạnh:*

Trường có đủ các quyết định thành lập Trường được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phù hợp với từng giai đoạn phát triển. Mục tiêu, nhiệm vụ của Trường được xác định rõ ràng, có văn bản qui định việc rà soát, điều chỉnh, định hướng chủ yếu vào việc đáp ứng nhu cầu nhân lực của thị trường lao động, cơ cấu và danh mục nghề đào tạo

của Trường đã cơ bản đáp ứng với tình hình kinh tế-xã hội của Tỉnh Bắc Ninh. Trường công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng và trên Website của Trường.

Trường có đầy đủ các văn bản quy định rõ chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của các bộ phận trực thuộc theo hướng tự chủ, tự chịu trách nhiệm. Các bộ phận được phân cấp hợp lý, có quyền chủ động trong công việc. Trường đã thực hiện định kỳ rà soát, điều chỉnh và bổ sung các văn bản này cho phù hợp với thực tế và điều kiện của Trường; tổ chức Đảng, các Đoàn thể trong Trường phát huy được sức mạnh

Các nguồn kinh phí luôn được sử dụng ưu tiên cho các hoạt động đào tạo và nâng cao thu nhập cho cán bộ giáo viên, nhân viên; đầu tư kinh phí để nâng cao trình độ của cán bộ giáo viên hàng năm, vì vậy số cán bộ giáo viên đạt trình độ cao ngày càng tăng về số lượng và chất lượng.

Trường xây dựng và hoạt động theo Quy chế chi tiêu nội bộ được cập nhật hàng năm qua Hội nghị Cán bộ viên chức và dựa trên cơ sở văn bản hướng dẫn của Nhà nước. Quá trình thực hiện quy chế đó đã thực sự phát huy tác dụng hiệu quả của nó và đảm bảo sự cho phát triển của nhà trường trong tình hình mới.

Trường thực hiện đúng quy định của Nhà nước về công tác lập báo cáo tài chính, sổ sách công khai, minh bạch, rõ ràng và đầy đủ cho từng năm hoạt động;

Công tác lập kế hoạch tài chính phù hợp với thực tế và với nhu cầu đào tạo, NCKH, các hoạt động khác của Trường, việc quản lý và sử dụng kinh phí được công khai, minh bạch, tuân thủ các quy định của Nhà nước.

**\* Những tồn tại:**

Kế hoạch tài chính của trường phụ thuộc vào định mức Ngân sách nhà nước cấp cho đào tạo. Tuy nhiên định mức hiện đang áp dụng chưa phù hợp với tình hình giá cả thị trường.

**\* Kế hoạch nâng cao chất lượng.**

Nhà trường luôn đảm bảo nguồn lực về tài chính để phục vụ cho các hoạt động của Nhà trường, nghiên cứu, xác định định mức chi tối thiểu cho một người học, đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo và có đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện chương trình đào tạo

Nhà trường tiếp tục triển khai và phát triển các hoạt động liên kết đào tạo nhằm tăng nguồn thu từ các hoạt động này. Liên kết với các địa phương, các công ty, doanh nghiệp để đào tạo theo nhu cầu mà xã hội cần, có như vậy mới thu hút người học và tạo nguồn thu cho đơn vị. Phối hợp sắp xếp lớp học hợp lý để giảm chi phí giảng dạy.

Xây dựng và thực hiện các quy trình quản lý chất lượng quản lý thu-chi ngân sách trong nhà trường.

Thường xuyên cân đối nguồn tài chính nhằm đảm bảo việc sử dụng phù hợp nguồn kinh phí cho các bộ phận, ưu tiên kinh phí cho vật tư thực tập, trang thiết bị cho các khoa. Phối hợp đẩy mạnh công tác tuyển sinh để thu hút HSSV vào trường ngày càng tăng.

Xây dựng quy trình cụ thể về phân bổ tài sản cho các đơn vị và quy định trách nhiệm khai thác, sử dụng có hiệu quả; lập kế hoạch dự toán và phân phối vật tư thực tập



cho các xưởng thực hành; phối hợp với các bộ phận chức năng để xây dựng định mức chi phí tài chính cho từng ngành nghề đào tạo;

Hàng năm trường điều chỉnh, bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường trên cơ sở chi tiêu đúng chế độ quy định, đảm bảo theo hướng khuyến khích đầu tư phát triển, đồng thời quan tâm hơn nữa đến việc tăng thu nhập của cán bộ, giáo viên, công nhân viên;

**Điểm đánh giá tiêu chí 1:**

<i>Tiêu chí, tiêu chuẩn</i>	<i>Điểm tự đánh giá</i>
<i>Tiêu chí 1</i>	<i>6 điểm</i>
Tiêu chuẩn 1	2 điểm
Tiêu chuẩn 2	2 điểm
Tiêu chuẩn 3	2 điểm

***Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp mục tiêu của cơ sở đào tạo và nhu cầu thị trường lao động, được công bố công khai và được rà soát, điều chỉnh theo quy định.***

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp mục tiêu và sứ mạng của trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh là tiếp tục quán triệt và thực hiện mục tiêu hoạt động của nhà trường tới giáo viên, cán bộ công nhân viên như trong nghị quyết ban chấp hành Đảng ủy nhiệm kỳ 2015-2020: “*Tiếp tục xây dựng nhà trường trở thành trường đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đa ngành, đa lĩnh vực định hướng Hội nhập quốc tế*”

Nhà trường quán triệt và thực hiện tốt các Quy định về Điều lệ trường Cao đẳng theo “*Thông tư số 46/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội Quy định về điều lệ trường Cao đẳng*”. Xác định được tầm quan trọng về đào tạo nghề trong tương lai và vị trí địa lý thuận lợi trong công tác đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao nhà trường đã xây dựng đề án thành lập trường Cao đẳng để cụ thể hóa nhiệm vụ chính trị của nhà trường ( **1.1.01 – Đề án thành lập trường Cao đẳng**).

Chương trình đào tạo thể hiện rõ mục tiêu, tính tự chủ tự chịu trách nhiệm được thể hiện (**1.1.02 – Chương trình đào tạo ngành CNOTO**). Trên cơ sở định hướng phát triển ngành nghề đào tạo Nhà trường đã định hướng cụ thể mục tiêu đào tạo của nhà trường (**1.1.03 – QĐ 32/QĐ-CĐCN, ngày 21/01/2020 của trường CĐCN Bắc Ninh về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường**). Mục tiêu của chương trình đào tạo được quy định rõ và công khai rộng rãi trên website của trường (**1.1.04 – [www.bci.edu.vn](http://www.bci.edu.vn)**).

Sinh viên ngành Công nghệ ô tô sau khi ra trường được khẳng định vị trí việc làm và có việc làm sau tốt nghiệp đạt trên 95% (**1.1.05 – Công văn tuyển dụng của công ty Samsung, Foxconn, tập đoàn KHKT Hồng Hải,....**).

Hàng năm để đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động, nhà trường đề nghị khoa chuyên môn tổ chức họp, rà soát mục tiêu của chương trình đào tạo cho phù hợp với nhu cầu của thị trường lao động (**1.1.06 – TB số 06/TB-CĐN ngày 28/3/2017 về việc kết luận**

*của ban chủ nhiệm xây dựng chương trình đào tạo, TB số 29/TB-CĐCN ngày 3/7/2019 về việc rà soát, áp dụng chương trình đào tạo theo phương thức tích lũy Mô đun.)*

Bên cạnh đó nhà trường cũng chú trọng xin ý kiến của chuyên gia, đại diện cho các doanh nghiệp về xây dựng chương trình đào tạo (**1.1.07 – QĐ 192, 193 năm 2019 về việc thành lập ban rà soát và ban thẩm định chương trình đào tạo**).

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 1: 2 điểm.**

***Tiêu chuẩn 2: Cơ sở đào tạo có văn bản giao nhiệm vụ cụ thể cho khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo và các đơn vị có liên quan đến việc thực hiện chương trình đào tạo; khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo hoàn thành các nhiệm vụ được giao liên quan đến chương trình đào tạo.***

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Ngay từ khi thành lập ban nghề Nhà trường đã xác định nghề Công nghệ ô tô là ngành nghề quan trọng, mũi nhọn của Nhà trường và xác định thuộc Khoa Công nghệ ô tô (**1.2.01- Quyết định thành lập khoa Cơ khí động lực**). Trên cơ sở đó, nhà trường thành lập tổ biên soạn chương trình để thực hiện nhiệm vụ đào tạo chương trình ngành Công nghệ ô tô (**1.2.02- Quyết định thành lập Ban chủ nhiệm/Tổ biên soạn/lựa chọn chương trình đào tạo ngành Công nghệ ô tô**).

Từ năm 2017 đến nay, nhà trường thành lập khoa Công nghệ ô tô thực hiện chức năng tiếp quản ngành Công nghệ ô tô (**1.2.03- Quyết định đổi tên khoa Cơ khí động lực thành khoa Công nghệ ô tô**); (**1.2.04-Chức năng nhiệm vụ khoa Công nghệ ô tô**).

Hàng năm khoa Công nghệ ô tô xây dựng kế hoạch đào tạo và báo cáo kết quả hoạt động của khoa trong đó có ngành Công nghệ ô tô thực hiện báo cáo kết quả CTĐT phụ trách đào tạo (**1.2.05- Báo cáo kết quả năm học của khoa Công nghệ ô tô**). Trải qua kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học khoa đã đạt được các thành tích như Tập thể lao động xuất sắc, có nhiều giáo viên đạt thành tích cao trong dạy học (**1.2.06- Các quyết định khen thưởng của khoa Công nghệ ô tô**).

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 1: 2 điểm.**

***Tiêu chuẩn 3. Hàng năm, cơ sở đào tạo nghiên cứu, xác định định mức chi tối thiểu cho một người học, đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo và có đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện chương trình đào tạo.***

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh là một đơn vị sự nghiệp có thu đảm bảo một phần kinh phí chi thường xuyên, luôn ổn định nên không gây xáo trộn lớn trong việc thực hiện kế hoạch hàng năm của nhà trường. Trường đã thực hiện cơ chế quản lý tài chính thống nhất, đã triển khai xây dựng và thực hiện Quy chế chi tiêu nội bộ, định kỳ hàng năm đều tổ chức lấy ý kiến của cán bộ, viên chức toàn trường để điều chỉnh bổ sung các định mức chi tiêu căn cứ theo quy định quản lý tài chính hiện hành. Công tác quản lý tài chính của trường thực hiện theo mô hình tập trung nên đã bám sát được nhu cầu thực tiễn để lập dự toán và điều chỉnh. Ưu tiên kinh phí cho hoạt động đào tạo và NCKH, các kế hoạch, dự toán ngân sách hằng năm được lập đúng với mục đích và mục

tiêu phát triển của nhà trường. Kinh phí của trường được phân bổ, sử dụng hợp lý, minh bạch và đúng quy định, việc phân bổ và sử dụng nguồn kinh phí được công khai tới toàn thể cán bộ, viên chức, người lao động trong trường thông qua Hội nghị cán bộ viên chức hằng năm (**1.3.01** – *Quyết định phê duyệt định mức kinh tế kỹ thuật theo từng nghề của Hiệu trưởng trường Cao đẳng công nghiệp Bắc Ninh*; **1.3.02** - *Báo cáo quyết toán kinh phí ngân sách năm 2018, 2019, 2020*); **1.3.03** – *Quyết định thu học phí của trường năm 2018, 2019, 2020*; **1.3.04** - *Báo cáo tổng kết công tác tài chính tại hội nghị công chức, viên chức năm 2018, 2019, 2020*; **1.3.05** - *Biên bản thanh kiểm tra về công tác đào tạo năm 2018, 2019, 2020*).

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 1: 2 điểm.**

## **2.2.2. Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo**

### **Đánh giá tổng quát tiêu chí 2:**

Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh đã và đang thực hiện đa dạng các loại hình đào tạo, nhằm đáp ứng nhu cầu bồi dưỡng nguồn nhân lực có chất lượng cao thuộc các lĩnh vực kinh tế - kỹ thuật đạt chuẩn quốc gia như: ngành Công nghệ ô tô và các ngành nghề khác theo quy định; là cơ sở nghiên cứu, triển khai khoa học công nghệ phục vụ quản lý, sản xuất - kinh doanh đóng góp vào phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Bắc Ninh trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế.

Trong quá trình đào tạo ngành Công nghệ ô tô để tạo điều kiện thuận lợi cho người học, nhà trường đã nghiên cứu, chuẩn bị đầy đủ cơ sở vật chất để đáp ứng với hình thức đào tạo theo niên chế, tích lũy Mô đun của nhà trường theo yêu cầu của Thông tư 09/2017/TT-BLĐT BXH ngày 13/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương Binh Xã hội, Các ngành, nghề đào tạo của trường được cấp phép đào tạo trong *Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp*.

Nhà trường coi công tác đổi mới phương pháp dạy học là nhiệm vụ trọng tâm để nâng cao chất lượng đào tạo: giảng dạy theo hướng lấy người học làm trung tâm, phát triển năng lực tự học của HSSV; ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy, đổi mới công tác kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học là những biện pháp cụ thể để đạt mục tiêu này.

Việc thu thập thông tin về HSSV đã tốt nghiệp ngành Công nghệ ô tô; phân tích, đánh giá tình hình việc làm, thu nhập khả năng học tiếp của HSSV đã tốt nghiệp là cơ sở để nhà trường điều chỉnh, bổ sung CTĐT, phương pháp dạy học để nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng nhu cầu của người học và yêu cầu sử dụng lao động của các doanh nghiệp.

#### **\* Những điểm mạnh:**

Trường chú trọng xây dựng quy chế và thực hiện tốt công tác tuyển sinh ngành Công nghệ ô tô ở các cấp đào tạo; Xây dựng kế hoạch và tiến độ đào tạo cho các lớp học, khóa học đảm bảo đúng thời gian và mục tiêu đào tạo cụ thể. Thường xuyên kiểm tra, giám sát quá trình dạy và học; đổi mới phương pháp dạy học, khuyến khích sử dụng các phương pháp dạy học tích cực. Đổi mới và cải tiến các phương pháp kiểm tra, đánh giá theo hướng hợp tác nhóm và khả năng làm việc độc lập của người học.

*\* Những tồn tại:*

Công tác xây dựng cơ sở dữ liệu về hoạt động đào tạo chưa tương xứng với vai trò và giá trị đích thực của nhà trường. Nhà trường mới rà soát, nghiên cứu, xây dựng và tổ chức đào tạo liên thông ở trình độ Trung cấp và Cao đẳng, chưa tổ chức được đa dạng các hoạt động đào tạo liên thông giữa các cấp đào tạo trong nhà trường.

*\* Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

Dựa trên những điểm mạnh và tồn tại ở trên, Trường sẽ phát huy những điểm mạnh và khắc phục dần những tồn tại. Từ năm 2019 trở đi Trường sẽ xây dựng kế hoạch và chỉ đạo thực hiện tổ chức các hoạt động về đào tạo liên thông các cấp học trong nhà Trường; tiếp tục hợp tác với các trường đại học tiến hành tạo nguồn tuyển sinh đào tạo các cấp trình độ cao hơn như: đại học, thạc sĩ.... Tiếp tục hợp tác với các doanh nghiệp trong và ngoài nước nhằm đưa các HSSV ngành Công nghệ ô tô tham gia học tập, thực tập và làm quen với môi trường làm việc thực tế. Tăng cường cơ sở vật chất phòng học thực hành, trang thiết bị, máy móc thực hành ngành Công nghệ ô tô tại trường nhằm đáp ứng nhu cầu của người học và phù hợp với điều làm việc thực tế. Tăng cường xây dựng cơ sở dữ liệu đào tạo và việc làm; tìm hiểu các cơ hội để hợp tác quốc tế về đào tạo, tiếp thu các phương thức đào tạo tiên tiến, hiện đại và phù hợp.

**Điểm đánh giá tiêu chí 2:**

<b>Tiêu chí, tiêu chuẩn</b>	<b>Điểm tự đánh giá</b>
<b>Tiêu chí 2</b>	<b>12</b>
Tiêu chuẩn 1	2
Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	2
Tiêu chuẩn 4	2
Tiêu chuẩn 5	2
Tiêu chuẩn 6	2
Tiêu chuẩn 7	0

***Tiêu chuẩn 1: Hàng năm, cơ sở đào tạo thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định; kết quả tuyển sinh đạt tối thiểu 80% chỉ tiêu theo kế hoạch của cơ sở đào tạo.***

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Hàng năm, Trường Cao đẳng công nghiệp Bắc Ninh đã thực hiện đúng Quy chế tuyển sinh của Bộ LĐTB&XH ban hành kèm theo Thông tư số 05/2017/TT-BLĐTBXH ngày 02/3/2017, Thông tư số 07/2019/TT-BLĐTBXH ngày 07/3/2019 trên cơ sở đó Nhà trường đã xây dựng và ban hành quy chế tuyển sinh theo đúng quy định (2.1.01 - *Quyết định ban hành quy chế tuyển sinh 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020*; 2.1.02- *Thông báo tuyển sinh năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020* ); nhằm đưa ra các quy định đảm bảo đúng pháp luật và phù hợp với nhu cầu người học tại tỉnh Bắc Ninh.

Thực hiện công tác tuyển sinh nghiêm túc, công bằng, khách quan, Nhà trường tuyển sinh đúng ngành nghề và chỉ tiêu tuyển sinh đăng ký đào tạo trong Giấy chứng

nhận đăng ký hoạt động dạy nghề đã được TCDN cấp phép (2.1.03 - Kế hoạch tuyển sinh năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020; 2.1.04 - Tiêu chí xét tuyển năm học 2018-2019, 2019-2020; 2.1.05 - Quyết định thành lập hội đồng tuyển sinh 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020; 2.1.06 - Hồ sơ đăng ký học nghề 2018, 2019, 2020). Hồ sơ dự tuyển được trường tiếp nhận trực tiếp và công khai tại trường; danh sách dự tuyển được lập theo từng nghề. Hội đồng tuyển sinh sẽ dựa vào các tiêu chuẩn để xác định và duyệt danh sách trúng tuyển. Danh sách này được niêm yết tại trường, Học sinh sinh viên nhận giấy báo trúng tuyển trực tiếp tại trường hoặc qua đường bưu điện. Kết quả tuyển sinh hàng năm được báo cáo Sở lao động - Thương binh và Xã hội Bắc Ninh theo quy định ( 2.1.07 - Báo cáo công tác tuyển sinh năm 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020). Các hoạt động tuyển sinh của trường được thực hiện một cách công bằng, nghiêm túc và khách quan, công khai, đúng luật đảm bảo quyền lợi người học và đảm bảo chất lượng tuyển sinh (2.1.08 - Biên bản xét tuyển của HĐ tuyển sinh năm 2017- 2018, 2018-2019, 2019-2020; 2.1.09 - Quyết định biên chế lớp năm 2017-2018, 2018-2019; 2.1.10 - Biên bản thanh kiểm tra công tác tuyển sinh năm 2017- 2018, 2018-2019, 2019-2020). Hàng năm không có khiếu kiện, khiếu nại, tố cáo về công tác tuyển sinh.

Riêng ngành Công nghệ ô tô kết quả tuyển sinh hàng năm luôn đạt chỉ tiêu từ 85 đến 120% ở trình độ Cao đẳng. Đáp ứng yêu cầu đào tạo của nhà trường và đáp ứng nhu cầu người học trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh và các tỉnh lân cận (2.1.11- Bảng tổng hợp kết quả và chỉ tiêu tuyển sinh nghề Công nghệ ô tô năm 2018, 2019, 2020).

#### **Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 2: 2 điểm.**

#### **Tiêu chuẩn 2. Cơ sở đào tạo có kế hoạch đào tạo và tổ chức đào tạo theo quy định.**

##### **Mô tả, phân tích, nhận định:**

Trên cơ sở các quy định của Tổng cục giáo dục nghề nghiệp - Bộ LĐTB&XH đã ban hành; nhà trường đã chuẩn bị đầy đủ hồ sơ đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp và đã được cấp phép theo đúng quy định (2.2.01 - Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp); đồng thời nhà trường cũng đã đăng ký bổ xung thêm một số ngành nghề mới đáp ứng nhu cầu đào tạo tại địa phương và cũng đã được cấp phép (2.2.02 - Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp năm 2017; 2.2.03 - Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp năm 2019); trên cơ sở đã được cấp phép nhà trường đã tổ chức rà soát và xây dựng chuẩn đầu ra cho 100% các chương trình đào tạo đã được cấp phép và công khai trên Website của nhà trường, Đài phát thanh và truyền hình Bắc Ninh; các trang thông tin tuyển sinh của Bộ LĐTB&XH và các bộ ngành khác.

Nhà trường đã xây dựng và ban hành chương trình các nghề đào tạo theo quy định và đúng với giấy chứng nhận hoạt động giáo dục nghề nghiệp đã được cấp (2.2.04 - Quyết định số 24/QĐ-CĐCN ngày 31/5/2017, Quyết định số 256/QĐ-CĐCN ngày 06/9/2019 ban hành chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng năm 2017, 2019).

Hàng năm Nhà trường căn cứ Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình

độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; Nhà trường đã xây dựng và ban hành kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo theo học kỳ, năm học và được đưa tới các đơn vị phòng, khoa trong trường để tổ chức thực hiện (2.2.05 - Kế hoạch đào tạo năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020; 2.2.06 - Tiến độ giảng dạy năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020).

Để tăng cường công tác thực hiện nhiệm vụ đào tạo nhà trường đã xây dựng công tác thanh kiểm tra chuyên môn (2.2.07- Kế hoạch thanh kiểm tra đào tạo năm 2018, 2019, 2020), tổ chức việc giám sát, đánh giá việc thực hiện kế hoạch đào tạo một cách thường xuyên và đảm bảo hiệu quả thông qua các hoạt động theo dõi tiến độ giảng dạy, giám sát kế hoạch và nội dung giảng dạy theo đúng chương trình đào tạo từng nghề của Phòng Đào tạo và Khoa chuyên môn (2.2.08 - Sổ lên lớp năm 2018, 2019, 2020; 2.2.09 - Giáo án giảng dạy năm 2018, 2019, 2020; 2.2.10 - Sổ tay nhà giáo năm 2018, 2019, 2020). Việc kiểm tra giám sát công tác của Khoa và giáo viên được thực hiện định kỳ hoặc đột xuất bằng các biện pháp như: Kiểm tra hồ sơ sổ sách chuyên môn, kế hoạch giáo viên công tác dự giờ giáo viên thông qua các hoạt động đó để điều chỉnh tiến độ, kế hoạch đào tạo bảo đảm thực hiện đạt chất lượng và hiệu quả (2.2.11 - Báo cáo kết quả thanh kiểm tra đào tạo năm 2018, 2019, 2020)

#### **Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 2: 2 điểm.**

***Tiêu chuẩn 3: Thực hiện phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học; thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy và học.***

#### **Mô tả, phân tích, nhận định:**

Hàng năm Nhà trường căn cứ Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTĐBXH ngày 13/3/2017 quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; Nhà trường đã xây dựng và ban hành kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo theo học kỳ, năm học và được đưa tới các đơn vị phòng, khoa trong trường để tổ chức thực hiện (2.2.05 - Kế hoạch đào tạo năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020; 2.2.06 - Tiến độ giảng dạy năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020).

Để tăng cường công tác thực hiện nhiệm vụ đào tạo nhà trường đã xây dựng công tác thanh kiểm tra chuyên môn (2.2.07- Kế hoạch thanh kiểm tra đào tạo năm 2018, 2019, 2020), tổ chức việc giám sát, đánh giá việc thực hiện kế hoạch đào tạo một cách thường xuyên và đảm bảo hiệu quả thông qua các hoạt động theo dõi tiến độ giảng dạy, giám sát kế hoạch và nội dung giảng dạy theo đúng chương trình đào tạo từng nghề của Phòng Đào tạo và Khoa chuyên môn (2.2.08 - Sổ lên lớp năm 2018, 2019, 2020; 2.2.09 - Giáo án giảng dạy năm 2018, 2019, 2020; 2.2.10 - Sổ tay nhà giáo năm 2018, 2019, 2020). Việc kiểm tra giám sát công tác của Khoa và giáo viên được thực hiện định kỳ

hoặc đột xuất bằng các biện pháp như: Kiểm tra hồ sơ sổ sách chuyên môn, kế hoạch giáo viên công tác dự giờ giáo viên thông qua các hoạt động đó để điều chỉnh tiến độ, kế hoạch đào tạo bảo đảm thực hiện đạt chất lượng và hiệu quả (2.2.11 - Báo cáo kết quả thanh kiểm tra đào tạo năm 2018, 2019, 2020)

Với mục tiêu hội nhập khu vực và thế giới, hàng năm nhà trường không ngừng đầu tư mua sắm trang thiết bị hiện đại đặc biệt là các trang thiết bị phục vụ giảng dạy như máy tính, máy chiếu, các phần mềm hỗ trợ dạy học ....để hỗ trợ tốt cho giáo viên trong quá trình dạy học (2.3.01 - Danh sách các thiết bị hỗ trợ dạy học: máy tính, máy chiếu vật thể, máy chiếu Projector, màn chiếu ...). Ngoài ra nhà trường cũng đầu tư các phần mềm dạy học phù hợp với các ngành nghề tạo tại trường, đáp ứng nhu cầu thực tế nghề nghiệp (2.3.02 - Danh sách các phần mềm nhà trường đã mua: Misa, Top solid; inventer, Siemen S7-300, phần mềm Quản lý đào tạo, phần mềm Quản lý công việc “Base...”...)

Công tác đào tạo là vấn đề quan trọng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của nhà trường, chính vì vậy mà cơ sở dữ liệu lưu trữ về các hoạt động đào tạo được xác định phải thực hiện một cách khoa học và hiệu quả. Trên cơ sở dữ liệu được lưu trữ, quản lý và khai thác hiệu quả nhằm mã hóa thông tin sử dụng lâu dài đặc biệt trong các lĩnh vực cơ bản như Đào tạo, thư viện; Tài chính của nhà trường (2.3.03 - Phần mềm quản lý và lưu trữ dữ liệu đào tạo; 2.3.04 - Phần mềm quản lý thư viện; 2.3.05 - Phần mềm quản lý tài chính - kế toán; Quyết định số 38/QĐ-CĐCN, ngày 25/02/2019 về việc thành lập Ban hành Quy định về việc quản lý hồ sơ sổ sách trong đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng, 2.3.06 - Các gói phần mềm đi theo thiết bị Chương trình mục tiêu 2018, 2019, 2020)

### **Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 2: 2 điểm.**

**Tiêu chuẩn 4: Cơ sở đào tạo phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động; 100% người học trước khi tốt nghiệp đều được thực hành tại đơn vị sử dụng lao động phù hợp với ngành, nghề đào tạo.**

#### **Mô tả, phân tích, nhận định:**

Nhằm đáp ứng nhu cầu của người học, trường Cao đẳng công nghiệp Bắc Ninh đã có chủ trương thực hiện đa dạng hóa các phương thức tổ chức đào tạo, tổ chức đào tạo với các loại hình, đào tạo chính quy các trình độ Cao đẳng, Trung cấp và Sơ cấp; đào tạo nghề thường xuyên bằng các hình thức liên kết đào tạo với các doanh nghiệp, tổ chức để tiến hành đào tạo tại trường hoặc tại doanh nghiệp (2.4.01 - Hợp đồng thực tập với công ty điện tử Samsung Việt Nam; 2.4.02 - Hợp đồng thực tập với công ty Intops Việt Nam; Công ty TNHH Sanwa Việt Nam; 2.4.03- Hợp đồng thực tập và đào tạo kép với công ty trung tâm ô tô Thuận phong)

Trường đã có chủ trương và tổ chức liên kết với các cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ trong quá trình đào tạo để tạo điều kiện cho HSSV Nhà trường được tiếp xúc với các điều kiện làm việc thực tế để chuẩn bị tâm thế và lựa chọn, tìm hiểu các cơ hội việc làm sau khi ra trường (2.4.04 - Kế hoạch thực tập năm 2018, 2019, 2020; 2.4.05 -

Các hợp đồng, các Biên bản ghi nhớ với các doanh nghiệp, nhà máy về thực tập sản xuất của học sinh; **2.4.06** - Các quyết định cử học sinh đi thực tập sản xuất tại các cơ sở), Ngoài ra trong quá trình đào tạo Nhà trường thường xuyên liên kết với doanh nghiệp để đánh giá chất lượng của chương trình đào tạo, việc liên kết với các cơ sở cũng là cơ hội để Nhà trường lấy ý kiến của các cơ sở doanh nghiệp, nhà máy về chất lượng đào tạo của Nhà trường (**2.4.07** - Báo cáo thực tập sản xuất của học sinh tại các cơ sở có nhận xét của cơ sở tiếp nhận năm 2018, 2019, 2020; **2.4.08** - Tổng hợp kết quả đi thực tập của học sinh theo từng đợt năm 2018, 2019, 2020; **2.4.09** - Hình ảnh các lớp đi thực tập tại doanh nghiệp 2018, 2019, 2020).

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 2: 2 điểm.**

**Tiêu chuẩn 5: Tổ chức kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng theo quy định; có hồ sơ người học đủ và đúng theo quy định.**

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Trường đã xây dựng và ban hành quy định về việc thi, kiểm tra và công nhận tốt nghiệp dựa trên cơ sở là Thông tư 09/2017/TT-BLĐT BXH ngày 13/3/2017 Quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; Thông tư 10/2017/TT-BLĐT BXH ngày 13/3/2017 quy định về mẫu bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng; in, quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng và có quy định về việc phản hồi kịp thời cho người học.

Trên cơ sở đó nhà trường đã ban hành (**2.5.01**- Quyết định ban hành Quy định về việc thi, kiểm tra và công nhận tốt nghiệp; **2.5.02**- Quyết định về việc đánh giá kết quả rèn luyện HSSV); đồng thời nhà trường đã tổ chức thực hiện kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp cho các lớp, các khóa đúng trình tự và lưu trữ đúng quy định (**2.5.03**- Hồ sơ kiểm tra kết thúc môn học – mô đun năm 2018, 2019, 2020; **2.5.04** - Các kế hoạch tổ chức kiểm tra hết môn học-mô đun theo học kỳ năm 2018, 2019, 2020, **2.5.05**- Kế hoạch thi tốt nghiệp năm 2018, 2019, 2020) và công khai kết quả đánh giá kết quả học tập (**2.5.06**- Bảng tổng hợp kết quả học tập từng học kỳ, năm học, khoá học năm 2018, 2019, 2020; **2.5.07**- Quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp 2018, 2019, 2020).

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 2: 2 điểm.**

**Tiêu chuẩn 6: Tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo quy định; sử dụng kết quả kiểm tra để kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học cho phù hợp.**

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Để tăng cường công tác thực hiện nhiệm vụ đào tạo nhà trường đã xây dựng công tác thanh kiểm tra chuyên môn (**2.2.07**- Kế hoạch thanh kiểm tra đào tạo năm, 2018, 2019, 2020), tổ chức việc giám sát, đánh giá việc thực hiện kế hoạch đào tạo một cách thường xuyên và đảm bảo hiệu quả thông qua các hoạt động theo dõi tiến độ giảng dạy, giám sát kế hoạch và nội dung giảng dạy theo đúng chương trình đào tạo



từng nghề của Phòng Đào tạo và Khoa chuyên môn (2.2.08 - Sổ lên lớp năm 2018, 2019, 2020; 2.2.09 - Giáo án giảng dạy năm 2018, 2019, 2020; 2.2.10 - Sổ tay nhà giáo năm 2018, 2019, 2020). Việc kiểm tra giám sát công tác của Khoa và giáo viên được thực hiện định kỳ hoặc đột xuất bằng các biện pháp như: Kiểm tra hồ sơ sổ sách chuyên môn, kế hoạch giáo viên công tác dự giờ giáo viên thông qua các hoạt động đó để điều chỉnh tiến độ, kế hoạch đào tạo bảo đảm thực hiện đạt chất lượng và hiệu quả (2.2.11 - Báo cáo kết quả thanh kiểm tra đào tạo năm 2018, 2019, 2020)

Thực hiện công tác kiểm tra giám sát các hoạt động đào tạo theo quy định); hàng năm Trường tổ chức thu thập ý kiến của cán bộ quản lý, giáo viên và người học về nâng cao chất lượng đào tạo (2.6.01- Kế hoạch thu thập ý kiến của cán bộ quản lý, giáo viên, người học về nâng cao chất lượng đào tạo năm 2018, 2019, 2020; 2.6.02 - Phiếu khảo sát ý kiến nâng cao chất lượng đào tạo năm 2018, 2019, 2020; 2.6.03 - Tổng hợp kết quả thu thập ý kiến nâng cao chất lượng đào tạo năm 2018, 2019, 2020) từ đó đánh giá và điều chỉnh các phương pháp dạy và học cho phù hợp tình hình thực tế của địa phương. Đồng thời, cuối năm đều đánh giá công tác thanh kiểm tra và quá trình thực hiện đào tạo tại báo cáo tổng kết và đưa ra hướng khắc phục những sai sót còn tồn tại để ngày càng hoàn thiện hơn (2.6.04 - Báo cáo tổng kết năm 2017 và phương hướng nhiệm vụ năm 2018; Báo cáo tổng kết năm 2018 và phương hướng nhiệm vụ năm 2019, Báo cáo tổng kết năm 2019 và phương hướng nhiệm vụ năm 2020).

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 2: 2 điểm.**

**Tiêu chuẩn 7: Tổ chức đào tạo liên thông theo quy định.**

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Trên cơ sở Thông tư số 27/2017/TT-BLĐTBXH ngày 21/9/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định đào tạo liên thông giữa các trình độ trong giáo dục nghề nghiệp, Nhà trường tiến hành công tác tổ chức đào tạo liên thông giữa các cấp trình độ nghề nghiệp của trường (2.07.01- Kế hoạch xây dựng và thực hiện công tác đào tạo liên thông, 2.07.02- Quy chế đào tạo liên thông trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng, 2.07.03 - Quyết định ban hành chương trình đào tạo liên thông trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng, 2.07.04 - Quyết định biên chế các lớp liên thông 2018,2019,2020), hiện tại Nhà trường đang tổ chức thực hiện được việc tuyển sinh và đào tạo liên thông theo quy định tuy nhiên hiệu quả ngành Công nghệ ô tô chưa đạt được yêu cầu đề ra.

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 2: 0 điểm.**

**2.2.3. Tiêu chí 3 - Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên**

**Đánh giá tổng quát tiêu chí 3:**

Đảng uỷ, Ban giám hiệu (BGH) trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh luôn xác định đội ngũ cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động là yếu tố quan trọng quyết định đến sự phát triển của nhà trường cũng như quyết định chất lượng đào tạo của nhà trường. Ngành Công nghệ ô tô là một trong những ngành nghề trọng điểm

được nhà trường đặc biệt quan tâm chú trọng về mọi mặt trong đó có đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý. Trên cơ sở chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, căn cứ vào điều kiện thực tiễn của đơn vị, nhà trường đã xây dựng chiến lược phát triển đội ngũ giáo viên ngành Công nghệ ô tô theo hướng đảm bảo về số lượng, nâng cao về chất lượng. Hiện nay, chương trình đào tạo ngành Công nghệ ô tô có sự tham gia của 06 cán bộ, giáo viên (100% giáo viên cơ hữu). Trong đó 100% giáo viên đảm bảo chuẩn nhà giáo giáo dục nghề nghiệp quy định tại Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTBXH ngày 10/3/2017 của Bộ Lao động - TBXH về chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ nhà giáo giáo dục nghề nghiệp.

*\* Những điểm mạnh:*

Trường có đủ giáo viên đảm nhiệm dạy tất cả các môn học, mô đun của các nghề Công nghệ ô tô. Đội ngũ giáo viên nhà trường đạt chuẩn về trình độ đào tạo, nghiệp vụ sư phạm, đáp ứng yêu cầu giảng dạy. Nhà trường đảm bảo tất cả các môn học, mô-đun nghề có đủ số lượng giáo viên đứng lớp; đảm bảo tỉ lệ HSSV/GV đúng theo quy định. Số giáo viên dạy cả lý thuyết và thực hành đảm bảo tỷ lệ theo quy định. Giáo viên giảng dạy theo nội dung, mục tiêu của chương trình đào tạo và thực hiện đầy đủ các yêu cầu của chương trình đào tạo. Tham gia các hoạt động phổ biến thông tin và chuyển giao công nghệ, áp dụng thành tựu khoa học - công nghệ vào thực tế. Đa số giáo viên tích cực tham gia đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Hàng năm nhà trường đặc biệt chú trọng đưa giáo viên đi thực tập tại các công ty, doanh nghiệp. Giáo viên tích cực tham gia công tác NCKH, các hội thi nhà giáo GDNN, hội thi thiết bị tự làm các cấp. Đội ngũ cán bộ quản lý, nhân viên của nhà trường có phẩm chất, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ quản lý đáp ứng được yêu cầu công tác; thường xuyên tham gia học tập bồi dưỡng nâng cao trình độ về mọi mặt.

*\* Những tồn tại:*

100% giáo viên ngành Công nghệ ô tô đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ tuy nhiên khả năng sử dụng ngoại ngữ trong giảng dạy còn hạn chế.

Vẫn còn tình trạng giáo viên dạy thừa giờ, vượt giờ quá quy định do giáo viên nghề Công nghệ ô tô còn tham gia giảng dạy ở một số ngành nghề khác. Giáo viên chưa có nhiều thời gian tham gia nghiên cứu khoa học, tự bồi dưỡng.

Đội ngũ cán bộ quản lý khoa chưa được kiện toàn, hiện nay khoa mới có 01 Trưởng khoa chính vì vậy công tác quản lý, điều hành gặp nhiều khó khăn nhất là các thời điểm bố trí đi công tác.

Công tác học tập, nâng cao trình độ tay nghề của giáo viên chủ yếu thông qua các đợt thực tập của HSSV, chưa tổ chức được nhiều hội nghị, hội thảo chuyên đề về chuyên môn.

*\* Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

Tuyển dụng bổ sung thêm giáo viên nhằm hạn chế tối đa số giáo viên dạy vượt giờ quy định.

Kiện toàn đội ngũ cán bộ quản lý khoa, đảm bảo tối thiểu có 01 Trưởng khoa, 01 Phó trưởng khoa nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý điều hành khoa.

Tăng cường cử giáo viên đi học thạc sĩ, tiến sĩ, tin học, ngoại ngữ.

Xây dựng cơ chế phối hợp với với doanh nghiệp trong đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, cử giáo viên đi thực tế tại doanh nghiệp để cập nhật công nghệ mới và nâng cao trình độ tay nghề. Tiếp tục cử giáo viên tham gia đánh giá kỹ năng nghề đáp ứng yêu cầu được quy định tại Thông tư 08/2017/TT-BLĐTBXH ngày 10/3/2017 của Bộ Lao động - TBXH quy định chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp.

**Điểm đánh giá tiêu chí 3:**

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
<b>Tiêu chí 3</b>	<b>14</b>
Tiêu chuẩn 1	2
Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	2
Tiêu chuẩn 4	2
Tiêu chuẩn 5	2
Tiêu chuẩn 6	2
Tiêu chuẩn 7	0
Tiêu chuẩn 8	2

***Tiêu chuẩn 1: 100% nhà giáo tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.***

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh có 06 giáo viên tham gia giảng dạy ngành Công nghệ ô tô. Tất cả 06/06 giáo viên đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ và các tiêu chuẩn hiện hành như trình độ đào tạo; nghiệp vụ sư phạm; kỹ năng thực hành nghề; ngoại ngữ; tin học. Trong đó 100% giáo viên có trình độ từ đại học trở lên, với 03 giáo viên có trình độ thạc sĩ. (3.1.01 - Danh sách trích ngang giáo viên khoa Công nghệ ô tô năm 2018, 2019, 2020; 3.1.02 - Kế hoạch giáo viên các năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020. 3.1.03 - Hồ sơ cán bộ, viên chức khoa Công nghệ ô tô năm 2018, 2019, 2020; 3.3.04 - Phiếu đánh giá nhà giáo năm 2018, 2019, 2020)

Tuy 100% giáo viên đạt chuẩn kỹ năng nghề song trình độ kỹ năng nghề chưa cao, trình độ tin học, ngoại ngữ còn hạn chế. Trong năm 2020 nhà trường cần tích cực cử giáo viên đi thi trình độ kỹ năng nghề quốc gia, tăng cường cử giáo viên xuống thực tế tại doanh nghiệp để cập nhật công nghệ mới và nâng cao trình độ tay nghề.

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 3: 2 điểm.**

***Tiêu chuẩn 2: Hàng năm, 100% nhà giáo hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.***

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Hiện nay đa số là giáo viên giảng dạy ngành Công nghệ ô tô là giáo viên và 01 cán bộ quản lý. Trong thời gian qua, Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh tiếp tục

tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, phổ biến, quán triệt nội quy, quy chế của Nhà trường nhằm nâng cao nhận thức của đội ngũ cán bộ, giáo viên. Kết quả 100% viên chức, lao động có phẩm chất chính trị, hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên. (3.1.01 Danh sách trích ngang giáo viên khoa Công nghệ ô tô năm 2018, 2019, 2020; 3.1.03 - Hồ sơ cán bộ, viên chức khoa Công nghệ ô tô năm 2018, 2019, 2020; 3.2.01 - Thông báo số 36/TB-CĐCN ngày 05/12/2017 của trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh về kết quả đánh giá xếp loại viên chức, lao động năm 2017. Thông báo số 52/TB-CĐCN ngày 10/12/2017 của trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh về kết quả đánh giá xếp loại viên chức, lao động năm 2018. Thông báo số 52/TB-CĐCN ngày 09/12/2019 của trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh về kết quả đánh giá xếp loại viên chức, lao động năm 2019).

### **Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 3: 2 điểm.**

**Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo tất cả các mô-đun, môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo viên đứng lớp; đảm bảo tỉ lệ số người học/lớp và tỉ lệ quy đổi người học/nhà giáo theo quy định.**

#### **Mô tả, phân tích, nhận định:**

Nhà trường đã đảm bảo được tất cả các môn học, mô-đun, nghề Công nghệ ô tô có đủ số lượng giáo viên đứng lớp. Trong đó đội ngũ giáo viên cơ hữu đủ về số lượng, phù hợp về cơ cấu để thực hiện các chương trình đào tạo. (3.3.01 - Tiến độ đào tạo năm học 2017-2018; 2018-2019; 2019-2020; 3.1.02 - Kế hoạch giáo viên Khoa Công nghệ ô tô các năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020. 3.3.02 - Bảng tổng hợp giờ giảng môn học mô-đun của các giáo viên Khoa Công nghệ ô tô năm học 2017-2018; 2018-2019; 2019-2020; 3.3.03 - Danh sách các lớp nghề Công nghệ ô tô theo từng khóa năm 2018, 2019, 2020)

Trên cơ sở quy định chung về chế độ làm việc của nhà giáo GDNN, trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh đã cụ thể hóa chế độ làm việc của giáo viên trong trường, quy định cụ thể số giờ giảng dạy của giáo viên nhà trường, trong đó có giáo viên ngành Công nghệ ô tô. Cuối mỗi năm học Nhà trường thực hiện tổng hợp giờ giảng và thanh toán lương, thanh toán tiền vượt giờ theo quy định. (3.3.04 - Quyết định của trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh quy định chế độ làm việc của nhà giáo GDNN năm 2018, 2019, 2020; 3.3.05 - Bảng thống kê giờ giảng của nhà giáo năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020. 3.3.06 - Bảng thanh toán lương, thanh toán tiền vượt giờ năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020).

Thông qua bảng thống kê tỉ lệ quy đổi người học/nhà giáo cho thấy đối với ngành Công nghệ ô tô Nhà trường bảo đảm tỉ lệ học sinh quy đổi học sinh/giáo viên. Tuy nhiên do bố trí giáo viên ngành Công nghệ ô tô tham gia giảng dạy các ngành nghề đào tạo khác dẫn tới việc giáo viên dạy thừa giờ, vượt giờ quá quy định. (3.3.07 Bảng thống kê tỉ lệ quy đổi người học/nhà giáo năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020. 3.1.01 - Danh sách trích ngang giáo viên Khoa Công nghệ ô tô năm 2018, 2019, 2020; 3.3.08 - Quyết định biên chế các lớp cao đẳng Công nghệ ô tô năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020)

Hiện nay 100% giáo viên tham gia giảng dạy ngành Công nghệ ô tô là giáo viên cơ hữu, chính vì vậy trường giáo viên cơ hữu đảm nhận 100% khối lượng chương trình của ngành đào tạo. Tỷ lệ giáo viên, giảng viên có trình độ sau đại học đạt 50% tổng số giáo viên. (3.3.09. Bảng thống kê tỉ lệ giáo viên, giảng viên có trình độ sau đại học năm 2018, 2019, 2020).

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 3: 2 điểm.**

**Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, tối thiểu 50% nhà giáo cơ hữu dạy các môn chuyên môn ngành, nghề tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi thiết bị tự làm các cấp.**

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Kết quả 03 năm gần đây cho thấy, đội ngũ giáo viên ngành Công nghệ ô tô luôn tích cực tham gia công tác nghiên cứu khoa học, các hoạt động sinh hoạt chuyên môn do nhà trường và cấp trên tổ chức. Đến nay 100% giáo viên tham gia hội giảng và đạt danh hiệu giáo viên giỏi nghề cấp trường, 05 giáo viên đạt giáo viên giỏi nghề cấp Tỉnh và 01 giáo viên giỏi nghề cấp Quốc gia. 100% giáo viên tham gia nghiên cứu khoa học được Hội đồng khoa học. Có nhiều mô hình tham gia Hội thi thiết bị đào tạo nghề các cấp. Năm 2019, khoa Công nghệ ô tô có 01 mô hình đạt giải Nhất tại hội thi thiết bị tỉnh Bắc Ninh, 01 thiết bị đạt giải Nhì tại Hội thi thiết bị đào tạo nghề tự làm toàn quốc. (3.4.01 - Quyết định công nhận các ĐTKH, SKKN các năm 2018, 2019, 2020. 3.4.02 - Quyết định công nhận kết quả hội giảng nhà giáo GDNN cấp trường các năm 2018, 2019, 2020; 3.4.03 - Quyết định công nhận kết quả hội thi thiết bị đào tạo tự làm cấp Tỉnh và Quốc gia 2019).

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 3: 2 điểm.**

**Tiêu chuẩn 5: Hàng năm, cơ sở đào tạo tổ chức cho nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng.**

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Hàng năm, nhà trường ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và có văn bản cử giáo viên đi học tập, bồi dưỡng. Đặc biệt hàng năm nhà trường được tổ hỗ trợ đào tạo bồi dưỡng đội ngũ giáo viên, trong đó ngành Công nghệ ô tô là một trong những ngành nghề trọng điểm được nhà trường chú trọng. Kết quả công tác này được thể hiện bằng các hình ảnh, tài liệu của nhà giáo cơ hữu đã tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng. (3.5.01 - Kế hoạch số 32/KH-CĐN ngày 28/12/2018 của trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh về công tác đào tạo, bồi dưỡng năm 2018. Kế hoạch số 50/KH-CĐN ngày 20/12/2018 của trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh về công tác đào tạo, bồi dưỡng năm 2019. Kế hoạch số 47/KH-CĐN ngày 16/12/2019 của trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh về công tác đào tạo, bồi dưỡng năm 2020; 3.5.02 - Các Quyết định cử giáo viên tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng năm 2018, 2019, 2020; 3.5.03 - Hình ảnh về việc nhà giáo cơ hữu đã tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng năm 2018, 2019, 2020; 3.5.04 - Báo cáo số 27/BC - CĐCN ngày 10/12/2018 của trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh về việc báo cáo kết quả công tác đào tạo, bồi dưỡng năm 2018. Báo

cáo số 41/BC - CĐCN ngày 12/12/2019 của trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh về việc báo cáo kết quả công tác đào tạo, bồi dưỡng năm 2019; 3.5.05 - Báo cáo kết quả của các khoá học, bồi dưỡng năm 2018,2019,2020).

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 3: 2 điểm.**

**Tiêu chuẩn 6: 100% nhà giáo cơ hữu đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động theo quy định.**

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh thường xuyên quan tâm để giáo viên cập nhật kiến thức mới, công nghệ tiên tiến, tiếp cận với máy móc, trang thiết bị hiện đại của các doanh nghiệp. Hàng năm nhà trường cử giáo viên đến làm việc tại các công ty, doanh nghiệp có máy móc, trang thiết bị phù hợp với ngành nghề. (3.6.01 - Quyết định cử giáo viên quản lý HSSV thực tập tại doanh nghiệp năm 2018, 2019, 2020).

Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh thực hiện quy định tại Thông tư 06/2017/TT-BLĐTBXH, Nhà giáo được bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động để cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất, trên cơ sở danh sách trích ngang nhà giáo cơ hữu dạy các môn chuyên môn của ngành/ngành đào tạo. Kết quả công tác này được thể hiện bằng các hình ảnh, tài liệu nhà giáo cơ hữu đi thực tập tại đơn vị sử dụng lao động (3.1.01 - Danh sách trích ngang giáo viên khoa CNOTO năm 2018, 2019, 2020; 3.6.02 - Danh sách nhà giáo cơ hữu đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động năm 2018, 2019, 2020. 3.6.03 - Hình ảnh nhà giáo cơ hữu đi thực tập tại đơn vị sử dụng lao động năm 2018, 2019, 2020. 3.6.04 - Các Quyết định cử nhà giáo đi thực tập tại các công ty, doanh nghiệp 2018, 2019, 2020).

Đặc biệt hiện nay, nhà trường phối hợp cùng trung tâm dịch vụ ô tô thuận phong và một số đối tác thực hiện chương trình đào tạo kết hợp Nhà trường - Doanh nghiệp. Đây là chương trình tối đa hóa thời gian đào tạo tại doanh nghiệp, là điều kiện thuận lợi để HSSV và giáo viên được tiếp cận với thực tế nghề nghiệp và công nghệ mới tiên tiến.

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 3: 2 điểm.**

**Tiêu chuẩn 7: 100% cán bộ quản lý và nhân viên đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.**

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Hiện nay ngành Công nghệ ô tô do khoa Công nghệ ô tô phụ trách. Đội ngũ cán bộ quản lý của khoa còn mỏng, có 01 Trưởng khoa trình độ Thạc sĩ phụ trách chung, 02 giáo viên có trình độ Thạc sĩ, 03 giáo viên Trình độ đại học và có đầy đủ các yêu cầu về chuẩn chuyên môn nghiệp vụ theo Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTBXH quy định. Đội ngũ cán bộ quản lý chưa được kiện toàn gây khó khăn không nhỏ trong quá trình quản lý, điều hành hoạt động chung của khoa. Trong thời gian tới nhà trường sẽ tiếp tục kiện toàn đội ngũ cán bộ quản lý để khoa hoàn thiện hơn (3.1.01 - Danh sách trích ngang giáo viên khoa CNOTO năm 2018, 2019, 2020; 3.3.01 - Các quyết định bổ nhiệm ông Võ Văn Hùng; 3.3.02 - Hồ sơ cán bộ, viên chức của ông Võ Văn Hùng)

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 3: 0 điểm.**

**Tiêu chuẩn 8: Hàng năm, 100% cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.**

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Báo cáo công tác của khoa Công nghệ ô tô cho thấy đơn vị đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao. Thành tích của các khoa đã được Đảng ủy - Ban Giám hiệu Nhà trường và các cấp khen thưởng. (3.2.01 - Thông báo số 52/TB-CĐCN ngày 10/12/2018 của trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh về kết quả đánh giá xếp loại viên chức, lao động năm 2018, Thông báo số 52/TB-CĐCN ngày 09/12/2019 của trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh về kết quả đánh giá xếp loại viên chức, lao động năm 2019; 3.8.01 - Báo cáo thực hiện nhiệm vụ của khoa Công nghệ ô tô năm 2018, 2019, 2020. 3.8.02 - Quyết định số 461/QĐ-CĐCN ngày 11/12/2018 của trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh về việc công nhận các danh hiệu thi đua, khen thưởng năm 2018, Quyết định số 366/QĐ-CĐCN ngày 09/12/2019 của trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh về việc công nhận các danh hiệu thi đua, khen thưởng năm 2019)

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 3: 2 điểm.**

## **2.2.4. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CHI TIẾT TIÊU CHÍ 4**

**TIÊU CHÍ 4: Chương trình, giáo trình**

**Đánh giá tổng quát tiêu chí 4:**

Ngành Công nghệ ô tô là một trong những nghề trọng điểm trong hoạt động đào tạo của Trường cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh và Khoa Công nghệ ô tô.

Chương trình được xây dựng hoàn toàn phù hợp với mục tiêu đào tạo của nghề Công nghệ ô tô cũng như nhu cầu thực tế trong sản xuất của các doanh nghiệp trong và ngoài nước nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, gắn kết nhà trường với doanh nghiệp, với thị trường lao động.

Năm 2017 và 2019, Trường đã xây dựng chương trình đào tạo cho nghề Công nghệ ô tô theo từng cấp trình độ theo Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH của Bộ lao động thương binh xã hội đã ban hành. Chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô tại trường có mục tiêu rõ ràng, cụ thể, quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng, thái độ mà người học sau khi tốt nghiệp đạt được và có tính liên thông hợp lý giữa các trình độ đào tạo.

Chương trình đào tạo ngành Công nghệ ô tô của nhà trường luôn cập nhật các kiến thức, kỹ năng mới để đảm bảo người học sau khi tốt nghiệp có thể đảm nhiệm được vị trí việc làm trong các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh và các tỉnh lân cận.

*\* Những điểm mạnh:*

Nhà trường có đầy đủ trường trình, giáo trình đào tạo cho ngành Công nghệ ô tô. Chương trình được xây dựng theo hướng liên thông hợp lý giữa các cấp trình độ. Kiến thức, kỹ năng trong chương trình luôn cập nhật, bám sát thực tế sản xuất của doanh nghiệp.

Chương trình đào tạo ngành Công nghệ ô tô có mục tiêu được xác định rõ ràng, quy định cụ thể chuẩn kiến thức, kỹ năng cho từng trình độ đối với môn học, mô đun.

Giáo viên của nhà trường có đủ giáo trình giảng dạy, giáo trình bám sát các nội dung của chương trình đề ra, phù hợp với điều kiện cơ sở vật chất của nhà trường.

*\* Những tồn tại:*

Chương trình đào tạo vẫn chưa có nhiều thay đổi; nội dung chi tiết của môn học, mô đun trong chương trình đào tạo còn chưa đồng nhất về hình thức trình bày.

Giáo trình đào tạo được biên soạn dưới dạng các đề cương bài giảng ở mức độ là tài liệu lưu hành nội bộ.

*\* Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

Tiếp tục đẩy mạnh công tác rà soát, cập nhật chương trình đào tạo cho phù hợp với cơ sở, trang thiết bị của nhà trường, đáp ứng được nhu cầu thị trường, những thay đổi của khoa học công nghệ.

Tham khảo các chương trình, giáo trình đào tạo của các trường trong và ngoài nước; cấu trúc lại cho phù hợp với thời gian, đối tượng đào tạo các cấp học.

Lập kế hoạch định kỳ khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ các nhà tuyển dụng, người tốt nghiệp và các tổ chức khác để bổ sung điều chỉnh chương trình, giáo trình.

Rà soát, chỉnh sửa giáo trình theo hướng mở, bổ sung và cập nhật các nội dung mới trong thực tế là nguồn tài liệu cho giảng viên và sinh viên trong giảng dạy và học tập.

**Điểm đánh giá tiêu chí 4:**

<b>Tiêu chí, tiêu chuẩn</b>	<b>Điểm tự đánh giá</b>
<b>Tiêu chí 4</b>	<b>24</b>
Tiêu chuẩn 1	2
Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	2
Tiêu chuẩn 4	2
Tiêu chuẩn 5	2
Tiêu chuẩn 6	2
Tiêu chuẩn 7	2
Tiêu chuẩn 8	2
Tiêu chuẩn 9	2
Tiêu chuẩn 10	2
Tiêu chuẩn 11	2
Tiêu chuẩn 12	2

***Tiêu chuẩn 1: Chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.***

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô được lựa chọn và xây dựng theo quy định theo thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/3/2017 và Thông tư số 31/2017/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2017 do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành. Nội dung của chương trình đảm bảo quy định về khối lượng kiến thức, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với các trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo từng đối tượng cụ thể. Trong Chương trình đào tạo xác định được danh mục và thời lượng của từng môn học, mô đun tương ứng với phương thức đào tạo; thời gian học lý thuyết và thời gian



học thực hành, thực tập cho từng đối tượng là trung cấp hoặc cao đẳng. Chương trình được thẩm định, đánh giá và cập nhật theo quy định ban hành của Bộ lao động – Thương binh và xã hội. Năm 2017 thực hiện theo luật giáo dục nghề nghiệp nghề Công nghệ ô tô đã được đăng ký theo giấy chứng nhận số 175/2017/GCNĐKHD-TCDN ngày 23/6/2017; số 175<sup>a</sup>/2017/GCNĐKBS-GDNN ngày 25/8/2017; Giấy chứng nhận số 175b/2017/GCNĐKBS-GDNN ngày 26/7/2019. Để đáp ứng sự thay đổi này nhà trường đã triển khai đội ngũ cán bộ giáo viên, các chuyên gia và doanh nghiệp tham gia xây dựng chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô. (**4.1.01**- QĐ số 71/QĐ-CĐN ngày 7/3/2017 Thành lập ban chủ nhiệm xây dựng chương trình theo luật Giáo dục nghề nghiệp năm 2017; **4.1.02** - QĐ số 72/QĐ-CĐN ngày 08/03/2017 Thành lập tổ biên soạn chương trình đào tạo năm 2017; **4.1.03** - QĐ số 74/QĐ-CĐN ngày 15/3/2017 Thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo năm 2017; **4.1.04** - QĐ số 24/QĐ-CĐCN ngày 31/05/2017 Quyết định ban hành chương trình đào tạo trình độ trình độ Trung cấp, Cao đẳng năm 2017).

Năm 2019 Nhà trường đã triển khai rà soát và thay đổi chuyển sang đào tạo chương trình theo tích lũy mô đun theo chủ trương của Nhà trường và ban hành chương trình nghề Công nghệ ô tô theo các quyết định như sau (**4.1.05** - QĐ số 181/QĐ-CĐN ngày 3/7/2019 Thành lập ban chủ nhiệm xây dựng chương trình theo tích lũy mô đun năm 2019; **4.1.06** - QĐ số 192/QĐ-CĐN ngày 08/07/2019 Thành lập ban rà soát và xây dựng chương trình đào tạo theo tích lũy mô đun năm 2019; **4.1.07** - QĐ số 193/QĐ-CĐN ngày 8/7/2019 Thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo theo phương thức tích lũy mô đun năm 2019; **4.1.08** - QĐ số 256/QĐ-CĐCN ngày 6/09/2019 Quyết định ban hành chương trình đào tạo trình độ trình độ Trung cấp, Cao đẳng theo tích lũy mô đun năm 2019).

#### **Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1 tiêu chí 4: 2 điểm.**

**Tiêu chuẩn 2: Có sự tham gia của ít nhất 02 đơn vị sử dụng lao động trong quá trình xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo.**

##### **Mô tả, phân tích, nhận định:**

Trong quá trình xây dựng chương trình nghề Công nghệ ô tô có sự tham gia của cả đơn vị sử dụng lao động và liên kết đào tạo; chương trình đào tạo được xây dựng đảm bảo đúng theo quy định của luật giáo dục nghề nghiệp (**4.2.01** - Giấy mời các đơn vị tham gia xây dựng chương trình đào tạo của Trường cao đẳng công nghiệp Bắc Ninh năm 2017, 2019; **4.1.01** - QĐ số 71/QĐ-CĐN ngày 7/3/2017 Thành lập ban chủ nhiệm xây dựng chương trình theo luật Giáo dục nghề nghiệp năm 2017; **4.1.02** - QĐ số 72/QĐ-CĐN ngày 08/03/2017 Thành lập tổ biên soạn chương trình đào tạo năm 2017; **4.1.03** - QĐ số 74/QĐ-CĐN ngày 15/3/2017 Thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo năm 2017; **4.1.04** - QĐ số 24/QĐ-CĐCN ngày 31/05/2017 Quyết định ban hành chương trình đào tạo trình độ trình độ Trung cấp, Cao đẳng năm 2017; **4.1.05** - QĐ số 181/QĐ-CĐN ngày 3/7/2019 Thành lập ban chủ nhiệm xây dựng chương trình theo tích lũy mô đun năm 2019; **4.1.06** - QĐ số 192/QĐ-CĐN ngày 08/07/2019 Thành lập ban rà soát và xây dựng chương trình đào tạo theo tích lũy mô đun năm 2019; **4.1.07** - QĐ số

193/QĐ-CĐN ngày 8/7/2019 Thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo theo phương thức tích lũy mô đun năm 2019; 4.1.08 - QĐ số 256/QĐ-CĐCN ngày 6/09/2019 Quyết định ban hành chương trình đào tạo trình độ trình độ Trung cấp, Cao đẳng theo tích lũy mô đun năm 2019).

Trong quá trình thẩm định chương trình nghề Công nghệ ô tô có các công ty, đối tác của Trường tham gia thẩm định. Đối với thành viên tham gia góp ý chương trình đào tạo: 02 cán bộ năm 2017; 02 cán bộ năm 2019. Đối với các hội đồng thẩm định chương trình đào tạo: 02 cán bộ năm 2017; 02 cán bộ năm 2019 (4.2.02 - Giấy mời các đơn vị tham gia thẩm định chương trình đào tạo của Trường cao đẳng công nghiệp Bắc Ninh năm 2017, 2019) và đánh giá chương trình đào tạo đảm bảo đúng theo quy định của luật giáo dục nghề nghiệp, đảm bảo sát với thực tế để đào tạo nguồn nhân lực cho các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh (4.2.03 – Các ý kiến đóng góp của các đơn vị tham gia thẩm định chương trình đào tạo 2017,2019; 4.2.04 - Biên bản thẩm định chương trình đào tạo trình độ Trung cấp và Cao đẳng năm 2017, 2019).

#### **Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2 tiêu chí 4: 2 điểm.**

**Tiêu chuẩn 3: Chương trình đào tạo thể hiện được khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp.**

#### **Mô tả, phân tích, nhận định:**

Chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô năm 2017 và năm 2019 đã đảm bảo được khối lượng kiến thức cho người học các môn học chung do Bộ lao động thương binh và xã hội ban hành cũng như đảm bảo về khối lượng lý thuyết chuyên môn và năng lực thực hành cho người học đảm bảo là 30% lý thuyết và 70% là thực hành được tham gia thực tập tại nhà máy và xí nghiệp đúng chuyên ngành đào tạo. Sau khi kết thúc khóa học tham gia kỳ thi tốt nghiệp để đánh giá hoàn thành khóa học. (4.1.04 - QĐ số 24/QĐ-CĐCN ngày 31/05/2017 Quyết định ban hành chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, Cao đẳng năm 2017; 4.1.08 - QĐ số 256/QĐ-CĐCN ngày 6/09/2019 Quyết định ban hành chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, Cao đẳng theo tích lũy mô đun năm 2019).

Để điều chỉnh chương trình đào tạo phù hợp với nhu cầu xã hội. Hàng năm, Nhà trường đã tổ chức khảo sát, thu thập các ý kiến nhận xét đánh giá của HSSV đang theo học, của nhà giáo, người sử dụng lao động, cựu học sinh đã đi làm về chất lượng đào tạo tại trường. Qua báo cáo kết quả khảo sát, chương trình đào tạo các nghề của Trường nói chung và của Nghề Công nghệ ô tô nói riêng thể hiện được khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp (4.3.01 – Kế hoạch lấy ý kiến về xây dựng chương trình đào tạo 2017, 2019; 4.3.02 - Phiếu lấy ý kiến về xây dựng chương trình đào tạo 2017, 2019; 4.3.03 - Tổng hợp kết quả lấy ý kiến về xây dựng chương trình đào tạo 2017, 2019)

#### **Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3 tiêu chí 4: 2 điểm.**

**Tiêu chuẩn 4: Chương trình đào tạo thể hiện được sự phân bổ thời gian, trình tự thực hiện các mô-đun, môn học để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp.**

### **Mô tả, phân tích, nhận định:**

Chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô thể hiện được sự phân bổ về thời gian đầy đủ cho từng môn học và mô đun đào tạo cụ thể đảm bảo đủ lượng kiến thức và thực hành cho người học (**4.1.04** - QĐ số 24/QĐ-CĐCN ngày 31/05/2017 Quyết định ban hành chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, Cao đẳng năm 2017; **4.1.08** - QĐ số 256/QĐ-CĐCN ngày 6/09/2019 Quyết định ban hành chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, Cao đẳng theo tích lũy mô đun năm 2019).

Trong chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô được thể kể gồm: 1. Tên ngành, nghề đào tạo; 2. Mã ngành, nghề; 3. Trình độ đào tạo; 4. Đối tượng tuyển sinh; 5. Thời gian đào tạo; 6. Mục tiêu đào tạo; 7. Thời gian khóa học; 8. Khối lượng kiến thức toàn khóa học; 9. Danh mục và thời lượng các môn học, mô đun; 10. Chương trình chi tiết các môn học, mô đun; 11. Hướng dẫn sử dụng chương trình đào tạo. Trong chương trình thể hiện trình tự thực hiện các môn học, mô đun theo thứ tự từ đơn giản đến nâng cao đáp ứng được nhu cầu của người học (**4.4.01** – Bộ chương trình và danh sách các môn học mô đun hệ Trung cấp ngành công nghệ ô tô năm 2017, 2019; **4.4.02** – Bộ chương trình và danh sách các môn học mô đun hệ Cao đẳng ngành công nghệ ô tô năm 2017, 2019).

Ngoài ra nhà trường luôn lấy ý kiến tham gia góp ý của giảng viên, cựu học sinh sinh viên và chuyên gia từ các đơn vị đối tác và các doanh nghiệp tuyển dụng học sinh sinh viên tốt nghiệp của trường nhằm nâng cao hiệu quả chương trình đào tạo để phân bổ thời gian lý thuyết và thực hành cho phù hợp (**4.3.01** – Kế hoạch lấy ý kiến về xây dựng chương trình đào tạo 2017, 2019; **4.3.02** - Phiếu lấy ý kiến về xây dựng chương trình đào tạo 2017, 2019; **4.3.03** - Tổng hợp kết quả lấy ý kiến về xây dựng chương trình đào tạo 2017, 2019)

### **Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4 tiêu chí 4: 2 điểm.**

**Tiêu chuẩn 5: Chương trình đào tạo thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên để triển khai thực hiện chương trình đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo.**

### **Mô tả, phân tích, nhận định:**

Trong chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô luôn thể hiện những yêu cầu về cơ sở vật chất như phòng học chuyên môn, nhà xưởng, các loại vật liệu học, máy móc trang thiết bị đầy đủ cho từng môn học, mô đun cụ thể để đáp ứng đủ nhu cầu cho người học.

Các yêu cầu về điều kiện thực hiện trong chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô của Trường cũng phù hợp với yêu cầu về định mức thiết bị nghề và định mức vật tư nghề Công nghệ ô tô trình độ trung cấp ban hành theo Thông tư số 24/2019/TT-BLĐTBXH ngày 24 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về định mức kinh tế, kỹ thuật cho nghề Công nghệ ô tô.

(**4.5.01**- Danh mục trang thiết bị đào tạo cho nghề Công nghệ ô tô; **4.1.04** - QĐ số 24/QĐ-CĐCN ngày 31/05/2017 Quyết định ban hành chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, Cao đẳng năm 2017; **4.1.08** - QĐ số 256/QĐ-CĐCN ngày 6/09/2019 Quyết

*định ban hành chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, Cao đẳng theo tích lũy mô đun năm 2019* ).

Trong quá trình thực hiện giảng dạy các môn học, mô đun của chương trình nghề Công nghệ ô tô thì Nhà trường và Khoa Công nghệ ô tô có kế hoạch giảng dạy và bố trí giáo viên giảng dạy cho từng môn học, mô đun cụ thể để đáp ứng và đảm bảo chất lượng cho người học.

Việc lấy ý kiến đóng góp của cựu học sinh sinh viên và các đối tác , doanh nghiệp là điều mà nhà trường và Khoa công nghệ ô tô làm cơ sở để nâng cao đội ngũ, mua sắm thêm trang thiết bị đáp ứng nhu cầu và đảm bảo chất lượng đào tạo (**4.5.02** - *Phiếu lấy ý kiến về cơ sở vật chất và đội ngũ giáo viên nghề Công nghệ ô tô 2019*; **4.5.03** - *Tổng hợp kết quả lấy ý kiến về cơ sở vật chất và đội ngũ giáo viên nghề Công nghệ ô tô 2019*)

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5 tiêu chí 4: 2 điểm.**

***Tiêu chuẩn 6: Chương trình đào tạo thể hiện được phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.***

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô của Nhà trường đã được xây dựng, thẩm định và ban hành theo đúng quy định tại Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/3/2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội. Trong chương trình đào tạo luôn thể hiện được phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học cho từng môn học, mô đun cụ thể (**4.1.04** - *QĐ số 24/QĐ-CĐCN ngày 31/05/2017 Quyết định ban hành chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, Cao đẳng năm 2017*; **4.1.08** - *QĐ số 256/QĐ-CĐCN ngày 6/09/2019 Quyết định ban hành chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, Cao đẳng theo tích lũy mô đun năm 2019*).

Việc lấy ý kiến đóng góp của cựu học sinh sinh viên và các đối tác, doanh nghiệp về phương pháp kiểm tra đánh giá và xác định mức độ yêu cầu của người học theo từng môn học, mô đun (**4.6.01** - *Phiếu lấy ý kiến về yêu cầu và phương pháp kiểm tra đánh giá người học nghề Công nghệ ô tô 2019* ; **4.6.02** - *Tổng hợp kết quả lấy ý kiến về yêu cầu và phương pháp kiểm tra đánh giá người học nghề Công nghệ ô tô 2019*) là điều mà Khoa công nghệ ô tô luôn cải tiến chương trình và nâng cao chất lượng đào tạo.

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6 tiêu chí 4: 2 điểm.**

***Tiêu chuẩn 7: Chương trình đào tạo đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ.***

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Chương trình đào tạo ngành Công nghệ ô tô được xây dựng, thẩm định và ban hành có sự phối hợp giữa Nhà trường và các doanh nghiệp trong địa bàn trong Tỉnh nên đảm bảo phù hợp với nhu cầu phát triển của địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ sản xuất và dịch vụ (**4.1.04** - *QĐ số 24/QĐ-CĐCN ngày 31/05/2017 Quyết định ban hành chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, Cao đẳng năm 2017*;

**4.1.08** - *QĐ số 256/QĐ-CĐCN ngày 6/09/2019 Quyết định ban hành chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, Cao đẳng theo tích lũy mô đun năm 2019)*

Trong quá trình đào tạo cho người học Nhà trường kết hợp cùng các doanh nghiệp tham gia đào tạo nguồn nhân lực thông qua các kế hoạch học tập trải nghiệm và thực tập tốt nghiệp tại doanh nghiệp. Ngoài ra Nhà trường còn kết hợp với Trung tâm sửa chữa và bảo dưỡng ô tô Thuận Phong ký kết hoạt động đào tạo và làm việc tại doanh nghiệp cho học sinh, sinh viên tại Nhà trường. (**4.7.01** - *Kế hoạch thực tập trải nghiệm, thực tập tốt nghiệp tại các doanh nghiệp các khóa K8, K9, K10, K11; 4.7.02* - *Các quyết định thực tập trải nghiệm, thực tập tốt nghiệp tại các doanh nghiệp các khóa K8, K9, K10, K11; 4.7.03* - *Hợp đồng liên kết đào tạo giữa Nhà trường và Trung tâm sửa chữa và bảo dưỡng ô tô Thuận Phong*).

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7 tiêu chí 4: 2 điểm.**

**Tiêu chuẩn 8: Chương trình đào tạo đảm bảo việc liên thông giữa các trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân.**

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Trên cơ sở Thông tư số 27/2017/TT-BLĐTBXH ngày 21/9/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định đào tạo liên thông giữa các trình độ trong giáo dục nghề nghiệp, Nhà trường đã tiến hành công tác tổ chức xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo liên thông giữa các cấp trình độ nghề nghiệp của trường trong đó có ngành Công nghệ ô tô (**4.8.01** - *QĐ số 150/QĐ-CĐCN ngày 28/5/2019 Thành lập Ban chủ nhiệm xây dựng chương trình đào tạo liên thông giữa các trình độ; 4.8.02* - *QĐ số 151/QĐ-CĐCN ngày 28/5/2019 Quyết định về việc Thành lập ban xây dựng chương trình đào tạo liên thông giữa các trình độ; 4.8.03* - *Quyết định 198/QĐ-CĐCN ngày 29/7/2019 về việc ban hành chương trình đào tạo liên thông*). Nghề Công nghệ ô tô là một trong những nghề đang đào tạo cao đẳng liên thông và văn bằng 2 với những sinh viên tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp, trung cấp nghề, cao đẳng nghề chuyên ngành Cơ khí động lực, Công nghệ ô tô....

Ngoài ra nhà trường còn liên kết với trường đại học sư phạm kỹ thuật Hưng Yên thực hiện công nhận kết quả đào tạo bậc Trung cấp, Cao đẳng và thực hiện liên thông lên trình độ Đại học trong hệ thống giáo dục quốc dân (**4.8.04** - *Công văn số 782/ĐHSPKTHY-ĐT, ngày 15/11/2019 về việc công nhận CTĐT trình độ cao đẳng đủ điều kiện liên thông với trình độ đại học của trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên; 4.8.05* - *Chương trình đào tạo trình độ đại học của trường đại học Sư phạm kỹ thuật Hưng Yên các chuyên ngành: Điện công nghiệp, Điện tử công nghiệp, Công nghệ cơ khí, Công nghệ ô tô*)

Việc liên kết đào tạo giữa trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh và trường Đại học Sư phạm kỹ thuật Hưng Yên đã được UBND tỉnh Bắc Ninh là cơ quan chủ quản của nhà trường chấp thuận

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8 tiêu chí 4: 2 điểm.**

**Tiêu chuẩn 9: Có đủ giáo trình cho các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.**

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô của trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh được lựa chọn và xây dựng theo danh mục nghề đào tạo cấp IV trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành. Nội dung trong Chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô xác định được danh mục và thời lượng của từng môn học, mô đun tương ứng với phương thức đào tạo và trình độ đào tạo (4.1.04 - QĐ số 24/QĐ-CĐCN ngày 31/05/2017 Quyết định ban hành chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, Cao đẳng năm 2017; 4.1.08 - QĐ số 256/QĐ-CĐCN ngày 6/09/2019 Quyết định ban hành chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, Cao đẳng theo tích lũy mô đun năm 2019); Cụ thể, hệ Cao đẳng là 35 -36 môn học, mô đun, hệ trung cấp là 25 - 26 môn học, mô đun. Ngoài 6 giáo trình các môn học dùng chung được ban hành theo khung chuẩn của Bộ Lao động – Thương binh Xã hội thì nghề Công nghệ ô tô đang sử dụng các giáo trình cơ sở ngành và chuyên ngành lưu hành nội bộ và có nhiều giáo trình, tài liệu tham khảo. (4.9.01 - Danh mục các giáo trình nghề Công nghệ ô tô Trung cấp và Cao đẳng năm 2017, 2019; 4.9.02 - Bản in các giáo trình nghề Công nghệ ô tô Trung cấp và Cao đẳng theo tích lũy mô đun năm 2017, 2019). Ngoài ra nhà trường còn đầu tư mua sắm nhiều tài liệu giáo trình tham khảo cho giảng viên và sinh viên nghiên cứu tại thư viện đọc; thư viện số của nhà trường.

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 9 tiêu chí 4: 2 điểm.**

**Tiêu chuẩn 10: 100% giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.**

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Trên cơ sở các bộ chương trình đào tạo, để có tài liệu giáo trình nghề Công nghệ ô tô phục vụ cho việc giảng dạy và học tập, nhà trường cũng như khoa Công nghệ ô tô đã tích cực triển khai công tác biên soạn giáo trình nội bộ dùng cho đào tạo (4.10.01 - Quyết định số 98/QĐ-CĐCN ngày 8/8/2017 ban hành giáo trình lưu hành nội bộ trình độ Trung cấp, Cao đẳng năm 2017; Quyết định số 498/QĐ-CĐCN ngày 21 tháng 10 năm 2019 về việc ban hành giáo trình đào tạo theo tích lũy mô đun năm 2019)

Các giáo trình lưu hành nội bộ nghề Công nghệ ô tô đều được Hội đồng thẩm định tổ chức xem xét đánh giá về mức độ đáp ứng yêu cầu đổi mới về nội dung và phương pháp giảng dạy. Quá trình được thực hiện theo đúng trình tự: có biên bản họp, phiếu đánh giá của các thành viên Hội đồng, văn bản thẩm định; Hội đồng tiến hành nghiệm thu, trình Hiệu trưởng phê duyệt và ban hành (4.10.02 - Quyết định số 72/QĐ-CĐCN ngày 31 tháng 7 năm 2017 Về việc thành lập Hội đồng thẩm định giáo trình lưu hành nội bộ trình độ trung cấp, cao đẳng năm 2017; Quyết định số 436/QĐ-CĐCN ngày 14 tháng 10 năm 2019 Về việc thành lập Hội đồng thẩm định giáo trình đào tạo; 4.10.03 – Các biên bản thẩm định giáo trình Trung cấp, Cao đẳng năm 2017 và năm 2019; 4.10.04 – Các biên bản nghiệm thu giáo trình Trung cấp, Cao đẳng năm 2017 và năm 2019; 4.10.05 - Báo cáo kết quả thẩm định giáo trình 2017, 2019; 4.10.06 – Bản so sánh chương trình đào tạo năm 2017 và năm 2019; 4.9.01 - Danh mục các giáo trình nghề Công

nghệ ô tô Trung cấp và Cao đẳng năm 2017, 2019; **4.9.02** - Bản in các giáo trình nghề Công nghệ ô tô Trung cấp và Cao đẳng theo tích lũy mô đun năm 2017, 2019)

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 10 tiêu chí 4: 2 điểm.**

**Tiêu chuẩn 11: Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo; nội dung giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.**

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Trong giáo trình nghề Công nghệ ô tô luôn cụ thể hóa về nội dung kiến thức cho từng môn học luôn thể hiện đầy đủ cả phần lý thuyết và phần bài tập sao cho luôn thể hiện được 70% về lý thuyết và 30% về bài tập. Còn về các mô đun luôn thể hiện sao cho 30% về kiến thức lý thuyết và 70% về kỹ năng thực hành. Trong các giáo trình luôn luôn đảm bảo tính thống nhất thể hiện được tính kết nối giữa lý thuyết và thực hành từ đơn giản đến nâng cao giúp cho người học tham khảo và sự kết hợp của giáo viên trong việc dạy học tích cực bằng trực quan cụ thể đảm bảo cho người học có thể nắm vững mọi kiến thức trong quá trình học tập tại trường cũng như sau này tại doanh nghiệp.

Các giáo trình lưu hành nội bộ đều được Hội đồng thẩm định tổ chức xem xét đánh giá về mức độ đáp ứng yêu cầu đổi mới về nội dung và phương pháp giảng dạy (**4.10.01** Quyết định số 98/QĐ-CĐCN ngày 8/8/2017 ban hành giáo trình lưu hành nội bộ trình độ Trung cấp, Cao đẳng năm 2017; Quyết định số 498/QĐ-CĐCN ngày 21 tháng 10 năm 2019 về việc ban hành giáo trình đào tạo theo tích lũy mô đun năm 2019; **4.10.02** - Quyết định số 72/QĐ-CĐCN ngày 31 tháng 7 năm 2017 Về việc thành lập Hội đồng thẩm định giáo trình lưu hành nội bộ trình độ trung cấp, cao đẳng năm 2017; Quyết định số 436/QĐ-CĐCN ngày 14 tháng 10 năm 2019 Về việc thành lập Hội đồng thẩm định giáo trình đào tạo; **4.10.03** – Các biên bản thẩm định giáo trình Trung cấp, Cao đẳng năm 2017 và năm 2019; **4.10.04** – Các biên bản nghiệm thu giáo trình Trung cấp, Cao đẳng năm 2017 và năm 2019; **4.10.05** - Báo cáo kết quả thẩm định giáo trình 2017, 2019; **4.10.06** – Bản so sánh chương trình đào tạo năm 2017 và năm 2019; **4.9.01** - Danh mục các giáo trình nghề Công nghệ ô tô Trung cấp và Cao đẳng năm 2017, 2019; **4.9.02** - Bản in các giáo trình nghề Công nghệ ô tô Trung cấp và Cao đẳng theo tích lũy mô đun năm 2017, 2019)

Nội dung các giáo trình đã được biên soạn, thẩm định, rà soát và chỉnh sửa phù hợp với nội dung chương trình đào tạo của các môn học mô đun; đồng thời luôn cố gắng để vận dụng tốt nhất các phương pháp giảng dạy tích cực như bài tập nhóm, bài tập cá nhân, sử dụng hình ảnh, video thực tế và các quy trình kỹ thuật gắn với thực tế sản xuất.

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 11 tiêu chí 4: 2 điểm.**

**Tiêu chuẩn 12: Nội dung giáo trình đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.**

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Trong quá trình xây dựng giáo trình nghề Công nghệ ô tô Nhà trường mời doanh nghiệp, học viên, chuyên gia tham gia ý kiến xây dựng giáo trình nên giáo trình luôn đảm bảo và phù hợp với công nghệ sản xuất cũng như kinh doanh và dịch vụ giúp cho

người học nắm vững mọi kiến thức gắn với thực tế nghề nghiệp (**4.10.01**- *Quyết định số 98/QĐ-CĐCN ngày 8/8/2017 ban hành giáo trình lưu hành nội bộ trình độ Trung cấp, Cao đẳng năm 2017; Quyết định số 498/QĐ-CĐCN ngày 21 tháng 10 năm 2019 về việc ban hành giáo trình đào tạo theo tích lũy mô đun năm 2019*)

Giáo trình đào tạo và tài liệu giảng dạy là một trong những yếu tố quan trọng quyết định chất lượng đào tạo. Nhà trường, khoa Công nghệ ô tô có tổ chức lấy ý kiến của giáo viên chuyên môn, chuyên gia từ các cơ sở sản xuất về chất lượng giáo trình và mức độ đáp ứng yêu cầu đổi mới về nội dung, phương pháp dạy học, đổi mới ..để cho việc biên soạn giáo trình phù hợp với công nghệ sản xuất, kinh doanh và dịch vụ hiện nay ( **4.12.01** - *Kế hoạch lấy ý kiến chuyên gia, học viên, doanh nghiệp về giáo trình ngành Công nghệ ô tô; 4.12.02* -*Phiếu khảo sát thu thập ý kiến nhận xét đánh giá của giảng viên về giáo trình; 4.12.03* -*Phiếu khảo sát thu thập ý kiến nhận xét đánh giá về chất lượng giáo trình của chuyên gia từ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; 4.12.04* - *Phiếu khảo sát thu thập ý kiến nhận xét đánh giá về chất lượng giáo trình của HSSV*).

Tổng hợp kết quả khảo sát cho thấy đa số ý kiến của giáo viên, chuyên gia từ các cơ sở sản xuất kinh doanh và học sinh sinh viên đánh giá cao về chất lượng của giáo trình nghề cắt gọt kim loại. Các giáo trình được biên soạn đã cơ bản đáp ứng yêu cầu và phù hợp với công nghệ sản xuất, kinh doanh và dịch vụ đạt hiệu quả về nội dung, phương pháp dạy học (**4.12.05** - *Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát ý kiến nhận xét, đánh giá của giáo viên, chuyên gia từ cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ và người học về chất lượng giáo trình; 4.9.01* - *Danh mục các giáo trình nghề Công nghệ ô tô Trung cấp và Cao đẳng năm 2017, 2019; 4.9.02* - *Bản in các giáo trình nghề Công nghệ ô tô Trung cấp và Cao đẳng theo tích lũy mô đun năm 2017, 2019*)

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 12 tiêu chí 4: 2 điểm.**

## **2.2.5. Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện**

### **Đánh giá tổng quát tiêu chí 5:**

Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh có trụ sở tại trung tâm thành phố Bắc Ninh gần với quốc lộ 1A và quốc lộ 1B nên việc đi lại, học tập, giảng dạy của người học, giáo viên, cán bộ quản lý và các hoạt động khác rất thuận tiện. Bên cạnh khuôn viên được quy hoạch tổng thể và chi tiết, cơ sở hệ thống hạ tầng kỹ thuật phù hợp, hệ thống phòng học lý thuyết, xưởng thực hành, các phòng học chuyên môn đảm bảo các điều kiện cho hoạt động dạy và học, đáp ứng quy mô đào tạo theo các nghề và các cấp trình độ đào tạo của trường.

Nhà trường có đầy đủ hệ thống phòng học lý thuyết và xưởng thực hành; các máy móc, trang thiết bị, dụng cụ được bố trí hợp lý, thuận tiện cho vận chuyển, lắp đặt và vận hành. Trường đã nghiên cứu xây dựng đề án vốn đầu tư nghề trọng điểm đã được cấp trên phê duyệt và đang triển khai.

Trong quá trình đào tạo, Nhà trường nhận thấy được vai trò quan trọng của thư viện đối với hoạt động của nhà trường nói chung và đối với việc nâng cao chất lượng giảng dạy, học tập nói riêng. Chính vì vậy trong công tác quy hoạch, Ban giám hiệu Nhà trường đã rất quan tâm đến việc bố trí thư viện, việc đầu tư mua sắm các tài liệu sách báo, giáo trình được chú trọng. Thư viện Nhà trường có chức năng tổ chức, quản lý và thông tin



tư liệu phục vụ công tác giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học của cán bộ, giáo viên, học sinh, sinh viên trong toàn Trường. Nhà trường đã bố trí hệ thống thư viện gồm: 01 phòng đọc sách, 01 kho sách phục vụ nhu cầu của bạn đọc, thành lập các Tủ sách thư viện tại các Khoa, tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ, giáo viên và HSSV tra cứu tài liệu.

*\* Những điểm mạnh:*

Địa điểm của trường ở vị trí trung tâm, giao thông thuận tiện; môi trường đảm bảo đủ điều kiện vệ sinh, an toàn, yên tĩnh cho giảng dạy và học tập. Quy hoạch tổng thể mặt bằng khuôn viên phù hợp với công năng và các yêu cầu kiến trúc, cảnh quan sư phạm bảo đảm khoảng cách đối với các cơ sở công nghiệp, an toàn, yên tĩnh cho giảng dạy và học tập.

Trường có hệ thống phòng học, giảng đường, xưởng thực hành được xây dựng kiên cố, hệ thống giao thông nội bộ thuận lợi, hệ thống cấp thoát nước tốt.

Thư viện có chương trình, giáo trình, tài liệu phục vụ công tác đào tạo; có phần mềm quản lý và tra cứu tài liệu, có hệ thống nối mạng, cổng nối mạng Internet hoạt động tốt. Như vậy, thư viện trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh đã đáp ứng tốt cho nhu cầu nghiên cứu, giảng dạy và học tập của giáo viên và học sinh, sinh viên ở mọi không gian và thời gian khác nhau qua website: <http://thuvienbci.edu.vn>.

*\* Những tồn tại:*

*\* Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

Xây dựng kế hoạch, tìm kiếm nguồn vốn để đầu tư tiếp cơ sở hạ tầng nhằm đảm bảo tốt nhất phục vụ cho người học. Tiếp tục mua bổ sung giáo trình, tài liệu tham khảo phục vụ hoạt động của Nhà trường.

**Điểm đánh giá tiêu chí 5:**

<b>Tiêu chí, tiêu chuẩn</b>	<b>Điểm tự đánh giá</b>
<b>Tiêu chí 5</b>	<b>16</b>
Tiêu chuẩn 1	2
Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	2
Tiêu chuẩn 4	2
Tiêu chuẩn 5	2
Tiêu chuẩn 6	2
Tiêu chuẩn 7	2
Tiêu chuẩn 8	2

***Tiêu chuẩn 1: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, hệ thống điện, nước đảm bảo quy chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo.***

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Ngành ông nghệ ô tô là ngành trọng điểm quốc gia, luôn được nhà trường quan tâm và đầu tư về cơ sở vật chất (phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, hệ thống điện, nước) đảm bảo quy chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo (**5.1.01- Hồ sơ quy hoạch chi tiết xây dựng trường Trung cấp nghề Bắc Ninh nay là trường Cao đẳng Công**

*ngành Bắc Ninh; 5.1.02 - Hồ sơ thiết kế và hoàn công khu nhà xưởng thuộc Dự án ODA do chính phủ Cộng hòa liên bang Đức tài trợ; 5.1.03- Hồ sơ thiết kế và hoàn công nhà lớp học 5 tầng; 5.1.04 - Hồ sơ thiết kế và hoàn công nhà giảng đường, ; 5.1.05 - Hồ sơ thiết kế và hoàn công xưởng thực hành; 5.1.04 - Hồ sơ thiết kế và hoàn công nhà giảng đường; 5.1.06 - Thuyết minh Quy hoạch chi tiết xây dựng trường Trung cấp nghề Bắc Ninh nay là trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh)*

Khoa ông nghệ ô tô có hệ thống phòng học, xưởng thực hành đáp ứng công tác đào tạo ngành ông nghệ ô tô, số lượng học sinh cao nhất trong 1 phòng học lý thuyết là 35 học sinh/1 phòng với diện tích 80,5m<sup>2</sup>; Các xưởng thực hành được bố trí riêng, , được thiết kế liên hoàn đảm bảo đủ ánh sáng tự nhiên, thông gió. Khu vực các nhà xưởng được bố trí với khoảng cách hợp lý, không gây ồn cho khu học lý thuyết. Với hệ thống phòng học, xưởng thực hành hiện tại hoàn đáp ứng các yêu cầu về đào tạo.

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1 tiêu chí 5: 2 điểm.**

***Tiêu chuẩn 2: Đảm bảo đủ chủng loại thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo.***

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Nhà trường luôn quan tâm đổi mới và đầu tư đủ các trang thiết bị có chất lượng cao cho ngành Khoa Công nghệ ô tô để phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học. Trang thiết bị được chia làm nhiều chủng loại để đáp ứng nhu cầu nghề (*5.2.01 - Dự trữ kinh phí mua vật tư và xin lĩnh vật tư phục vụ thực tập của học sinh tại khoa 2018, 2019, 2020; 5.2.02- Hồ sơ đấu thầu mua sắm thiết bị hàng năm 2018, 2019, 2020; 5.2.03- Chứng thư giám định thiết bị; 5.2.04 - Hồ sơ đấu thầu trang thiết bị Dự án ODA do chính phủ Cộng hòa liên bang Đức tài trợ).*

Ngành Công nghệ ô tô là ngành trọng điểm quốc gia nên việc phê duyệt danh mục mua sắm các trang thiết bị luôn được nhà trường cân nhắc cẩn thận như tên thiết bị, số lượng, năm sản xuất. Thiết bị đào tạo đáp ứng danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu theo yêu cầu đào tạo của từng trình độ đào tạo theo chuyên ngành đào tạo. Tại các nhà xưởng thực hành các máy móc, thiết bị đều được lập sổ theo dõi tài sản cố định của cơ sở đào tạo hàng năm, gắn tem mác rõ ràng và hàng năm đều được tổ kiểm kê của nhà trường kiểm kê chặt chẽ (*5.2.05 - Danh mục thiết bị chính các nghề đào tạo của khoa Công nghệ ô tô ; 5.2.06 - Biên bản bàn giao tài sản giữa nhà cung cấp, nhà trường với khoa Công nghệ ô tô; 5.2.07 - Sổ quản lý theo dõi thiết bị tại khoa Công nghệ ô tô; 5.2.07- Tem gắn mã tài sản trên các thiết bị khoa Công nghệ ô tô; 5.2.09 - Biên bản kiểm kê và đánh giá tình trạng thiết bị dạy nghề hàng năm 2018,2019,2020).*

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2 tiêu chí 5: 2 điểm.**

***Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo đủ số lượng thiết bị đào tạo đáp ứng quy mô, yêu cầu đào tạo.***

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Thiết bị dạy nghề của ngành Công nghệ ô tô được nhà trường đầu tư bằng nguồn vốn chương trình mục tiêu và quỹ phát triển của nhà trường. Trong quản lý sử dụng trang

thiết bị của Khoa Công nghệ ô tô được nhà trường hết sức quan tâm nên ngay khi nhà trường hoàn thiện các thủ tục mua sắm trang thiết bị, Ban giám hiệu nhà trường đã chỉ đạo khoa và các tổ chuyên gia mua sắm trang thiết bị làm các thủ tục để bàn giao cho khoa quản lý, yêu cầu khoa Công nghệ ô tô đưa vào khai thác sử dụng. Phân công rõ ràng cho từng bộ phận quản lý, lập kế hoạch sử dụng các trang thiết bị (5.2.05 - *Danh mục thiết bị chính các nghề đào tạo của khoa Công nghệ ô tô*; 5.2.06 - *Biên bản bàn giao tài sản giữa nhà cung cấp, nhà trường với khoa Công nghệ ô tô*; 5.2.07 - *Sổ quản lý theo dõi thiết bị khoa Công nghệ ô tô*; 5.2.08- *Tem gắn mã tài sản trên các thiết bị khoa Công nghệ ô tô*; 5.2.09 - *Biên bản kiểm kê và đánh giá tình trạng thiết bị dạy nghề năm 2018,2019,2020*).

Hàng năm nhà trường có Tổ kiểm kê tài sản để kiểm kê tài sản và đánh giá tình trạng các trang thiết bị của ngành Công nghệ ô tô, Tổ kiểm kê có nhiệm vụ lập Biên bản kiểm kê đánh giá tình trạng trang thiết bị hàng năm từ đó Ban giám hiệu làm căn cứ để đưa ra biện pháp quản lý trang thiết bị trong những năm tiếp theo. Bên cạnh đó các khoa Công nghệ ô tô cũng lập sổ theo dõi và sơ đồ bố trí thiết bị trang thiết bị riêng cho từng xưởng thực hành (5.3.01 - *Sơ đồ bố trí thiết bị các xưởng*).

Khai thác phòng học lý thuyết và trang thiết bị tại các xưởng thực hành được khoa Công nghệ ô tô lập Kế hoạch chi tiết theo từng tuần, từng học kỳ và từng năm học, vì vậy việc sử dụng phòng học lý thuyết và khai thác trang thiết bị cho từng xưởng thực hành đạt hiệu suất tối đa trên toàn toàn bộ trang thiết bị của ngành Công nghệ ô tô.

#### **Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3 tiêu chí 5: 2 điểm.**

***Tiêu chuẩn 4: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, thuận tiện cho việc thực hành, đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường; thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.***

#### **Mô tả, phân tích, nhận định:**

Khoa Công nghệ ô tô có trang thiết bị, dụng cụ trong xưởng thực hành được bố trí hợp lý theo từng khu vực, đảm bảo về khoảng cách giữa các thiết bị, phù hợp với các môn học, thuận tiện trong quá trình giảng dạy đảm bảo an toàn cho người và thiết bị trong quá trình vận hành. Với điều kiện được đầu tư cơ sở hạ tầng tốt nên không gian trong các nhà xưởng rộng rãi, thoáng mát ngoài việc thiết bị được bố trí hợp lý không gian đường đi trong nhà xưởng rộng rãi rất thuận tiện cho việc đi lại, sửa chữa, vận chuyển vật tư vật liệu vào xưởng, để việc sử dụng trang thiết bị, dụng cụ trong các xưởng thực hành được thuận lợi, đạt hiệu quả tốt và an toàn. ( 5.3.01 - *Sơ đồ bố trí thiết bị các xưởng*; 5.4.01 - *Phiếu khảo sát cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh về việc bố trí trang thiết bị và biên bản tổng hợp kết quả khảo sát năm 2018, 2019, 2020*; 5.4.02 - *Báo cáo khảo sát cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh về việc bố trí trang thiết bị năm 2018, 2019, 2020*; 5.4.04- *Nội quy các xưởng thực hành, phòng học*)

Việc quản lý và bảo dưỡng, sửa chữa các trang thiết bị đào tạo được phân công rõ ràng cho từng thành viên trong khoa và từng bộ phận quản lý nên thiết bị được bảo dưỡng thường xuyên và định kỳ theo đúng các quy định của từng loại thiết bị, được đánh giá, lập kế hoạch theo từng tháng và theo năm (5.2.06 - *Biên bản bàn giao tài sản giữa nhà cung*

*cấp, nhà trường với các khoa năm 2018,2019,2020; 5.4.03 - Quy trình bảo trì, bảo dưỡng; 5.4.05- Báo cáo kết quả công tác hàng tháng và nhiệm vụ công tác tháng tiếp theo).*

Trong xưởng thực hành các máy móc, thiết bị đều được lập sổ theo dõi, gắn tem mác rõ ràng và được kiểm tra chặt chẽ (5.2.07 - Sổ quản lý theo dõi thiết bị khoa Công nghệ ô tô; 5.2.08 - Tem gắn mã tài sản trên các thiết bị khoa Công nghệ ô tô; 5.2.09 - Biên bản kiểm kê và đánh giá tình trạng thiết bị dạy nghề năm 2018,2019,2020).

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4 tiêu chí 5: 2 điểm.**

***Tiêu chuẩn 5: Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện; được quản lý, cấp phát, sử dụng theo quy định; đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo.***

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Ngành Công nghệ ô tô được nhà trường giao việc quản lý cấp phát vật tư, thiết bị cho phòng Kế toán, khi thiết bị, vật tư được nhập về đưa vào kho của nhà trường để bảo quản, lưu giữ. Khi lĩnh thiết bị, vật tư phải thực hiện đúng Quy chế cung ứng và quản lý vật tư (5.5.01 - Quy chế cung ứng và quản lý vật tư trong đào tạo). Sau khi nhận thiết bị, vật tư ngành đưa về kho của mình lưu, giữ từ đó bàn giao cho giáo viên giảng dạy. 100% các khu xưởng thực hành của ngành Công nghệ ô tô đã được xây dựng có các kho chứa (5.1.05- Hồ sơ thiết kế và hoàn công xưởng thực hành)

Phòng Kế toán và phòng Tổ chức – Hành chính phụ trách về việc quản lý, cấp phát vật tư, thu nhận trang thiết bị hàng hóa, vật liệu. Việc cấp phát vật liệu, vật tư, nhiên liệu thực hiện theo quy và được báo cáo để Hiệu trưởng phê duyệt (5.4.06 - Báo cáo kết quả công tác cấp phát vật tư hàng tháng; 5.2.10- Dự trù kinh phí mua vật tư và xin lĩnh vật tư phục vụ thực tập của học sinh tại các khoa; 5.5.02- Phiếu xuất, nhập kho; 5.5.03 - Biên bản thu hồi vật tư, sản phẩm thực tập; 5.5.04- Phân công nhân viên kế toán vật tư, tài sản; 5.5.05 - Hồ sơ đào tạo của các lớp học năm 2018,2019,2020).

Việc cấp phát các vật tư, nguyên, nhiên, vật liệu thực hiện theo các quy định đã đảm bảo không bị thất thoát hoặc sử dụng sai mục đích, kịp thời, đảm bảo đúng kế hoạch và tiến độ đào tạo, từ đó góp phần thực hiện tốt mục tiêu đào tạo.

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5 tiêu chí 5: 2 điểm.**

***Tiêu chuẩn 6: Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được cơ sở đào tạo phê duyệt; mỗi loại giáo trình có tối thiểu 05 bản in và đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của nhà giáo và người học; có đủ sách, tạp chí, tài liệu tham khảo tối thiểu 05 đầu sách/người học; 100% chương trình, giáo trình được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.***

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Thư viện của trường đã được thiết kế quy hoạch trong Dự án đầu tư xây dựng trường Trung cấp nghề Bắc Ninh, nay là Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh. Trong thời gian chờ hoàn tất hồ sơ và khởi công công trình Thư viện, Nhà trường đã bố trí các phòng thư viện với phòng đọc thư viện truyền thống có diện tích là 80 m2,

kho sách là 70 m<sup>2</sup> Theo tiêu chuẩn là 1,8m<sup>2</sup>/chỗ đọc đối với thư viện truyền thống thì thư viện của trường chưa đáp ứng chỗ ngồi cho 15% học sinh và 25% CB-GV Hiện nay thư viện của Nhà trường có hơn 2000 đầu sách giáo trình, tài liệu tham khảo, sách kỹ thuật, báo, tạp chí...với số lượng 6000 quyển và 10000 tài liệu bản điện tử, cùng với số sách Nhà trường thường xuyên được Thư viện tỉnh tạo điều kiện cho mượn là 77-100 đầu sách/1tháng. Tổng cộng số sách, tài liệu hiện có trong thư viện Nhà trường là: 20000 quyển (tính cả tài liệu bản cứng và tài liệu điện tử) (5.6.01 - *Danh mục các sách, tài liệu thư viện năm 2018,2019,2020*)

Hàng năm, Thư viện nhà trường có bổ sung mới một số giáo trình, sách chuyên môn phục vụ công tác dạy và học của Nhà trường. Thư viện nhà trường hiện có khoảng 300 đầu sách với hơn 2000 quyển sách chuyên ngành Công nghệ ô tô (5.6.02 - *Danh mục sách nghề Công nghệ ô tô*). Năm 2017, Nhà trường đã nghiệm thu các giáo trình trong đó nghề Công nghệ ô tô là 62 giáo trình đào tạo đưa vào sử dụng lưu hành nội bộ, đáp ứng cho nhu cầu giảng dạy và học tập cho học sinh sinh viên. (5.6.03- *Danh mục giáo trình lưu hành nội bộ năm 2017, 2019*; 5.6.04- *Bảng kê danh mục sách, tạp chí, tài liệu tham khảo hàng năm*; 5.6.05- *Các biên bản giao nhận sách luân chuyển với Thư viện tỉnh Bắc Ninh năm 2018, 2019, 2020*).

Năm 2020 Nhà trường với số lượng học sinh sinh viên đang theo học nghề Công nghệ ô tô là 146 người (số liệu người học tháng 1 năm 2020) thì số lượng đầu sách đạt tỷ lệ đáp ứng nhu cầu nghiên cứu và học tập của cán bộ, giáo viên và HSSV (5.6.06 - *Bảng diễn biến số học sinh, sinh viên của trường*; 5.6.07- *Danh mục giáo trình, tài liệu tham khảo đã được số hóa của thư viện* )

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6 tiêu chí 5: 2 điểm.**

***Tiêu chuẩn 7: Thư viện được trang bị máy tính và nối mạng internet đáp ứng nhu cầu dạy, học và tra cứu tài liệu.***

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Thư viện nhà trường chỉ được trang bị 01 máy tính phục vụ công tác quản lý thư viện (5.7.01 - *Danh mục trang thiết bị thư viện*). Hiện nay, Thư viện đang sử dụng phần mềm Quản lý thư viện trường học (SLIMS Version 6.0). Đây là một phần mềm với nhiều ưu điểm trong xử lý nghiệp vụ thư viện cũng như quản lý, lưu thông tài liệu giúp cho Thư viện nhà trường hoạt động hiệu quả, góp phần tin học hoá công tác quản lý thư viện ( 5.7.02- *Tài liệu hướng dẫn sử dụng phần mềm quản lý thư viện*).

Mặc dù trang thiết bị thư viện còn thiếu thốn song hoạt động của thư viện vẫn diễn ra hiệu quả. Nhiều cán bộ, giáo viên và người học chuyên ngành Công nghệ ô tô cũng như các ngành học khác khai thác tư liệu, cập nhật khoa học công nghệ mới, áp dụng vào giảng dạy và học tập (5.7.03 - *Website: <http://thuvienso.bci.edu.vn/>*; 5.7.04 - *Thống kê lượt bạn đọc thư viện 2018, 2019, 2020*;) )

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7 tiêu chí 5: 2 điểm.**

**Tiêu chuẩn 8: Có các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học thực tế trong giảng dạy.**

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Hiện tại, đào tạo nghề Công nghệ ô tô vừa giảng dạy theo phương pháp truyền thống, vừa có một số phần mềm mô phỏng, phần mềm thiết kế bài giảng như powerpoint, solidword, Autocad, mastercam...; các thiết bị hỗ trợ giảng dạy nhằm giúp người học tiếp cận với công nghệ mới và thực tế nghề nghiệp như phần mềm mô phỏng hoạt động của động cơ, phần mềm mô phỏng tháo lắp và sửa chữa, phần mềm mô phỏng đấu dây và sửa chữa mạch điện trên ô tô... (5.8.01 – Danh mục các phần mềm hỗ trợ giảng dạy và học tập; 5.8.02 – Danh mục các phần mềm mô phỏng thực tế trong gói thầu mua sắm thiết bị chương trình mục tiêu năm 2018, 2019, 2020)

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8 tiêu chí 5: 2 điểm.**

#### **2.2.6. Tiêu chí 6: Dịch vụ người học**

**Đánh giá tổng quát tiêu chí :**

\* *Những điểm mạnh:* Ngay sau khi HSSV nhập học trong thời gian học chính trị đầu khóa, học sinh - sinh viên được phổ biến các nội quy, quy định liên quan đến các hoạt động của trường như quy định về ưu đãi vay vốn ngân hàng; quy định về miễn giảm học phí; quy định về mượn sách trên thư viện; quy chế công tác học sinh – sinh viên; quy định về công tác giáo viên chủ nhiệm; quy định về đánh giá, xếp loại điểm rèn luyện của học sinh – sinh viên; quy định về sử dụng trang thiết bị thực hành;

Hiện tại Tỉnh Bắc Ninh có khu ký túc xá với tổng diện tích khoảng 4.500m<sup>2</sup> được trang bị đầy đủ điện, nước sạch sinh hoạt, nhà tắm, nhà vệ sinh và các phương tiện sinh hoạt khác. Khu ký túc xá này đáp ứng được hầu hết các HSSV của các trường ĐH, CĐ trong tỉnh nhà

Phòng y tế có tổng diện tích 60m<sup>2</sup>, có 1 phòng bệnh nhân có diện tích 30m<sup>2</sup>, 1 phòng khám kết hợp phòng tiêm có diện tích 30m<sup>2</sup>, được trang bị đầy đủ thuốc, giường nằm và các trang thiết bị khác đáp ứng được cho toàn bộ Học sinh - Sinh viên có nhu cầu dịch vụ y tế tại trường, phòng y tế hoàn toàn đáp ứng được các yêu cầu về dịch vụ sức khỏe cho Học sinh - Sinh viên

Nhà trường thường xuyên phối hợp với các doanh nghiệp tổ chức tư vấn cung cấp các thông tin về việc làm để HSSV trong trường tiếp xúc với nhà tuyển dụng đồng thời HSSV khi tốt nghiệp nếu đủ điều kiện và năng lực sẽ được nhà tuyển dụng lựa chọn làm việc tại doanh nghiệp

\* *Những tồn tại:* Hiện tại nhà trường chưa được tỉnh Bắc Ninh phê duyệt xây dựng ký túc xá sinh viên vì đã có KTX của tỉnh tập trung các HSSV các trường thuộc địa bàn.

\* *Kế hoạch nâng cao chất lượng:* Nhằm nâng cao hiệu quả của công tác HSSV nhà trường đề xuất trình Tỉnh tạo điều kiện để xây dựng khu KTX cho học sinh, sinh viên

**Điểm đánh giá tiêu chí 6:**

<b>Tiêu chí, tiêu chuẩn</b>	<b>Điểm tự đánh giá</b>
<b>Tiêu chí 6</b>	<b>8</b>
Tiêu chuẩn 1	2
Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	2
Tiêu chuẩn 4	2

**Tiêu chuẩn 1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về mục tiêu, chương trình đào tạo; quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của trường; các chế độ, chính sách hiện hành đối với người học; các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học theo quy định**

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Trong quá trình học tập đầu khóa toàn bộ HSSV được nhà trường cung cấp các thông tin về quy chế công tác HSSV, quy chế thi, kiểm tra, chế độ chính sách mà HSSV được hưởng qua đó HSSV nắm được quyền lợi của mình khi học tập tại trường (6.1.01 - Kế hoạch số 18/KH-CĐCN, ngày 30/7/2018 tổ chức đón tiếp HSSV nhập học và công tác truyền thông thu hút nữ sinh năm 2018; Kế hoạch số 21/KH-CĐCN, ngày 30/7/2019 tổ chức nhập học đợt 1 năm 2019; Kế hoạch số 23/KH-CĐCN, ngày 31/7/2019 học tập đầu khóa CDK10 năm học 2019-2020; Thông báo số 48/TB-CĐCN, ngày 13/8/2020 về việc tổ chức nhập học cho Học sinh trung cấp K38, khóa học 2020-2021; Thông báo số 53/TB-CĐCN, ngày 08/9/2020 lịch học đầu khóa hệ Cao đẳng K11).

Trong quá trình học tập, HSSV được cung cấp Quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp của Trường (6.1.02- Quyết định số 142<sup>a</sup>/QĐ-CĐCN, ngày 18/9/2017 về việc ban hành Quy chế quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế; Quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; Quyết định số 205/QĐ-CĐCN, ngày 30/7/2019 về việc ban hành Quy chế quy định tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo phương thức tích lũy mô đun tại trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh).

Các văn bản thể hiện nội quy, quy chế của trường (6.1.03- Các Quyết định ban hành quy chế công tác HSSV: Quyết định số 186/QĐ-CĐCN, ngày 30/10/2017; Quyết định số 39/QĐ-CĐCN ngày 28/02/2019; Quyết định số 25/QĐ-CĐCN, ngày 20/01/2020; Quyết định số 191/QĐ-CĐCN ngày 30/7/2020 về việc ban hành Bộ quy tắc ứng xử trong trường học). Từ đó nâng cao nhận thức trong học tập, tạo được hứng thú trong học tập nhằm nâng cao chất lượng của quá trình đào tạo của Nhà trường

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1 tiêu chí 6: 2 điểm.**

**Tiêu chuẩn 2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định**

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Nhà trường thực hiện các chế độ chính sách theo nghị định Số: 86/2015/NĐ-CP quy định về miễn, giảm học phí ngoài ra quy định về việc vay vốn tín dụng ưu đãi Số: 157/2007/QĐ-TTg, Quyết định số 70/2008/ QĐ - BLĐTBXH ngày 30 tháng 12 năm 2008 quy định học bổng khuyến khích học nghề tạo điều kiện để HSSV tham gia học

tập tại trường đạt kết quả cao. **(6.2.01 - Các quyết định của trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh về việc cấp học bổng khuyến khích học nghề năm 2018, 2019, 2020; Quyết định số 434/QĐ-CĐCN, ngày 13/11/2018; Quyết định số 155/QĐ-CĐCN, ngày 06/6/2019; Quyết định số 377/QĐ-CĐCN, ngày 12/12/2019; Quyết định số 147/QĐ-CĐCN, ngày 23/6/2020; Quyết định số 369/QĐ-CĐCN, ngày 11/12/2020 về việc cấp học bổng khuyến khích học tập cho HSSV học kỳ II năm học 2019-2020);**

Các thông báo thu học phí các học kỳ, các năm học mô tả rõ việc miễn học phí học nghề cho học sinh có hộ khẩu, quê quán tại Bắc Ninh. **(6.2.02 – Các thông báo thu học phí năm học 2018-2019, năm học 2019-2020, năm học 2020-2021).** Học sinh sinh viên được đăng ký ở ký túc xá sinh viên tỉnh Bắc Ninh. **(6.2.03 – Hồ sơ quản lý HSSV đăng ký ở ký túc xá sinh viên: Bản mềm Excel, bản cứng lưu trữ, ảnh HSSV trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh đang ở, sinh hoạt tại ký túc xá sinh viên tỉnh Bắc Ninh).**

Ngoài ra nhà trường có quỹ hỗ trợ HSSV, mục đích hỗ trợ HSSV gặp khó khăn, biết khắc phục khó khăn vươn lên trong học tập. **(6.2.04-Các quyết định liên quan việc thành lập Quỹ hỗ trợ HSSV, ban quản lý quỹ hỗ trợ HSSV, các hoạt động kèm theo: Quyết định số 387/QĐ-CĐCN ngày 24/12/2019 về việc thành lập “Quỹ hỗ trợ học sinh sinh viên”; Quyết định số 388/QĐ-CĐCN ngày 24/12/2019 về việc thành lập ban quản lý “Quỹ hỗ trợ học sinh sinh viên”; Quyết định số 132/QĐ-CĐCN, ngày 04/6/2020 về việc kiện toàn Ban quản lý quỹ “Hỗ trợ học sinh, sinh viên”; Ảnh đại diện BGH Nhà trường, phòng Công tác HSSV, các tổ chức Đoàn thể trao tặng cho HSSV gặp khó khăn trong dịp lễ, tết...)**

#### **Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2 tiêu chí 6: 2 điểm.**

**Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, cơ sở đào tạo cung cấp cho người học các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm; thực hiện trợ giúp, giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.**

#### **Mô tả, phân tích, nhận định:**

Căn cứ kế hoạch tuyển sinh hàng năm với quy mô và số lượng học sinh, sinh viên đã nhập học; Nhà trường đã ban hành các quyết định về biên chế các lớp theo ngành đào tạo và kế hoạch học tập đầu khóa thể hiện với nội dung như giáo dục chính trị tư tưởng, các quy chế, giới thiệu công tác gắn kết giữa nhà trường với doanh nghiệp

Ngay từ khi học sinh, sinh viên nhập học ổn định trong quá trình học tập đầu khóa nhà trường đã cung cấp các thông tin và định hướng nghề nghiệp để các em xác định rõ các điều kiện thực tập và tìm hiểu về thị trường lao động việc làm **(6.3.01 - Kế hoạch học tập đầu khóa 2018,2019,2020)**

Trong quá trình tham gia học tập tại trường để tạo điều kiện về việc thực tập theo đúng chuyên môn tại các doanh nghiệp Nhà trường thực hiện phối hợp cùng các doanh nghiệp thực hiện ký kết các biên bản hợp tác **(6.3.02 – Biên bản hợp tác triển khai các chương trình đào tạo phối hợp và cung cấp nguồn lao động chất lượng cao với trung tâm dịch vụ việc làm Bắc Ninh; 6.3.03 - Kế hoạch tổ chức ngày hội việc làm, tuyển dụng kỹ thuật viên cho các doanh nghiệp)**

#### **Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3 tiêu chí 6: 2 điểm.**



**Tiêu chuẩn 4: Cơ sở đào tạo thực hiện đa dạng hóa các hoạt động xã hội, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho người học.**

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Trong quá trình tham gia học tập tại trường HSSV được tham gia các hoạt động thể thao, văn nghệ, các hoạt động xã hội, ngoại khóa nhằm phát triển toàn diện cho HSSV. Đây là nơi để học sinh sinh viên thể hiện bản lĩnh, sự tự tin và tài năng của mình, bên cạnh đó những hoạt động này còn giúp học sinh sinh viên mở rộng các mối quan hệ, giao lưu và học hỏi nhiều điều hay từ những người bạn xung quanh.

Hàng năm nhà trường đều tổ chức chương trình Hello Summer (6.4.01 – Kế hoạch số 10/KH-CĐCN, ngày 16/4/2018 tổ chức chương trình Chào hè 2018 “Sinh viên BCI năng động – thanh lịch”; Kế hoạch số 10/KH-CĐCN, ngày 28/02/2019 tổ chức chương trình Hello Summer 2019 “Sinh viên BCI bản lĩnh – Hội nhập”; Kế hoạch số 10/KH-CĐCN, ngày 12/5/2020 tổ chức chương trình Hello Summer 2020. Thi ảnh, Clip với chủ đề “My dream” theo hình thức online; Kế hoạch số 32/KH-CĐCN, ngày 08/7/2020 Tổ chức chương trình trao giải cuộc thi ảnh, clip chủ đề “My dream” – chào hè 2020; Ảnh, clip dự thi các đội các năm 2018, 2019, 2020).

Phòng Công tác HSSV, các tổ chức Đoàn thể trong trường hàng năm tổ chức các hoạt động thi đấu thể thao, các hoạt động giao lưu văn nghệ, bóng đá, cầu lông... để HSSV được tham dự. (6.4.02 – Kế hoạch số 06/KH-CĐCN, ngày 29/01/2018 tổ chức chương trình hoạt động Chào xuân 2018; Quyết định số 175/QĐ-CĐCN, ngày 28/6/2019 v/v thành lập Ban chỉ đạo “Hội diễn văn nghệ các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tỉnh Bắc Ninh và tham dự Hội diễn văn nghệ các cơ sở giáo dục nghề nghiệp toàn quốc năm 2019; Kế hoạch số 50/KH-CĐCN, ngày 12/10/2020 tổ chức các hoạt động thể thao chào mừng 50 năm thành lập trường và khai giảng năm học 2020-2021...).

Hàng năm tổ chức các khóa đào tạo kỹ năng mềm, ngoại ngữ ngoại khóa cho HSSV (6.4.03 – Các quyết định, kế hoạch, chương trình mở lớp tiếng Hàn, tiếng Nhật; Kế hoạch số 33/KH-CĐCN, ngày 09/11/2018 tổ chức rèn luyện cho HSSV phát triển kỹ năng mềm năm học 2018-2019; Quyết định số 182/QĐ-CĐCN, ngày 08/7/2019 v/v công nhận kết quả, cấp giấy chứng nhận bồi dưỡng kỹ năng mềm và hoạt động tình nguyện cho tân sinh viên CDK7;...)

Năm học 2020-2021, trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh đã tổ chức chương trình ý tưởng khởi nghiệp cấp; xét chọn 02 ý tưởng tham gia vòng Bán kết cấp khu vực và đạt 01 giải ba, 01 giải khuyến khích; 01 ý tưởng tham dự vòng chung kết cấp quốc gia (6.4.04 – Quyết định số 169/QĐ-CĐCN, ngày 06/7/2020 v/v thành lập BGK, BTK cuộc thi “Ý tưởng khởi nghiệp HSSV GDNN” năm 2020-Startup Kite; Quyết định số 343/QĐ-CĐCN, ngày 16/11/2020 v/v cử đoàn công tác tham dự Ngày hội khởi nghiệp Quốc Gia HSSV GDNN năm 2020; giấy khen của Hiệu trưởng về các dự án khởi nghiệp của sinh viên năm 2020).

Hàng năm nhà trường thực hiện tốt các điều kiện đảm bảo an ninh trật tự trong khuôn viên trường (6.4.05- Báo cáo đánh giá tình hình đảm bảo an ninh trật tự an toàn trong trường học năm 2018, 2019, 2020).

Nhà trường thực hiện khảo sát, báo cáo khảo sát ý kiến của người học, người học tốt nghiệp đã đi làm (**6.4.06** - *Quyết định ban hành phiếu khảo sát dịch vụ người học: Quyết định số 10/QĐ-CĐCN, ngày 19/01/2018; Quyết định số 91/QĐ-CĐCN, ngày 20/3/2019; Quyết định số 08/QĐ-CĐCN, ngày 07/01/2020; Báo cáo khảo sát các năm 2018, 2019, 2020: Báo cáo số 37/BC-CĐCN, ngày 26/12/2018; Báo cáo số 48/BC-CĐCN, ngày 26/12/2019*).

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4 tiêu chí 6: 2 điểm.**

### **2.2.7. Tiêu chí 7: Giám sát, đánh giá chất lượng**

#### **Đánh giá tổng quát tiêu chí:**

Công tác đào tạo gắn liền với liên kết doanh nghiệp được nhà trường chú trọng là mục tiêu số 1 trong chiến lược phát triển nhà trường. Theo định kỳ hằng năm nhà trường thường tổ chức các cuộc hội nghị cùng doanh nghiệp và xin ý kiến đóng góp của doanh nghiệp về công tác đào tạo của nhà trường. Khi các doanh nghiệp có sử dụng lao động của nhà trường thì nhà trường mời trực tiếp tham gia vào quá trình đánh giá chương trình đào tạo và mức độ đáp ứng kỹ năng nghề sau khi tốt nghiệp.

Ngoài ra, nhà trường thường xuyên thu thập ý kiến đánh giá của cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động. Và thu thập ý kiến đánh giá của người học đại diện các ngành, nghề đào tạo về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường.

Bên cạnh đó trường thực hiện hoạt động tự đánh giá chất lượng và kiểm định chất lượng theo quy định và có kế hoạch cụ thể và các biện pháp thực hiện việc cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá và kết quả đánh giá ngoài.

*\* Những điểm mạnh:*

Có kế hoạch thu thập ý kiến đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động hằng năm. Nhiều doanh nghiệp đánh giá cao về công tác khảo sát đánh giá của nhà trường và sự quan tâm của nhà trường đến người học.

Có kế hoạch thực hiện tự đánh giá. Định kỳ hàng năm nhà trường có kế hoạch cụ thể về công tác tự kiểm định các đơn vị trong nhà trường và đánh giá tự kiểm định chất lượng cơ sở đào tạo.

*\* Những tồn tại: Không có*

*\* Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

Hợp tác chặt chẽ với doanh nghiệp và không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo kỹ năng nghề cho HSSV. Tổ chức các buổi tọa đàm với nhiều doanh nghiệp trong nhiều lĩnh vực và thường xuyên đổi mới phương pháp đào tạo theo kỹ năng nghề.

**Điểm đánh giá tiêu chí 7:**

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
<b>Tiêu chí 7</b>	<b>14</b>
Tiêu chuẩn 1	2
Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	2
Tiêu chuẩn 4	2
Tiêu chuẩn 5	2
Tiêu chuẩn 6	0
Tiêu chuẩn 7	2
Tiêu chuẩn 8	2

***Tiêu chuẩn 1: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động và sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.***

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Trong công tác đào tạo nhà trường xác định việc gắn với doanh nghiệp là việc làm không thể thiếu, đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp, yêu cầu của xã hội thì cơ sở đào tạo mới phát triển bền vững. Mọi quan hệ hợp tác với nhà trường với doanh nghiệp tập trung chủ yếu trên các lĩnh vực như: Tuyển dụng lao động; đưa HSSV đi thực tập sản xuất; xây dựng cải tiến chương trình và giáo trình....vì vậy nhà trường coi doanh nghiệp là một nguồn lực của nhà trường

Để đánh giá mức độ đáp ứng của sinh viên tốt nghiệp cũng như chương trình đào tạo của nhà trường đối với yêu cầu của doanh nghiệp và thực tiễn sản xuất, trong các năm 2018, 2019, 2020, nhà trường đã xây dựng và triển khai kế hoạch tổ chức khảo sát doanh nghiệp về mức độ hài lòng về chất lượng đào tạo (**7.1.01 - Kế hoạch về việc tổ chức khảo sát doanh nghiệp năm 2018, 2019, 2020**)

Để thực hiện tốt kế hoạch khảo sát nhà trường đã lập danh sách các doanh nghiệp để tiến hành với phương thức thông qua các phiếu khảo sát để thu thập ý kiến phản hồi từ doanh nghiệp (**7.1.02 - Danh sách các doanh nghiệp tham gia khảo sát năm 2018, 2019, 2020; 7.1.03 - Phiếu khảo sát doanh nghiệp năm 2018, 2019, 2020**)

Trên cơ sở thu thập các ý kiến của phía doanh nghiệp như đánh giá quá trình thực tập của học sinh, sinh viên, Kết quả khảo sát cho thấy năng lực của học sinh, sinh viên tốt nghiệp đang làm việc tại doanh nghiệp đáp ứng ở mức độ khác nhau. Từ kết quả trên cho thấy năng lực của học sinh, sinh viên sau khi tốt nghiệp đều được phía doanh nghiệp đánh giá đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp (**7.1.04 - Báo cáo kết quả khảo sát doanh nghiệp năm 2018, 2019, 2020**).

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1 tiêu chí 7: 2 điểm.**

**Tiêu chuẩn 2: Thực hiện điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của cơ sở đào tạo và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm của người tốt nghiệp.**

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Hàng năm nhà trường đã thực hiện công tác khảo sát, thống kê số lượng học sinh, sinh viên tốt nghiệp ra trường có việc làm tỷ lệ chiếm 95% có việc làm, trong đó có 75% HSSV tìm được việc làm phù hợp với nghề đào tạo. (7.1.01 - Kế hoạch về việc tổ chức khảo sát doanh nghiệp năm 2018, 2019, 2020, 2021)

Để thực hiện tốt kế hoạch khảo sát nhà trường đã lập danh sách các doanh nghiệp để tiến hành với phương thức thông qua các phiếu khảo sát để thu thập ý kiến phản hồi từ doanh nghiệp (7.1.02 - Danh sách các doanh nghiệp tham gia khảo sát; 7.1.03 - Phiếu khảo sát doanh nghiệp năm 2018, 2019, 2020, 2021; 7.1.04 - Báo cáo kết quả khảo sát doanh nghiệp năm 2018, 2019, 2020)

Qua kết quả khảo sát đã đánh giá được năng lực của HSSV sau khi tốt nghiệp và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm của người tốt nghiệp. Từ đó nhà trường và các khoa xem xét và điều chỉnh chương trình đào tạo của từng nghề nhằm đáp ứng nhu cầu thực tiễn của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh và các vùng lân cận.

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2 tiêu chí 7: 2 điểm.**

**Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 50% nhà giáo, cán bộ quản lý về các nội dung liên quan đến công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý.**

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Để đảm bảo chất lượng của mọi hoạt động trong trường, hàng năm Trường đã tiến hành thu thập ý kiến của cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động về các chính sách liên quan đến công tác đào tạo, công tác cán bộ, công tác đánh giá phân loại viên chức... Nhà trường đã sử dụng phiếu khảo sát để thu thập ý kiến nhằm đánh giá một cách khách quan (7.3.01- Kế hoạch lấy ý kiến khảo sát của công chức, viên chức quản lý, giảng viên, nhân viên về chất lượng hoạt động hỗ trợ đào tạo của trường năm 2018, 2019, 2020; 7.3.02 - Danh sách cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên tham gia khảo sát; 7.3.03 - Phiếu khảo sát ý kiến phản hồi của viên chức quản lý, giáo viên, nhân viên về chất lượng hoạt động hỗ trợ đào tạo của nhà trường năm 2018, 2019, 2020; 7.3.04 - Báo cáo kết quả thực hiện khảo sát ý kiến công chức, viên chức quản lý, giáo viên và nhân viên về chất lượng hoạt động hỗ trợ đào tạo của trường năm 2018, 2019, 2020)

Nhà trường đã tiến hành thu thập ý kiến đánh giá của cán bộ quản lý, giáo viên và học viên về tiến độ, kết quả thực hiện kế hoạch đào tạo thông qua phiếu lấy ý kiến (7.3.05- Biên bản thu thập ý kiến đánh giá của cán bộ, giáo viên, học sinh về tiến độ, kết quả thực hiện kế hoạch đào tạo 2018, 2019, 2020) hoặc qua các cuộc họp giao ban của Nhà trường (7.3.06 - Biên bản họp giao ban, họp hội đồng đào tạo 2018, 2019, 2020), hoặc thông qua lấy ý kiến tại hội nghị CB, CV, VC hàng năm (7.3.07 – Biên bản hội nghị cán bộ viên chức, NLD năm 2018, 2019 ) trên cơ sở đó tổ chức rút kinh nghiệm,

đề ra hướng khắc phục điều chỉnh nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đảm bảo đúng theo kế hoạch đào tạo của Nhà trường

Kết quả khảo sát cho thấy hầu hết cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động cho rằng các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động của nhà trường phù hợp với thực tế của nhà trường

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3 tiêu chí 7: 2 điểm.**

***Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 30% người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học.***

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Để có cái nhìn khách quan trong việc đào tạo và chất lượng phục vụ của các dịch vụ liên quan đến người học hàng năm nhà trường tổ chức lấy phiếu khảo sát về các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học của trường (**7.4.01** – Kế hoạch thu thập ý kiến người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy, việc thực hiện chính sách liên quan đến các dịch vụ đối với người học của trường; **7.4.02** - Danh sách các lớp người học năm 2018,2019,2020; **7.4.03** - Danh sách người học được thu thập ý kiến năm 2018,2019,2020; **7.4.04** – Phiếu thu thập ý kiến người học 2018,2019,2020; **7.4.05** - Báo cáo kết quả thu thập ý kiến đối với người học năm 2018,2019,2020).

Qua kết quả khảo sát ý kiến của người học về quá trình đào tạo, chất lượng đào tạo và các dịch vụ để từ đó điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế của các đơn vị trong trường đáp ứng nhu cầu tốt nhất cho người học; góp phần nâng cao uy tín, hiệu quả đào tạo của nhà trường và các đơn vị liên quan.

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4 tiêu chí 7: 2 điểm.**

***Tiêu chuẩn 5: Cơ sở đào tạo thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo quy định.***

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Hàng năm, trường đều thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo thông qua các hoạt động: Tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo, thông qua các đợt khảo sát lấy ý kiến đánh giá của doanh nghiệp và người học về chương trình đào tạo. Để nâng cao nhận thức của cán bộ, giáo viên, nhân viên và HSSV trong toàn trường về tầm quan trọng của công tác tự kiểm định các điều kiện đảm bảo chất lượng chương trình đào tạo của các Khoa trong nhà trường theo bộ tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo theo thông tư 15/2017/TT-BLĐT&XH ngày 8 tháng 6 năm 2017 của BLĐT&XH ban hành, qua đó Nhà trường đã xây dựng kế hoạch tự kiểm định chương trình đào tạo và huy động tất cả các phòng, khoa, đơn vị trong toàn trường cùng thực hiện công tác tự kiểm định (**7.5.01** - Quyết định số 07/QĐ-CĐCN ngày 07 tháng 01 năm 2020 V/V thành lập Hội đồng tự đánh giá lượng

chương trình đào tạo năm 2020; 7.5.02 - KH 06/KH – CĐCN ngày 20/01/2020 về thực hiện đánh giá lượng chương trình đào tạo năm 2020).

Sau khi thực hiện, Trường có báo cáo tự đánh giá kiểm định chương trình đào tạo của các nghề được công khai trong trường và báo cáo Sở LĐTĐ&XH Bắc Ninh (7.5.03 - Báo cáo đánh giá tự kiểm định chương trình đào tạo năm 2019, 2020);

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4 tiêu chí 7: 2 điểm.**

**Tiêu chuẩn 6: Hàng năm, cơ sở đào tạo có kế hoạch cụ thể và thực hiện cải thiện, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá của cơ sở đào tạo và kết quả đánh giá ngoài (nếu có).**

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Căn cứ kết quả tự đánh giá và kiểm định chất lượng hàng năm, Phòng Đào tạo được giao phụ trách công tác kiểm định đã phối hợp với các đơn vị tham mưu với Ban giám hiệu lên kế hoạch cải thiện, nâng cao chất lượng như cử giáo viên tham gia các lớp bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ; giáo viên tham gia kỳ thi đánh giá kỹ năng nghề; cử giáo viên thăm quan/ thực tập tại doanh nghiệp; mua sắm trang thiết bị đào tạo; chỉnh trang cơ sở vật chất. Phòng Tổ chức hành chính tổng hợp và lập kế hoạch nâng cao chất lượng CB, GV, NV ( 7.6.01 - Kế hoạch bồi dưỡng cán bộ, viên chức năm 2018, 2019, 2020)

Ngoài ra để giáo viên được tiếp cận với doanh nghiệp nhằm nâng cao kỹ năng chuyên môn trong giảng dạy, nhà trường đã cử giáo viên thăm quan, thực tập tại doanh nghiệp; cũng như tham gia học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và lý luận chính trị, kỹ năng mềm... (7.6.02 – Các quyết định cử giáo viên đi tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ 2018,2019, 2020; 7.6.03 – Các quyết định cử giáo viên đi học thạc sĩ năm 2018, 2019, 2020; 7.6.04 – Các quyết định cử giáo viên đi học trung cấp, cao cấp LLCT năm 2018,2019, 2020)

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6 tiêu chí 7: 0 điểm.**

**Tiêu chuẩn 7: Trong vòng 06 tháng kể từ khi tốt nghiệp, tối thiểu 80% người học có việc làm phù hợp với ngành, nghề đào tạo.**

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Để thực hiện tốt công tác thu thập thông tin học sinh, sinh viên tốt nghiệp ra trường có việc làm nhà trường ( 7.7.01 - Quyết định công nhận tốt nghiệp năm 2018, 2019, 2020)

Công tác điều tra khảo sát lần vết học sinh, sinh viên đã tốt nghiệp được nhà trường phối hợp với tổ chức GIZ của CHLB Đức và Viện khoa học giáo dục nghề nghiệp – Tổng cục giáo dục nghề nghiệp tiến hành theo định kỳ hàng năm.

Nhà trường luôn quan tâm đến việc làm khi học sinh, sinh viên tốt nghiệp ra trường, để thực hiện tốt trong công tác tiếp nhận các thông tin từ phía doanh nghiệp cũng như cựu học sinh sinh viên thông qua công tác khảo sát lần vết (7.7.02- Kế hoạch khảo sát việc làm đối với sinh viên tốt nghiệp năm 2018, 2019,2020)

Qua quá trình khảo sát học sinh sinh viên với kết quả như sau: năm 2018 đạt tỷ lệ 89.4%, năm 2019 đạt tỷ lệ 84.5%, năm 2020 đạt tỷ lệ 80.8%.

( 7.7.03 - Danh sách sinh viên khảo sát việc làm năm 2018,2019,2020; 7.7.04 - Báo cáo kết quả khảo sát việc làm năm 2018,2019,2020).

Như vậy, nhà trường đáp ứng được yêu cầu có trên 80% tổng số học sinh, sinh viên tốt nghiệp có việc làm phù hợp với ngành, nghề được đào tạo sau khi tốt nghiệp.

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7 tiêu chí 7: 2 điểm.**

**Tiêu chuẩn 8: Tối thiểu 80% đơn vị sử dụng lao động được điều tra hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.**

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Nhà trường có kế hoạch thu thập ý kiến của đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động hằng năm. Khi kết thúc mỗi đợt thực tập và sau các kỳ tuyển dụng kỹ thuật viên các doanh nghiệp đều có đánh giá kỹ năng và ý thức kỷ luật tại doanh nghiệp (7.8.01 - Kế hoạch hội nghị tiếp xúc doanh nghiệp năm 2018,2019,2020; 7.8.02 - Các bản nhận xét đánh giá quá trình thực tập tại doanh nghiệp năm 2018,2019,2020).

Trường có danh sách đơn vị sử dụng lao động được thu thập ý kiến, trong đó nêu rõ: tên; địa chỉ; số lượng, tên người học đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động hằng năm (7.8.03 - Danh sách đơn vị sử dụng lao động năm 2018,2019,2020; 7.8.04 - Danh sách HSSV khảo sát nghề nghiệp sau khi ra trường năm 2018,2019,2020; 7.8.05 - Báo cáo kết quả đánh giá quá trình làm việc của người học tại doanh nghiệp năm 2018,2019,2020). Từ đó đánh giá được năng lực đào tạo của nhà trường để điều chỉnh cho phù hợp với nhu cầu thực tế tại doanh nghiệp.

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8 tiêu chí 7: 2 điểm.**

### **PHẦN III. TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO**

- Trong những năm tới, nhà trường sẽ đẩy mạnh công tác mua sắm trang thiết bị để đáp ứng Khoa học công nghệ hiện nay.

- Thường xuyên nâng cao chất lượng sinh hoạt chuyên môn tại Khoa chuyên môn, Bộ môn và tổ chức các lớp bồi dưỡng, các cuộc hội thảo về đổi mới phương pháp giảng dạy cho CBGD. Trong năm học tiếp theo phải có 90% CBGD áp dụng phương pháp giảng dạy theo hướng tích cực hoá người học một cách hiệu quả.

- Mở rộng hơn quan hệ giao lưu với các trường bạn và hợp tác quốc tế nhằm trao đổi kinh nghiệm, nâng cao năng lực chuyên môn cho cán bộ, giáo viên nhà trường nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy, học tập.

- Hỗ trợ hơn nữa cho CB, GV nâng cao trình độ nghiệp vụ, sư phạm, tin học và ngoại ngữ bằng các chính sách phù hợp với một trường ngoài công lập.

- Biên soạn giáo trình nghề CNOT được phát hành rộng rãi, làm tài liệu tham khảo cho tất cả sinh viên, giáo viên trên cả nước.

- Lập kế hoạch định kỳ khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ các nhà tuyển dụng, người tốt nghiệp và các tổ chức khác để bổ sung điều chỉnh chương trình, giáo trình.

- Tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất, trang bị thêm các thiết bị đào tạo thực hành cho nghề CNOT nhằm đáp ứng tốt các điều kiện đảm bảo đạt chuẩn nghề cấp độ quốc tế.
- Xây dựng hoàn thiện và đưa vào khai thác các công trình phục vụ cho HSSV, nhà dịch vụ theo đề án trường chất lượng cao đến năm 2025.
- Đẩy mạnh công tác truyền thông, tuyên truyền để thu hút HSSV học nghề. cường tổ chức giới thiệu việc làm cho HSSV.
- Tiếp tục duy trì và phát huy các hoạt động đảm bảo chất lượng đồng thời xây dựng thêm các bộ công cụ, quy trình mới nhằm từng bước hoàn thiện hệ thống đảm bảo chất lượng của Nhà trường theo xu thế mới đáp ứng các tiêu chí của trường chất lượng cao.

## **PHẦN IV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**

### **4.1. KẾT LUẬN**

Công tác tự đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo ngành Công nghệ ô tô là một quá trình xem xét và đánh dựa trên hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn KĐCL CTĐT do Bộ LĐTB-XH ban hành là một yếu tố không thể thiếu được trong hoạt động quản lý Nhà nước về GDNN và hoạt động của các trường Cao đẳng hiện nay.

Để công tác đảm bảo chất lượng có tính bền vững, đúng trình tự của một môi trường GDNN lành mạnh, phù hợp, phát triển, rất cần thiết phải đưa các hoạt động đảm bảo chất lượng của nhà trường đi vào nề nếp và chuẩn hoá. Vì vậy, trong thời gian qua căn cứ vào Bộ tiêu chí KĐ CTĐT, căn cứ vào thực tế Nhà trường xác định mục tiêu, chủ trương, biện pháp, xây dựng kế hoạch, triển khai các hoạt động hướng tới phát huy những mặt mạnh đã đạt được, khắc phục những tồn tại, đảm bảo đáp ứng được đầy đủ các tiêu chí, tiêu chuẩn về kiểm định chất lượng đào tạo.

Đối với công tác tự kiểm định nghề Công nghệ ô tô trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh xác định là một nhiệm vụ thường xuyên. Từ đó hàng năm nhà trường căn cứ vào các tiêu chí, tiêu chuẩn đã và chưa đạt để rà soát hoạt động giảng dạy và học tập của nhà trường, qua đó phát huy những mặt mạnh đồng thời khắc phục những tồn tại, hạn chế. Vì KĐCL CTĐT được tiến hành thường xuyên nên việc thông qua công tác tự kiểm định nhà trường có hướng phấn đấu hướng tới việc tự hoàn thiện để nâng cao chất lượng đào tạo.

### **4.2. KIẾN NGHỊ**

Quá trình nghiên cứu, thực hiện tự kiểm định chất lượng CTĐT, nhà trường thấy rằng các văn bản quy phạm pháp luật về kiểm định chất lượng CTĐT: Hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn, quy trình kiểm định khoa học và phù hợp với việc đánh giá và cải tiến nâng cao chất lượng đào tạo. Nhà trường hiện tại không có kiến nghị gì thêm./.

*Bắc Ninh, ngày tháng năm 2020*

**HIỆU TRƯỞNG**

**Nguyễn Đức Lưu**



## PHỤ LỤC

### Phụ lục 1. Quyết định thành lập hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo

UBND TỈNH BẮC NINH  
TRƯỜNG CAO ĐẲNG  
CÔNG NGHIỆP BẮC NINH

Số: 07/QĐ - CĐCN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bắc Ninh, ngày 07 tháng 01 năm 2020

## QUYẾT ĐỊNH

### Về việc Thành lập hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ngành Điện công nghiệp; Tự động hóa công nghiệp; Công nghệ ô tô năm 2020

#### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP BẮC NINH

Căn cứ Thông tư số 46/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2016 và Văn bản hợp nhất Thông tư số 1308/VBHN-BLĐTBXH ngày 05/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định Điều lệ Trường Cao đẳng;

Căn cứ Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội Quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định hệ thống đảm bảo chất lượng trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

Xét đề nghị của Phòng Đào tạo,

#### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ngành Điện công nghiệp; Tự động hóa công nghiệp; Công nghệ ô tô năm 2020

*(Có danh sách kèm theo)*

**Điều 2.** Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ngành Điện công nghiệp; Tự động hóa công nghiệp; Công nghệ ô tô năm 2020 có nhiệm vụ:

- Đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch tự đánh giá chất lượng.
- Thông qua báo cáo tự đánh giá chất lượng và các biện pháp cải tiến, nâng cao chất lượng.
- Phối hợp, hỗ trợ đoàn đánh giá ngoài thực hiện kiểm định chất lượng tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Các Phòng, Khoa liên quan và các Ông, Bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

#### Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu VT, ĐT.

**HIỆU TRƯỞNG**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Đức Lưu**

**DANH SÁCH HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH  
ĐÀO TẠO NGÀNH CÔNG NGHỆ Ô TÔ NĂM 2020**

*(Kèm theo quyết định số 07 /QĐ-CĐCN ngày 07/01/2020 của Hiệu trưởng  
Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh Bắc Ninh)*

<b>TT</b>	<b>Họ tên</b>	<b>Chức vụ</b>	<b>Nhiệm vụ</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Ông Nguyễn Đức Lưu	Hiệu trưởng	Chủ tịch	
2	Ông Vũ Quang Khuê	Phó Hiệu trưởng	Phó chủ tịch thường trực Hội đồng	
3	Ông Trần Văn Thực	Phó Hiệu trưởng	Phó chủ tịch	
4	Ông Võ Văn Hùng	Trưởng khoa CN ô tô	Ủy viên - Thư ký	
5	Ông Lê Đức Tùng	GV Khoa Công nghệ ô tô	Ủy viên	
6	Ông Bùi Xuân Đoàn	Trưởng phòng QHCC	Ủy viên	
7	Bà Hoàng Thị Thanh	Phó TP TC-HC	Ủy viên	
8	Bà Trương Thị Hiên	Giáo viên phòng Đào tạo	Ủy viên	
9	Ông Trần Văn Hiếu	Chủ Gara ô tô Thuận Phong	Ủy viên	
10	Ông Nguyễn Văn Hoài	Phụ trách kỹ thuật - Công ty TNHH MTV Trường Hải	Ủy viên	

## **Phụ lục 2. Kế hoạch tự đánh giá**

**UBND TỈNH BẮC NINH  
TRƯỜNG CAO ĐẲNG  
CÔNG NGHIỆP BẮC NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 06 /KH-CĐCN

*Bắc Ninh, ngày 20 tháng 01 năm 2020*

### **KẾ HOẠCH**

#### **Thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ngành Điện công nghiệp; Tự động hóa công nghiệp; Công nghệ ô tô năm 2020**

##### **1. Mục tiêu tự đánh giá**

- Nâng cao nhận thức của cán bộ, giáo viên, nhân viên và HSSV trong toàn trường về tầm quan trọng của tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các ngành, nghề trọng điểm cấp độ Quốc tế, khu vực ASEAN và Quốc gia theo bộ tiêu chí, tiêu chuẩn tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo.

- Thu thập, xử lý thông tin và minh chứng để chứng minh mức độ đạt được của các ngành trọng điểm dựa trên hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo.

- Xây dựng, thực hiện và duy trì tốt các tiêu chí, tiêu chuẩn tự đánh giá đã đạt được, đồng thời khắc phục những tiêu chí, tiêu chuẩn chưa đạt của các ngành, nghề trọng điểm qua đó giúp trường hoạch định chiến lược phát triển các nguồn lực trong từng giai đoạn, tiến tới xây dựng trường vững mạnh toàn diện, khẳng định uy tín và thương hiệu nhà trường.

##### **2. Công cụ tự đánh giá**

- Bộ tiêu chí, tiêu chuẩn tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp ban hành kèm theo Thông tư 15/2017/TT-BLĐTBXH ban hành ngày 08/06/2017 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội.

- Hướng dẫn đánh giá tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng kèm theo Công văn số 454/TCGDNN-KĐCL ngày 25/03/2020 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, Bộ Lao động - Thương binh và xã hội.

##### **3. Quy trình tự đánh giá**

Quy trình thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo được quy định tại Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, cụ thể như sau:

- Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo.
- Thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo.
- Thông qua và phê duyệt báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo.
- Công bố báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo trong trường và gửi báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo về Sở Lao động Thương Binh và Xã Hội và Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp.

#### 4. Nhiệm vụ chung

##### 4.1. Đối với Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ngành Điện công nghiệp; Tự động hóa công nghiệp; Công nghệ ô tô năm 2020

- Phân công Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ngành Công nghệ ô tô chủ trì thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ngành Công nghệ ô tô;

- Phân công Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ngành Điện công nghiệp chủ trì thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ngành Điện công nghiệp;

- Phân công Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ngành Tự động hóa công nghiệp chủ trì thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ngành Tự động hóa công nghiệp;

- Lập kế hoạch tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo trình Chủ tịch hội đồng phê duyệt;

- Đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch tự đánh giá chất lượng;

- Thu thập, phân tích và xử lý thông tin, minh chứng đối chiếu với hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành, đánh giá, xác định mức độ đạt được của từng tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ rõ các điểm mạnh, tồn tại và nguyên nhân, kế hoạch nâng cao chất lượng trong từng tiêu chí, đồng thời mô tả, phân tích, nhận định các tiêu chuẩn, xác định thực trạng cho điểm tự đánh giá tiêu chuẩn;

- Tổng hợp và viết báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo mẫu quy định tại phụ lục 04 ban hành kèm theo Thông tư 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Gửi dự thảo báo cáo tới các đơn vị có liên quan để lấy ý kiến sau đó tổng hợp, hoàn thiện báo cáo gửi Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo họp thông qua.

##### 4.2. Đối với các đơn vị trực thuộc Trường

- Thu thập thông tin, minh chứng về từng hoạt động và kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ của đơn vị cung cấp cho Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các ngành để tổng hợp.

#### 5. Phân công thành viên Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ngành Điện công nghiệp; Tự động hóa công nghiệp; Công nghệ ô tô năm 2020 phụ trách theo tiêu chí và tiêu chuẩn tự đánh giá

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Đơn vị thực hiện	Thành viên Hội đồng tự đánh giá phụ trách
I	<b>Tiêu chí 1: Mục tiêu, quản lý và tài chính</b>		Ông Nguyễn Đức Lưu
1	<i>Tiêu chuẩn 1</i>	Phòng Kế toán	Bà Nguyễn Thị Hà
2	<i>Tiêu chuẩn 2</i>		
3	<i>Tiêu chuẩn 3</i>		
II	<b>Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo</b>		Ông Vũ Quang Khuê
1	<i>Tiêu chuẩn 1</i>		

<b>TT</b>	<b>Tiêu chí, tiêu chuẩn</b>	<b>Đơn vị thực hiện</b>	<b>Thành viên Hội đồng tự đánh giá phụ trách</b>
2	<i>Tiêu chuẩn 2</i>	Khoa Công nghệ ô tô	Ông Nguyễn Văn Hạnh
3	<i>Tiêu chuẩn 3</i>		
4	<i>Tiêu chuẩn 4</i>		
5	<i>Tiêu chuẩn 5</i>		
6	<i>Tiêu chuẩn 6</i>		
7	<i>Tiêu chuẩn 7</i>		
<b>III</b>	<b>Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên</b>		Ông Nguyễn Đức Lưu
1	<i>Tiêu chuẩn 1</i>	Phòng Tổ chức - Hành chính	Bà Hoàng Thị Thanh
2	<i>Tiêu chuẩn 2</i>		
3	<i>Tiêu chuẩn 3</i>		
4	<i>Tiêu chuẩn 4</i>		
5	<i>Tiêu chuẩn 5</i>		
6	<i>Tiêu chuẩn 6</i>		
7	<i>Tiêu chuẩn 7</i>		
8	<i>Tiêu chuẩn 8</i>		
<b>IV</b>	<b>Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình</b>		Ông Vũ Quang Khuê
1	<i>Tiêu chuẩn 1</i>	Khoa Công nghệ ô tô	Ông Lê Đức Tùng
2	<i>Tiêu chuẩn 2</i>		
3	<i>Tiêu chuẩn 3</i>		
4	<i>Tiêu chuẩn 4</i>		
5	<i>Tiêu chuẩn 5</i>		
6	<i>Tiêu chuẩn 6</i>		
7	<i>Tiêu chuẩn 7</i>		
8	<i>Tiêu chuẩn 8</i>		
9	<i>Tiêu chuẩn 9</i>		
10	<i>Tiêu chuẩn 10</i>		
11	<i>Tiêu chuẩn 11</i>		
12	<i>Tiêu chuẩn 12</i>		
<b>V</b>	<b>Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện</b>		Ông Trần Văn Thực
1	<i>Tiêu chuẩn 1</i>	Khoa Công nghệ ô tô	Ông Võ Văn Hùng
2	<i>Tiêu chuẩn 2</i>		
3	<i>Tiêu chuẩn 3</i>		
4	<i>Tiêu chuẩn 4</i>		
5	<i>Tiêu chuẩn 5</i>		

<b>TT</b>	<b>Tiêu chí, tiêu chuẩn</b>	<b>Đơn vị thực hiện</b>	<b>Thành viên Hội đồng tự đánh giá phụ trách</b>
6	<i>Tiêu chuẩn 6</i>		
7	<i>Tiêu chuẩn 7</i>		
8	<i>Tiêu chuẩn 8</i>		
<b>VI</b>	<b>Tiêu chí 6: Dịch vụ cho người học</b>		Ông Trần Văn Thực
1	<i>Tiêu chuẩn 1</i>	Phòng Đào tạo	Bà Trương Thị Hiền
2	<i>Tiêu chuẩn 2</i>		
3	<i>Tiêu chuẩn 3</i>		
4	<i>Tiêu chuẩn 4</i>		
<b>VII</b>	<b>Tiêu chí 7: Giám sát, đánh giá chất lượng</b>		Ông Trần Văn Thực
1	<i>Tiêu chuẩn 1</i>	Phòng Quan hệ công chúng; Doanh nghiệp	Ông Bùi Xuân Đoàn Ông Trần Văn Hiếu Ông Nguyễn Văn Hoài
2	<i>Tiêu chuẩn 2</i>		
3	<i>Tiêu chuẩn 3</i>		
4	<i>Tiêu chuẩn 4</i>		
5	<i>Tiêu chuẩn 5</i>		
6	<i>Tiêu chuẩn 6</i>		
7	<i>Tiêu chuẩn 7</i>		
8	<i>Tiêu chuẩn 8</i>		

....

#### **6. Nội dung công việc - Thời gian thực hiện**

<b>Thời gian</b>	<b>Nội dung công việc</b>	<b>Đơn vị thực hiện</b>
Từ ngày 15/01/2020 đến ngày 18/02/2020	- Xây dựng kế hoạch tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo năm 2020 của Điện công nghiệp; Tự động hóa công nghiệp; Công nghệ ô tô - Phân công thành viên Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo phụ trách theo từng chỉ số, tiêu chuẩn, tiêu chí.	Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
Từ ngày 19/02/2020 đến ngày 23/02/2020	Triển khai kế hoạch tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo năm 2020 cho các thành viên Hội đồng.	Thư ký các Hội đồng; Các thành viên Hội đồng
Từ ngày 26/02/2020 đến ngày 30/9/2020	- Thu thập thông tin và minh chứng. - Mã hoá các thông tin và minh chứng thu được.	Các phòng/khoa; Các thành viên Hội đồng

<b>Thời gian</b>	<b>Nội dung công việc</b>	<b>Đơn vị thực hiện</b>
	- Mô tả thông tin và minh chứng thu được.	
Từ ngày 01/10/2020 đến ngày 29/10/2020	Hoàn chỉnh báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo và gửi về phòng Đào tạo	Thư ký các Hội đồng
Từ ngày 15/11/2020	Gửi Báo cáo Sở Lao động Thương Binh và Xã Hội và Tổng cục GDNN	Phòng Đào tạo

\* **Yêu cầu chung:** Báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng bắt buộc phải soạn thảo bằng phông chữ Times New Roman, Unicode, cỡ chữ 13 theo yêu cầu của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp.

### **7. Kinh phí thực hiện**

Kinh phí hoạt động tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo được bố trí theo quy định hiện hành.

Công tác thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo là nhiệm vụ chính trị trọng tâm của nhà trường năm 2020. Nhà trường yêu cầu tất cả các Phòng, Khoa nghiêm túc phối hợp đảm bảo kế hoạch, chất lượng theo yêu cầu đề ra./.

#### ***Nơi nhận:***

- BGH;
- Các Phòng, Khoa;
- Lưu: VT, ĐT.

**KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

*(Đã ký)*

**Vũ Quang Khuê**

**Phụ lục 3: Bảng mã minh chứng**

<b>Số TT</b>	<b>Tiêu chí</b>	<b>Tiêu chuẩn</b>	<b>Mã minh chứng</b>	<b>Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn</b>	<b>Tên minh chứng</b>
1.	<b>1</b>	<b>1</b>	1.1.01		<i>Đề án thành lập trường Cao đẳng</i>
2.			1.1.02		<i>Chương trình đào tạo ngành CNOTO</i>
3.			1.1.03		<i>QĐ 32/QĐ-CĐCN, ngày 21/01/2020 của trường CĐCN Bắc Ninh về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường</i>
4.			1.1.04		<i>www.bci.edu.vn</i>
5.			1.1.05		<i>Công văn tuyển dụng của công ty Samsung, Foxconn, tập đoàn KHKT Hồng Hải.</i>
6.			1.1.06		<i>TB số 06/TB-CĐN ngày 28/3/2017 về việc kết luận của ban chủ nhiệm xây dựng chương trình đào tạo, TB số 29/TB-CĐCN ngày 3/7/2019 về việc rà soát, áp dụng chương trình đào tạo theo phương thức tích lũy Mô đun</i>
7.			1.1.07		<i>QĐ 192, 193 năm 2019 về việc thành lập ban rà soát và ban thẩm định chương trình đào tạo</i>
8.	<b>1</b>	<b>2</b>	1.2.01		<i>Quyết định thành lập khoa Cơ khí động lực</i>
9.			1.2.02		<i>Quyết định thành lập Ban chủ nhiệm/Tổ biên soạn/lựa chọn chương trình đào tạo ngành Công nghệ ô tô</i>



10.			1.2.03		<i>Quyết định đổi tên khoa Cơ khí động lực thành khoa Công nghệ ô tô</i>
11.			1.2.04		<i>Chức năng nhiệm vụ khoa Công nghệ ô tô</i>
12.			1.2.05		<i>Kết quả năm học của khoa Công nghệ ô tô</i>
13.			1.2.06		<i>Các quyết định khen thưởng của khoa Công nghệ ô tô</i>
14.	<b>1</b>	<b>3</b>	1.3.01		<i>Quyết định phê duyệt định mức kinh tế kỹ thuật theo từng nghề của Hiệu trưởng trường Cao đẳng công nghiệp Bắc Ninh</i>
15.			1.3.02		<i>Báo cáo quyết toán kinh phí ngân sách năm 2018, 2019, 2020</i>
16.			1.3.03		<i>Quyết định thu học phí của trường năm 2018, 2019, 2020</i>
17.			1.3.04		<i>Báo cáo tổng kết công tác tài chính tại hội nghị công chức, viên chức năm 2018, 2019, 2020</i>
18.			1.3.05		<i>Biên bản thanh kiểm tra về công tác đào tạo năm 2018, 2019, 2020</i>
19.	<b>2</b>	<b>1</b>	2.1.01		<i>Quyết định ban hành quy chế tuyển sinh 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020</i>
20.			2.1.02		<i>Thông báo tuyển sinh năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020</i>
21.			2.1.03		<i>Kế hoạch tuyển sinh năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020</i>
22.			2.1.04		<i>Tiêu chí xét tuyển năm học 2018-2019, 2019-2020</i>
23.			2.1.05		<i>Quyết định thành lập hội đồng tuyển sinh 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020</i>
24.			2.1.06		<i>Hồ sơ đăng ký học nghề 2018, 2019, 2020</i>
25.			2.1.07		<i>Báo cáo công tác tuyển sinh năm 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020</i>

26.			2.1.08		<i>Biên bản xét tuyển của HĐ tuyển sinh năm 2017- 2018, 2018-2019, 2019-2020</i>
27.			2.1.09		<i>Quyết định biên chế lớp năm 2017-2018, 2018-2019</i>
28.			2.1.10		<i>Biên bản thanh kiểm tra công tác tuyển sinh năm 2017- 2018, 2018-2019, 2019-2020</i>
29.			2.1.11		<i>Bảng tổng hợp kết quả và chỉ tiêu tuyển sinh nghề Công nghệ ô tô năm 2018, 2019, 2020</i>
30.	<b>2</b>	<b>2</b>	2.2.01		<i>Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động dạy nghề số 34/2011/GCN-ĐKHĐDN ngày 20/6/2011 của Tổng cục dạy nghề;</i>
31.			2.2.02		<i>Giấy chứng nhận đăng ký bổ xung hoạt động giáo dục nghề nghiệp Số 175/2017/GCNĐKHD-TCN Ngày 23/6/2017,</i>
32.			2.2.03		<i>Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp năm 2019;</i>
33.			2.2.04		<i>Quyết định số 24/QĐ-CĐCN ngày 31/5/2017, Quyết định số 256/QĐ-CĐCN ngày 06/9/2019 ban hành chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng năm 2017, 2019.</i>
34.			2.2.05		<i>Kế hoạch đào tạo năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020</i>
35.			2.2.06		<i>Tiến độ giảng dạy năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020</i>
36.			2.2.07		<i>Kế hoạch thanh kiểm tra đào tạo năm 2018, 2019, 2020</i>
37.			2.2.08		<i>Sổ lên lớp các năm 2018, 2019, 2020.</i>
38.			2.2.09		<i>Giáo án giảng dạy các năm 2018, 2019, 2020</i>

39.			2.2.10		<i>Sổ tay nhà giáo các năm 2018, 2019, 2020.</i>
40.			2.2.11		<i>Báo cáo kết quả thanh kiểm tra đào tạo năm 2018, 2019, 2020</i>
41.	<b>2</b>	<b>3</b>		2.2.05	<i>Kế hoạch đào tạo năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020</i>
42.				2.2.06	<i>Tiến độ giảng dạy năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020</i>
43.				2.2.07	<i>Kế hoạch thanh kiểm tra đào tạo năm 2018, 2019, 2020</i>
44.				2.2.08	<i>Sổ lên lớp năm 2018, 2019, 2020.</i>
45.				2.2.09	<i>Giáo án giảng dạy các năm 2018, 2019, 2020</i>
46.				2.2.10	<i>Sổ tay nhà giáo các năm 2018, 2019, 2020</i>
47.				2.2.11	<i>Báo cáo kết quả thanh kiểm tra đào tạo năm 2018, 2019, 2020</i>
48.			2.3.01		<i>Danh sách các thiết bị hỗ trợ dạy học: máy tính, máy chiếu vật thể, máy chiếu Projector, màn chiếu .</i>
49.			2.3.02		<i>Danh sách các phần mềm nhà trường đã mua: Misa, Top solid; inventer, Siemen S7-300, phần mềm Quản lý đào tạo, phần mềm Quản lý công việc “Base...” Web site: bci.edu.vn....</i>
50.			2.3.03		<i>Phần mềm quản lý và lưu trữ dữ liệu đào tạo;</i>
51.			2.3.04		<i>Phần mềm quản lý thư viện;</i>
52.			2.3.05		<i>Phần mềm quản lý tài chính - kế toán;</i>
53.			2.3.06		<i>Các gói phần mềm đi theo thiết bị Chương trình mục tiêu 2018, 2019</i>
54.	<b>2</b>	<b>4</b>	2.4.01		<i>Hợp đồng thực tập với công ty điện tử Samsung Việt Nam</i>

55.			2.4.02		<i>Hợp đồng thực tập với công ty Intops Việt Nam; Công ty TNHH Sanwa Việt Nam</i>
56.			2.4.03		<i>Hợp đồng thực tập và đào tạo kép với công ty trung tâm ô tô Thuận phong</i>
57.			2.4.04		<i>Kế hoạch thực tập năm 2018, 2019, 2020</i>
58.			2.4.05		<i>Các hợp đồng, các Biên bản ghi nhớ với các doanh nghiệp, nhà máy về thực tập sản xuất của học sinh;</i>
59.			2.4.06		<i>Các quyết định cử học sinh đi thực tập sản xuất tại các cơ sở</i>
60.			2.4.07		<i>Báo cáo thực tập sản xuất của học sinh tại các cơ sở có nhận xét của cơ sở tiếp nhận năm 2017, 2018, 2019;</i>
61.			2.4.08		<i>Tổng hợp kết quả đi thực tập của học sinh theo từng đợt năm 2018, 2019, 2020</i>
62.			2.4.09		<i>Hình ảnh các lớp đi thực tập tại doanh nghiệp 2018, 2019, 2020</i>
63.	<b>2</b>	<b>5</b>	2.5.01		<i>Quyết định ban hành Quy định về việc thi, kiểm tra và công nhận tốt nghiệp; Quyết định số 142a/QĐ-CĐCN ngày 18/09/2017, Quyết định số 205/QĐ-CĐCN ngày 30/07/2019;</i>
64.			2.5.02		<i>Quyết định số 185/ QĐ-CĐCN ngày 30/10/2017 về việc đánh giá kết quả rèn luyện HSSV năm 2017; Quyết định số 39/QĐ-CĐCN ngày 28/02/2019 về việc ban hành quy chế công tác HSSV trường CĐCN Bắc Ninh;</i>
65.			2.5.03		<i>Hồ sơ kiểm tra kết thúc môn học – mô đun năm 2018, 2019, 2020</i>
66.			2.5.04		<i>Các kế hoạch tổ chức kiểm tra hết môn học-mô đun theo học kỳ năm 2018, 2019, 2020</i>

67.			2.5.05		<i>Kế hoạch thi tốt nghiệp năm 2018, 2019, 2020</i>
68.			2.5.06		<i>Bảng tổng hợp kết quả học tập từng học kỳ, năm học, khoá học năm 2018, 2019, 2020</i>
69.			2.5.07		<i>Quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp năm 2018, 2019, 2020</i>
70.	<b>2</b>	<b>6</b>		2.2.07	<i>Kế hoạch thanh kiểm tra đào tạo năm, 2018, 2019, 2020</i>
71.				2.2.08	<i>Sổ lên lớp năm, 2018, 2019, 2020</i>
72.				2.2.09	<i>Giáo án giảng dạy các năm năm, 2018, 2019, 2020</i>
73.				2.2.10	<i>Sổ tay nhà giáo các năm, 2018, 2019, 2020</i>
74.				2.2.11	<i>Báo cáo kết quả thanh kiểm tra đào tạo năm 2018, 2019</i>
75.			2.6.01		<i>Kế hoạch thu thập ý kiến của cán bộ quản lý, giáo viên, người học về nâng cao chất lượng đào tạo năm 2018, 2019, 2020</i>
76.			2.6.02		<i>Phiếu khảo sát ý kiến nâng cao chất lượng đào tạo năm 2018, 2019, 2020</i>
77.			2.6.03		<i>Tổng hợp kết quả thu thập ý kiến nâng cao chất lượng đào tạo năm 2018, 2019, 2020</i>
78.			2.6.04		<i>Báo cáo tổng kết năm 2017 và phương hướng nhiệm vụ năm 2018; Báo cáo tổng kết năm 2018 và phương hướng nhiệm vụ năm 2019, Báo cáo tổng kết năm 2019 và phương hướng nhiệm vụ năm 2020</i>
79.	<b>2</b>	<b>7</b>	2.7.01		<i>Kế hoạch xây dựng và thực hiện công tác đào tạo liên thông</i>
80.			2.7.02		<i>Quy chế đào tạo liên thông trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng, Quyết định số 204/QĐ-CĐCN ngày 30/07/2019;</i>

81.			2.7.03		<i>Quyết định ban hành chương trình đào tạo liên thông trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng</i>
82.			2.7.04		<i>Quyết định biên chế các lớp liên thông 2018,2019,2020</i>
83.	<b>3</b>	<b>1</b>	3.1.01		<i>Danh sách trích ngang giáo viên khoa Công nghệ ô tô năm 2018, 2019, 2020</i>
84.			3.1.02		<i>Kế hoạch giáo viên các năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020</i>
85.			3.1.03		<i>Hồ Hồ sơ cán bộ, viên chức khoa Công nghệ ô tô năm 2018, 2019, 2020</i>
86.			3.1.04		<i>Phiếu đánh giá nhà giáo năm 2018, 2019, 2020.</i>
87.	<b>3</b>	<b>2</b>		3.1.01	<i>Danh sách trích ngang giáo viên khoa Công nghệ ô tô năm 2018, 2019, 2020</i>
88.				3.1.03	<i>Hồ Hồ sơ cán bộ, viên chức khoa Công nghệ ô tô năm 2018, 2019, 2020</i>
89.			3.2.01		<i>Thông báo số 36/TB-CĐCN ngày 05/12/2017 của trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh về kết quả đánh giá xếp loại viên chức, lao động năm 2017. Thông báo số 52/TB-CĐCN ngày 10/12/2017 của trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh về kết quả đánh giá xếp loại viên chức, lao động năm 2018. Thông báo số 52/TB-CĐCN ngày</i>

					<i>09/12/2019 của trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh về kết quả đánh giá xếp loại viên chức, lao động năm 2019</i>
90.	<b>3</b>	<b>3</b>	3.3.01		<i>Tiến độ đào tạo năm học 2017-2018; 2018-2019; 2019-2020</i>
91.				3.1.02	<i>Kế hoạch giáo viên Khoa Công nghệ ô tô các năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020</i>
92.			3.3.02		<i>Bảng tổng hợp giờ giảng môn học mô đun của các giáo viên Khoa Công nghệ ô tô năm học 2017-2018; 2018-2019; 2019-2020</i>
93.			3.3.03		<i>Danh sách các lớp nghề Công nghệ ô tô theo từng khóa</i>
94.			3.3.04		<i>Quyết định của trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh quy định chế độ làm việc của nhà giáo GDNN</i>
95.			3.3.05		<i>Bảng thống kê giờ giảng của giáo viên năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020</i>
96.			3.3.06		<i>Bảng thanh toán lương, thanh toán tiền vượt giờ năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020.</i>
97.			3.3.07		<i>Bảng thống kê tỉ lệ quy đổi người học/nhà giáo năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020.</i>
98.			3.3.08		<i>Quyết định biên chế các lớp cao đẳng Công nghệ ô tô năm học 2017-</i>

					<i>2018, 2018-2019, 2019-2020</i>
99.				3.1.01	<i>Danh sách trích ngang giáo viên Khoa Công nghệ ô tô năm 2018, 2019, 2020</i>
100.			3.3.09		<i>Bảng thống kê tỉ lệ giáo viên, giảng viên có trình độ sau đại học năm 2018, 2019, 2020.</i>
101.	<b>3</b>	<b>4</b>	3.4.01		<i>Quyết định công nhận các ĐTKH, SKKN các năm 2018, 2019, 2020</i>
102.			3.4.02		<i>Quyết định công nhận kết quả hội giảng nhà giáo GDNN cấp trường các năm 2018, 2019, 2020.</i>
103.			3.4.03		<i>Quyết định công nhận kết quả hội thi thiết bị đào tạo tự làm cấp Tỉnh và Quốc gia 2019</i>
104.	<b>3</b>	<b>5</b>	3.5.01		<i>Kế hoạch số 32/KH-CDN ngày 28/12/2018 của trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh về công tác đào tạo, bồi dưỡng năm 2018. Kế hoạch số 50/KH-CDN ngày 20/12/2018 của trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh về công tác đào tạo, bồi dưỡng năm 2019. Kế hoạch số 47/KH-CDN ngày 16/12/2019 của trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh về công tác đào tạo, bồi dưỡng năm 2020</i>
105.			3.5.02		<i>Các Quyết định cử giáo viên tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng năm 2018, 2019, 2020</i>



106.			3.5.03		<i>Hình ảnh về việc nhà giáo cơ hữu đã tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng năm 2018, 2019, 2020</i>
107.			3.5.04		<i>Báo cáo số 27/BC - CĐCN ngày 10/12/2018 của trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh về việc báo cáo kết quả công tác đào tạo, bồi dưỡng năm 2018. Báo cáo số 41/BC - CĐCN ngày 12/12/2019 của trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh về việc báo cáo kết quả công tác đào tạo, bồi dưỡng năm 2019</i>
108.			3.5.05		<i>Báo cáo kết quả của các khoá học, bồi dưỡng năm 2018,2019,2020</i>
109.	<b>3</b>	<b>6</b>	3.6.01		<i>Quyết định cử giáo viên quản lý HSSV thực tập tại doanh nghiệp năm 2018, 2019, 2020</i>
110.				3.3.01	<i>Danh sách trích ngang giáo viên Khoa Công nghệ ô tô năm 2018, 2019, 2020</i>
111.			3.6.02		<i>Danh sách nhà giáo cơ hữu đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động năm 2018, 2019, 2020</i>
112.			3.6.03		<i>Hình ảnh nhà giáo cơ hữu đi thực tập tại đơn vị sử dụng lao động năm, 2018, 2019, 2020</i>
113.			3.6.04		<i>Các Quyết định cử nhà giáo đi thực thực tế tại các công ty, doanh nghiệp 2018, 2019, 2020</i>
114.	<b>3</b>	<b>7</b>		3.3.01	<i>Danh sách trích ngang giáo viên Khoa Công nghệ ô tô năm 2018,</i>

					2019, 2020
115.				3.3.01	<i>Các quyết định bổ nhiệm ông Võ Văn Hùng</i>
116.				3.3.02	<i>Hồ sơ cán bộ, viên chức của ông Võ Văn Hùng</i>
117.	<b>3</b>	<b>8</b>	3.8.01		<i>Báo cáo của trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh về việc báo cáo tổng kết công tác năm 2017, 2018, 2019, 2020</i>
118.			3.8.02		<i>Báo cáo thực hiện nhiệm vụ của khoa Công nghệ cơ khí năm 2017, 2018, 2019, 2020.</i>
119.				3.2.01	<i>Thông báo số 36/TB-CĐCN ngày 05/12/2017 của trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh về kết quả đánh giá xếp loại viên chức, lao động năm 2017. Thông báo số 52/TB-CĐCN ngày 10/12/2017 của trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh về kết quả đánh giá xếp loại viên chức, lao động năm 2018. Thông báo số 52/TB-CĐCN ngày 09/12/2019 của trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh về kết quả đánh giá xếp loại viên chức, lao động năm 2019</i>
120.	<b>4</b>	<b>1</b>	4.1.01		<i>QĐ số 71/QĐ-CĐN ngày 7/3/2017 Thành lập ban chủ nhiệm xây dựng chương trình theo luật Giáo dục nghề nghiệp năm 2017</i>
121.			4.1.02		<i>QĐ số 72/QĐ-CĐN ngày 08/03/2017 Thành lập tổ biên soạn chương trình đào tạo năm 2017</i>

122.			4.1.03		<i>QĐ số 74/QĐ-CĐN ngày 15/3/2017 Thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo năm 2017</i>
123.			4.1.04		<i>QĐ số 24/QĐ-CĐCN ngày 31/05/2017 Quyết định ban hành chương trình đào tạo trình độ trình độ Trung cấp, Cao đẳng năm 2017</i>
124.			4.1.05		<i>QĐ số 181/QĐ-CĐN ngày 3/7/2019 Thành lập ban chủ nhiệm xây dựng chương trình theo tích lũy mô đun năm 2019</i>
125.			4.1.06		<i>QĐ số 192/QĐ-CĐN ngày 08/07/2019 Thành lập ban rà soát và xây dựng chương trình đào tạo theo tích lũy mô đun năm 2019</i>
126.			4.1.07		<i>QĐ số 193/QĐ-CĐN ngày 8/7/2019 Thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo theo phương thức tích lũy mô đun năm 2019</i>
127.			4.1.08		<i>QĐ số 256/QĐ-CĐCN ngày 6/09/2019 Quyết định ban hành chương trình đào tạo trình độ trình độ Trung cấp, Cao đẳng theo tích lũy mô đun năm 2019</i>
128.	<b>4</b>	<b>2</b>	4.2.01		<i>Giấy mời các đơn vị tham gia xây dựng chương trình đào tạo của Trường cao đẳng công nghiệp Bắc Ninh năm 2017, 2019</i>
129.				4.1.01	<i>QĐ số 71/QĐ-CĐN ngày 7/3/2017 Thành lập ban chủ nhiệm xây dựng chương trình theo luật Giáo dục nghề nghiệp năm 2017</i>

130.				4.1.02	<i>QĐ số 72/QĐ-CĐN ngày 08/03/2017 Thành lập tổ biên soạn chương trình đào tạo năm 2017</i>
131.				4.1.03	<i>QĐ số 74/QĐ-CĐN ngày 15/3/2017 Thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo năm 2017</i>
132.				4.1.04	<i>QĐ số 24/QĐ-CĐCN ngày 31/05/2017 Quyết định ban hành chương trình đào tạo trình độ trình độ Cao đẳng ngành cắt gọt kim loại năm 2017</i>
133.				4.1.05	<i>QĐ số 181/QĐ-CĐN ngày 3/7/2019 Thành lập ban chủ nhiệm xây dựng chương trình theo tích lũy mô đun năm 2019</i>
134.				4.1.06	<i>QĐ số 192/QĐ-CĐN ngày 08/07/2019 Thành lập ban rà soát và xây dựng chương trình đào tạo theo tích lũy mô đun năm 2019</i>
135.				4.1.07	<i>QĐ số 193/QĐ-CĐN ngày 8/7/2019 Thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo theo phương thức tích lũy mô đun năm 2019</i>
136.				4.1.08	<i>QĐ số 256/QĐ-CĐCN ngày 6/09/2019 Quyết định ban hành chương trình đào tạo trình độ trình độ Cao đẳng ngành cắt gọt kim loại theo tích lũy mô đun năm 2019</i>
137.			4.2.02		<i>Giấy mời các đơn vị tham gia thẩm định chương trình đào tạo của Trường cao đẳng công nghiệp Bắc Ninh năm 2017, 2019</i>

138.			4.2.03		<i>Các ý kiến đóng góp của các đơn vị tham gia thẩm định chương trình đào tạo 2017,2019</i>
139.			4.2.04		<i>Biên bản thẩm định chương trình đào tạo trình độ Trung cấp và Cao đẳng năm 2017, 2019</i>
140.	<b>4</b>	<b>3</b>		4.1.04	<i>QĐ số 24/QĐ-CĐCN ngày 31/05/2017 Quyết định ban hành chương trình đào tạo trình độ trình độ Cao đẳng ngành cắt gọt kim loại năm 2017</i>
141.				4.1.08	<i>QĐ số 256/QĐ-CĐCN ngày 6/09/2019 Quyết định ban hành chương trình đào tạo trình độ trình độ Cao đẳng ngành cắt gọt kim loại theo tích lũy mô đun năm 2019</i>
142.			4.3.01		<i>Kế hoạch lấy ý kiến về xây dựng chương trình đào tạo 2017, 2019</i>
143.			4.3.02		<i>Phiếu lấy ý kiến về xây dựng chương trình đào tạo 2017, 2019</i>
144.			4.3.03		<i>Tổng hợp kết quả lấy ý kiến về xây dựng chương trình đào tạo 2017, 2019</i>
145.	<b>4</b>	<b>4</b>		4.1.04	<i>QĐ số 24/QĐ-CĐCN ngày 31/05/2017 Quyết định ban hành chương trình đào tạo trình độ trình độ Cao đẳng ngành cắt gọt kim loại năm 2017</i>

146.				4.1.08	<i>QĐ số 256/QĐ-CĐCN ngày 6/09/2019 Quyết định ban hành chương trình đào tạo trình độ trình độ Cao đẳng ngành cắt gọt kim loại theo tích lũy mô đun năm 2019</i>
147.			4.4.01		<i>Bộ chương trình và danh sách các môn học mô đun hệ Trung cấp ngành công nghệ ô tô năm 2017, 2019</i>
148.			4.4.02		<i>Bộ chương trình và danh sách các môn học mô đun hệ Cao đẳng ngành công nghệ ô tô năm 2017, 2019</i>
149.				4.3.01	<i>Kế hoạch lấy ý kiến về xây dựng chương trình đào tạo 2017, 2019</i>
150.				4.3.02	<i>Phiếu lấy ý kiến về xây dựng chương trình đào tạo 2017, 2019</i>
151.				4.3.03	<i>Tổng hợp kết quả lấy ý kiến về xây dựng chương trình đào tạo 2017, 2019</i>
152.	<b>4</b>	<b>5</b>	4.5.01		<i>Danh mục trang thiết bị đào tạo cho nghề Công nghệ ô tô</i>
153.				4.1.04	<i>QĐ số 24/QĐ-CĐCN ngày 31/05/2017 Quyết định ban hành chương trình đào tạo trình độ trình độ Cao đẳng ngành cắt gọt kim loại năm 2017</i>
154.				4.1.08	<i>QĐ số 256/QĐ-CĐCN ngày 6/09/2019 Quyết định ban hành chương trình đào tạo trình độ trình độ Cao đẳng ngành cắt gọt kim loại theo</i>

					<i>tích lũy mô đun năm 2019</i>
155.			4.5.02		<i>Phiếu lấy ý kiến về cơ sở vật chất và đội ngũ giáo viên nghề Công nghệ ô tô 2019</i>
156.			4.5.03		<i>Tổng hợp kết quả lấy ý kiến về cơ sở vật chất và đội ngũ giáo viên nghề Công nghệ ô tô 2019</i>
157.	<b>4</b>	<b>6</b>		4.1.04	<i>QĐ số 24/QĐ-CĐCN ngày 31/05/2017 Quyết định ban hành chương trình đào tạo trình độ trình độ Cao đẳng ngành cắt gọt kim loại năm 2017</i>
158.				4.1.08	<i>QĐ số 256/QĐ-CĐCN ngày 6/09/2019 Quyết định ban hành chương trình đào tạo trình độ trình độ Cao đẳng ngành cắt gọt kim loại theo tích lũy mô đun năm 2019</i>
159.			4.6.01		<i>Phiếu lấy ý kiến về yêu cầu và phương pháp kiểm tra đánh giá người học nghề Công nghệ ô tô 2019</i>
160.			4.6.02		<i>Tổng hợp kết quả lấy ý kiến về yêu cầu và phương pháp kiểm tra đánh giá người học nghề Công nghệ ô tô 2019</i>
161.	<b>4</b>	<b>7</b>		4.1.04	<i>QĐ số 24/QĐ-CĐCN ngày 31/05/2017 Quyết định ban hành chương trình đào tạo trình độ trình độ Cao đẳng ngành Công nghệ ô tô năm</i>

				2017
162.			4.1.08	<i>QĐ số 256/QĐ-CĐCN ngày 6/09/2019 Quyết định ban hành chương trình đào tạo trình độ trình độ Cao đẳng ngành Công nghệ ô tô theo tích lũy mô đun năm 2019</i>
163.			4.7.01	<i>Kế hoạch thực tập trải nghiệm, thực tập tốt nghiệp tại các doanh nghiệp các khóa K8, K9, K10, K11</i>
164.			4.7.02	<i>Các quyết định thực tập trải nghiệm, thực tập tốt nghiệp tại các doanh nghiệp các khóa K8, K9, K10, K11</i>
165.			4.7.03	<i>Hợp đồng liên kết đào tạo giữa Nhà trường và Trung tâm sửa chữa và bảo dưỡng ô tô Thuận Phong</i>
166.	<b>4</b>	<b>8</b>	4.8.01	<i>QĐ số 150/QĐ-CĐCN ngày 28/5/2019 Thành lập Ban chủ nhiệm xây dựng chương trình đào tạo liên thông giữa các trình độ</i>
167.			4.8.02	<i>QĐ số 151/QĐ-CĐCN ngày 28/5/2019 Quyết định về việc Thành lập ban xây dựng chương trình đào tạo liên thông giữa các trình độ</i>
168.			4.8.03	<i>Quyết định 198/QĐ-CĐCN ngày 29/7/2019 về việc ban hành chương trình đào tạo liên thông</i>



169.			4.8.04		<i>Công văn số 782/ĐHSPKTHY-ĐT, ngày 15/11/2019 về việc công nhận CTĐT trình độ cao đẳng đủ điều kiện liên thông với trình độ đại học của trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên</i>
170.			4.8.05		<i>Chương trình đào tạo trình độ đại học của trường đại học Sư phạm kỹ thuật Hưng Yên các chuyên ngành: Điện công nghiệp, Điện tử công nghiệp, Công nghệ cơ khí, Công nghệ ô tô</i>
171.	<b>4</b>	<b>9</b>		4.1.04	<i>QĐ số 24/QĐ-CĐCN ngày 31/05/2017 Quyết định ban hành chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, Cao đẳng năm 2017</i>
172.				4.1.08	<i>QĐ số 256/QĐ-CĐCN ngày 6/09/2019 Quyết định ban hành chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, Cao đẳng theo tích lũy mô đun năm 2019</i>
173.			4.9.01		<i>Danh mục các giáo trình nghề Công nghệ ô tô Trung cấp và Cao đẳng năm 2017, 2019</i>
174.			4.9.02.		<i>Bản in các giáo trình nghề Công nghệ ô tô Trung cấp và Cao đẳng theo tích lũy mô đun năm 2017, 2019</i>
175.	<b>4</b>	<b>10</b>	4.10.01		<i>Quyết định số 98/QĐ-CĐCN ngày 8/8/2017 ban hành giáo trình lưu hành nội bộ trình độ Trung cấp, Cao đẳng năm 2017; Quyết định số 498/QĐ-</i>

					<i>CĐCN ngày 21 tháng 10 năm 2019 về việc ban hành giáo trình đào tạo theo tích lũy mô đun năm 2019</i>
176.			4.10.02		<i>Quyết định số 72/QĐ-CĐCN ngày 31 tháng 7 năm 2017 Về việc thành lập Hội đồng thẩm định giáo trình lưu hành nội bộ trình độ trung cấp, cao đẳng năm 2017; Quyết định số 436/QĐ-CĐCN ngày 14 tháng 10 năm 2019 Về việc thành lập Hội đồng thẩm định giáo trình đào tạo</i>
177.			4.10.03		<i>Các biên bản thẩm định giáo trình Trung cấp, Cao đẳng năm 2017 và năm 2019</i>
178.			4.10.04		<i>Các biên bản nghiệm thu giáo trình Trung cấp, Cao đẳng năm 2017 và năm 2019</i>
179.			4.10.05		<i>Báo cáo kết quả thẩm định giáo trình 2017, 2019</i>
180.			4.10.06		<i>Bản so sánh chương trình đào tạo năm 2017 và năm 2019</i>
181.				4.9.01	<i>Danh mục các giáo trình nghề Công nghệ ô tô Trung cấp và Cao đẳng năm 2017, 2019</i>
182.				4.9.02	<i>Bản in các giáo trình nghề Công nghệ ô tô Trung cấp và Cao đẳng theo tích lũy mô đun năm 2017, 2019</i>

183.	4	11		4.10.01	<i>Quyết định số 98/QĐ-CĐCN ngày 8/8/2017 ban hành giáo trình lưu hành nội bộ trình độ Trung cấp, Cao đẳng năm 2017; Quyết định số 498/QĐ-CĐCN ngày 21 tháng 10 năm 2019 về việc ban hành giáo trình đào tạo theo tích lũy mô đun năm 2019</i>
184.				4.10.02	<i>Quyết định số 72/QĐ-CĐCN ngày 31 tháng 7 năm 2017 Về việc thành lập Hội đồng thẩm định giáo trình lưu hành nội bộ trình độ trung cấp, cao đẳng năm 2017; Quyết định số 436/QĐ-CĐCN ngày 14 tháng 10 năm 2019 Về việc thành lập Hội đồng thẩm định giáo trình đào tạo</i>
185.				4.10.03	<i>Các biên bản thẩm định giáo trình Trung cấp, Cao đẳng năm 2017 và năm 2019</i>
186.				4.10.04	<i>Các biên bản nghiệm thu giáo trình Trung cấp, Cao đẳng năm 2017 và năm 2019</i>
187.				4.10.05	<i>Báo cáo kết quả thẩm định giáo trình 2017, 2019</i>
188.				4.10.06	<i>Bản so sánh chương trình đào tạo năm 2017 và năm 2019</i>
189.				4.9.01	<i>Danh mục các giáo trình nghề Công nghệ ô tô Trung cấp và Cao đẳng năm 2017, 2019</i>
190.				4.9.02	<i>Bản in các giáo trình nghề Công nghệ ô tô Trung cấp và Cao đẳng theo tích</i>

					<i>lũy mô đùn năm 2017, 2019</i>
191.	<b>4</b>	<b>12</b>	4.12.01		<i>Kế hoạch lấy ý kiến chuyên gia, học viên, doanh nghiệp về giáo trình ngành Công nghệ ô tô năm 2018, 2019, 2020</i>
192.			4.12.02		<i>Phiếu khảo sát thu thập ý kiến nhận xét đánh giá của giảng viên về giáo trình năm 2018, 2019, 2020</i>
193.			4.12.03		<i>Phiếu khảo sát thu thập ý kiến nhận xét đánh giá về chất lượng giáo trình của chuyên gia từ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ năm 2018, 2019, 2020</i>
194.			4.12.04		<i>Phiếu khảo sát thu thập ý kiến nhận xét đánh giá về chất lượng giáo trình của HSSV năm 2018, 2019, 2020</i>
195.			4.12.05		<i>- Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát ý kiến nhận xét, đánh giá của giáo viên, chuyên gia từ cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ và người học về chất lượng giáo trình năm 2018, 2019, 2020</i>
196.				4.9.01	<i>Danh mục các giáo trình nghề Công nghệ ô tô Trung cấp và Cao đẳng năm 2017, 2019</i>
197.				4.9.02	<i>Bản in các giáo trình nghề Công nghệ ô tô Trung cấp và Cao đẳng theo tích lũy mô đùn năm 2017, 2019</i>

198.	<b>5</b>	<b>1</b>	5.1.01	<i>Hồ sơ quy hoạch chi tiết xây dựng trường Trung cấp nghề Bắc Ninh nay là trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh</i>
199.			5.1.02	<i>Hồ sơ thiết kế và hoàn công khu nhà xưởng thuộc Dự án ODA do chính phủ Cộng hòa liên bang Đức tài trợ</i>
200.			5.1.03	<i>Hồ sơ thiết kế và hoàn công nhà lớp học 5 tầng</i>
201.			5.1.04	<i>Hồ sơ thiết kế và hoàn công nhà giảng đường</i>
202.			5.1.05	<i>Hồ sơ thiết kế và hoàn công xưởng thực hành</i>
203.			5.1.06	<i>Thuyết minh Quy hoạch chi tiết xây dựng trường Trung cấp nghề Bắc Ninh nay là trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh</i>
204.	<b>5</b>	<b>2</b>	5.2.01	<i>Dự trù kinh phí mua vật tư và xin lĩnh vật tư phục vụ thực tập của học sinh tại khoa 2018, 2019, 2020</i>
205.			5.2.02	<i>Hồ sơ đấu thầu mua sắm thiết bị hàng năm 2018, 2019, 2020</i>
206.			5.2.03	<i>Chứng thư giám định thiết bị</i>
207.			5.2.04	<i>Hồ sơ đấu thầu trang thiết bị Dự án ODA do chính phủ Cộng hòa liên bang Đức tài trợ</i>
208.			5.2.05	<i>Danh mục thiết bị chính các nghề đào tạo của khoa Công nghệ ô tô</i>
209.			5.2.06	<i>Biên bản bàn giao tài sản giữa nhà cung cấp, nhà trường với khoa Công</i>

					<i>nghệ ô tô</i>
210.			5.2.07		<i>Sổ quản lý theo dõi thiết bị tại khoa Công nghệ ô tô năm 2018, 2019, 2020</i>
211.			5.2.08		<i>Tem gắn mã tài sản trên các thiết bị khoa Công nghệ ô tô</i>
212.			5.2.09		<i>Biên bản kiểm kê và đánh giá tình trạng thiết bị dạy nghề hàng năm 2018,2019,2020</i>
213.	<b>5</b>	<b>3</b>	5.3.01		<i>Sơ đồ bố trí thiết bị các xưởng</i>
214.				5.2.05	<i>Danh mục thiết bị chính các nghề đào tạo của khoa Công nghệ ô tô</i>
215.				5.2.06	<i>Biên bản bàn giao tài sản giữa nhà cung cấp, nhà trường với khoa Công nghệ ô tô</i>
216.				5.2.07	<i>Sổ quản lý theo dõi thiết bị tại khoa Công nghệ ô tô</i>
217.				5.2.08	<i>Tem gắn mã tài sản trên các thiết bị khoa Công nghệ ô tô</i>
218.				5.2.09	<i>Biên bản kiểm kê và đánh giá tình trạng thiết bị dạy nghề hàng năm 2018,2019,2020</i>
219.				5.3.01	<i>Sơ đồ bố trí thiết bị các xưởng</i>
220.	<b>5</b>	<b>4</b>	5.4.01		<i>Phiếu khảo sát cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh về việc bố trí trang</i>

					<i>thiết bị và biên bản tổng hợp kết quả khảo sát năm 2018, 2019, 2020</i>
221.			5.4.02		<i>Báo cáo khảo sát cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh về việc bố trí trang thiết bị năm 2018, 2019, 2020</i>
222.			5.4.03		<i>Quy trình bảo trì, bảo dưỡng</i>
223.			5.4.04		<i>Nội quy các xưởng thực hành, phòng học</i>
224.				5.3.01	<i>Sơ đồ bố trí thiết bị các xưởng</i>
225.			5.4.05		<i>Báo cáo kết quả công tác hàng tháng và nhiệm vụ công tác tháng tiếp theo</i>
226.				5.2.06	<i>Biên bản bàn giao tài sản giữa nhà cung cấp, nhà trường với khoa Công nghệ ô tô</i>
227.				5.2.07	<i>Sổ quản lý theo dõi thiết bị tại khoa Công nghệ ô tô</i>
228.				5.2.08	<i>Tem gắn mã tài sản trên các thiết bị khoa Công nghệ ô tô</i>
229.				5.2.09	<i>Biên bản kiểm kê và đánh giá tình trạng thiết bị dạy nghề năm 2018,2019,2020</i>
230.	<b>5</b>	<b>5</b>	5.5.01		<i>Quy chế cung ứng và quản lý vật tư trong đào tạo</i>
231.				5.1.05	<i>Hồ sơ thiết kế và hoàn công xưởng thực hành</i>

232.				5.4.06	<i>Báo cáo kết quả công tác cấp phát vật tư hàng tháng</i>
233.				5.2.10	<i>Dự trù kinh phí mua vật tư và xin lĩnh vật tư phục vụ thực tập của học sinh tại các khoa</i>
234.			5.5.02		<i>Phiếu xuất, nhập kho</i>
235.			5.5.03		<i>Biên bản thu hồi vật tư, sản phẩm thực tập</i>
236.			5.5.04		<i>Phân công nhân viên kế toán vật tư, tài sản</i>
237.			5.5.05		<i>Hồ sơ đào tạo của các lớp học năm 2018,2019,2020</i>
238.	<b>5</b>	<b>6</b>	5.6.01		<i>Danh mục các sách, tài liệu thư viện</i>
239.			5.6.02		<i>Danh mục sách nghề Công nghệ ô tô</i>
240.			5.6.03		<i>Danh mục giáo trình lưu hành nội bộ năm 2017, 2019</i>
241.			5.6.04		<i>Bảng kê danh mục sách, tạp chí, tài liệu tham khảo hàng năm</i>
242.			5.6.05		<i>Các biên bản giao nhận sách luân chuyển với Thư viện tỉnh Bắc Ninh năm 2018, 2019, 2020</i>
243.			5.6.06		<i>Bảng diễn biến số học sinh, sinh viên của trường</i>
244.			5.6.07		<i>Danh mục giáo trình, tài liệu tham khảo đã được số hóa của thư viện</i>



245.	<b>5</b>	<b>7</b>	5.7.01		<i>Danh mục trang thiết bị thư viện</i>
246.			5.7.02		<i>Tài liệu hướng dẫn sử dụng phần mềm quản lý thư viện</i>
247.			5.7.03		<i>Website: <a href="http://thuvienso.bci.edu.vn/">http://thuvienso.bci.edu.vn/</a></i>
248.			5.7.04		<i>Thống kê lượt bạn đọc thư viện 2018, 2019, 2020</i>
249.	<b>5</b>	<b>8</b>	5.8.01		<i>Danh mục các phần mềm hỗ trợ giảng dạy và học tập</i>
250.			5.8.02		<i>Danh mục các phần mềm mô phỏng thực tế trong gói thầu mua sắm thiết bị chương trình mục tiêu năm 2018, 2019, 2020</i>
251.	<b>6</b>	<b>1</b>	6.1.01		<i>Kế hoạch số 18/KH-CĐCN, ngày 30/7/2018 tổ chức đón tiếp HSSV nhập học và công tác truyền thông thu hút nữ sinh năm 2018; Kế hoạch số 21/KH-CĐCN, ngày 30/7/2019 tổ chức nhập học đợt 1 năm 2019; Kế hoạch số 23/KH-CĐCN, ngày 31/7/2019 học tập đầu khóa CDK10 năm học 2019-2020; Thông báo số 48/TB-CĐCN, ngày 13/8/2020 về việc tổ chức nhập học cho Học sinh trung cấp K38, khóa học 2020-2021; Thông báo số 53/TB-CĐCN, ngày 08/9/2020 lịch học đầu khóa hệ Cao đẳng K11</i>
252.			6.1.02		<i>Quyết định số 142<sup>a</sup>/QĐ-CĐCN, ngày 18/9/2017 về việc ban hành Quy chế quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ</i>

				<i>Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế; Quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; Quyết định số 205/QĐ-CĐCN, ngày 30/7/2019 về việc ban hành Quy chế quy định tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo phương thức tích lũy mô đun tại trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh</i>
253.			6.1.03	<i>Các Quyết định ban hành quy chế công tác HSSV: Quyết định số 186/QĐ-CĐCN, ngày 30/10/2017; Quyết định số 39/QĐ-CĐCN ngày 28/02/2019; Quyết định số 25/QĐ-CĐCN, ngày 20/01/2020; Quyết định số 191/QĐ-CĐCN ngày 30/7/2020 về việc ban hành Bộ quy tắc ứng xử trong trường học</i>
254.	<b>6</b>	<b>2</b>	6.2.01	<i>Các quyết định của trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh về việc cấp học bổng khuyến khích học nghề năm 2018, 2019, 2020; Quyết định số 434/QĐ-CĐCN, ngày 13/11/2018; Quyết định số 155/QĐ-CĐCN, ngày 06/6/2019; Quyết định số 377/QĐ-CĐCN, ngày 12/12/2019; Quyết định số 147/QĐ-CĐCN, ngày 23/6/2020; Quyết định số 369/QĐ-CĐCN, ngày 11/12/2020 về việc cấp học bổng khuyến khích học tập cho HSSV học kỳ II năm học 2019-202</i>

255.			6.2.02		<i>Các thông báo thu học phí năm học 2018-2019, năm học 2019-2020, năm học 2020-2021</i>
256.			6.2.03		<i>Hồ sơ quản lý HSSV đăng ký ở ký túc xá sinh viên: Bản mềm Excel, bản cứng lưu trữ, ảnh HSSV trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh đang ở, sinh hoạt tại ký túc xá sinh viên tỉnh Bắc Ninh</i>
257.			6.2.04		<i>Các quyết định liên quan việc thành lập Quỹ hỗ trợ HSSV, ban quản lý quỹ hỗ trợ HSSV, các hoạt động kèm theo: Quyết định số 387/QĐ-CĐCN ngày 24/12/2019 về việc thành lập “Quỹ hỗ trợ học sinh sinh viên”; Quyết định số 388/QĐ-CĐCN ngày 24/12/2019 về việc thành lập ban quản lý “Quỹ hỗ trợ học sinh sinh viên”; Quyết định số 132/QĐ-CĐCN, ngày 04/6/2020 về việc kiện toàn Ban quản lý quỹ “Hỗ trợ học sinh, sinh viên”; Ảnh đại diện BGH Nhà trường, phòng Công tác HSSV, các tổ chức Đoàn thể trao tặng cho HSSV gặp khó khăn trong dịp lễ, tết...</i>
258.	<b>6</b>	<b>3</b>	6.3.01		<i>Kế hoạch học tập đầu khóa 2018,2019,2020</i>
259.			6.3.02		<i>Biên bản hợp tác triển khai các chương trình đào tạo phối hợp và cung cấp nguồn lao động chất lượng cao với trung tâm dịch vụ việc làm Bắc Ninh</i>

260.			6.3.03		<i>Kế hoạch tổ chức ngày hội việc làm, tuyển dụng kỹ thuật viên cho các doanh nghiệp</i>
261.	<b>6</b>	<b>4</b>	6.4.01		<i>Kế hoạch số 10/KH-CĐCN, ngày 16/4/2018 tổ chức chương trình Chào hè 2018 “Sinh viên BCI năng động – thanh lịch”; Kế hoạch số 10/KH-CĐCN, ngày 28/02/2019 tổ chức chương trình Hello Summer 2019 “Sinh viên BCI bản lĩnh – Hội nhập”; Kế hoạch số 10/KH-CĐCN, ngày 12/5/2020 tổ chức chương trình Hello Summer 2020. Thi ảnh, Clip với chủ đề “My dream” theo hình thức online; Kế hoạch số 32/KH-CĐCN, ngày 08/7/2020 Tổ chức chương trình trao giải cuộc thi ảnh, clip chủ đề “My dream” – chào hè 2020; Ảnh, clip dự thi các đội các năm 2018, 2019, 2020</i>
262.			6.4.02		<i>Kế hoạch số 06/KH-CĐCN, ngày 29/01/2018 tổ chức chương trình hoạt động Chào xuân 2018; Quyết định số 175/QĐ-CĐCN, ngày 28/6/2019 v/v thành lập Ban chỉ đạo “Hội diễn văn nghệ các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tỉnh Bắc Ninh và tham dự Hội diễn văn nghệ các cơ sở giáo dục nghề nghiệp toàn quốc năm 2019; Kế hoạch số 50/KH-CĐCN, ngày 12/10/2020 tổ chức các hoạt động thể thao chào mừng 50 năm thành lập trường và khai giảng năm học 2020-2021...</i>

263.			6.4.03	<i>Các quyết định, kế hoạch, chương trình mở lớp tiếng Hàn, tiếng Nhật; Kế hoạch số 33/KH-CĐCN, ngày 09/11/2018 tổ chức rèn luyện cho HSSV phát triển kỹ năng mềm năm học 2018-2019; Quyết định số 182/QĐ-CĐCN, ngày 08/7/2019 v/v công nhận kết quả, cấp giấy chứng nhận bồi dưỡng kỹ năng mềm và hoạt động tình nguyện cho tân sinh viên CĐK7;...)</i>
264.			6.4.04	<i>Quyết định số 169/QĐ-CĐCN, ngày 06/7/2020 v/v thành lập BGK, BTK cuộc thi “Ý tưởng khởi nghiệp HSSV GDNN” năm 2020-Startup Kite; Quyết định số 343/QĐ-CĐCN, ngày 16/11/2020 v/v cử đoàn công tác tham dự Ngày hội khởi nghiệp Quốc Gia HSSV GDNN năm 2020; giấy khen của Hiệu trưởng về các dự án khởi nghiệp của sinh viên năm 2020</i>
265.			6.3.05	<i>Báo cáo đánh giá tình hình đảm bảo an ninh trật tự an toàn trong trường học năm 2018, 2019, 2020</i>
266.	<b>7</b>	<b>1</b>	7.1.01	<i>Kế hoạch về việc tổ chức khảo sát doanh nghiệp năm 2018, 2019, 2020</i>
267.			7.1.02	<i>Danh sách các doanh nghiệp tham gia khảo sát năm 2018, 2019,2020</i>

268.			7.1.03		<i>Phiếu khảo sát doanh nghiệp năm 2018, 2019,2020</i>
269.			7.1.04		<i>Báo cáo kết quả khảo sát doanh nghiệp năm 2018, 2019, 2020</i>
270.	<b>7</b>	<b>2</b>		7.1.01	<i>Kế hoạch về việc tổ chức khảo sát doanh nghiệp năm 2018, 2019, 2020</i>
271.				7.1.02	<i>Danh sách các doanh nghiệp tham gia khảo sát năm 2018, 2019, 2020</i>
272.				7.1.03	<i>Phiếu khảo sát doanh nghiệp năm 2018, 2019,2020</i>
273.				7.1.04	<i>Báo cáo kết quả khảo sát doanh nghiệp năm 2018, 2019, 2020</i>
274.	<b>7</b>	<b>3</b>	7.3.01		<i>Kế hoạch lấy ý kiến khảo sát của công chức, viên chức quản lý, giảng viên, nhân viên về chất lượng hoạt động hỗ trợ đào tạo của trường năm 2018,2019,2020</i>
275.			7.3.02		<i>Danh sách cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên tham gia khảo sát năm 2018, 2019, 2020</i>
276.			7.3.03		<i>Phiếu khảo sát ý kiến phản hồi của viên chức quản lý, giáo viên, nhân viên về chất lượng hoạt động hỗ trợ đào tạo của nhà trường năm 2018, 2019, 2020</i>

277.			7.3.04		<i>Báo cáo kết quả thực hiện khảo sát ý kiến công chức, viên chức quản lý, giáo viên và nhân viên về chất lượng hoạt động hỗ trợ đào tạo của trường năm 2018,2019,2020</i>
278.			7.3.05		<i>Biên bản thu thập ý kiến đánh giá của cán bộ, giáo viên, học sinh về tiến độ, kết quả thực hiện kế hoạch đào tạo 2018, 2019, 2020</i>
279.			7.3.06		<i>Biên bản họp giao ban, họp hội đồng đào tạo 2018, 2019, 2020</i>
280.			7.3.07		<i>Biên bản hội nghị cán bộ viên chức, NLD năm 2018, 2019</i>
281.	<b>7</b>	<b>4</b>	7.4.01		<i>Kế hoạch thu thập ý kiến người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy, việc thực hiện chính sách liên quan đến các dịch vụ đối với người học của trường năm 2018, 2019,2020</i>
282.			7.4.02		<i>Danh sách các lớp người học năm 2018,2019,2020</i>
283.			7.4.03		<i>Danh sách người học được thu thập ý kiến năm 2018,2019,2020;</i>
284.			7.4.04		<i>Phiếu thu thập ý kiến người học 2018,2019,2020</i>
285.			7.4.05		<i>Báo cáo kết quả thu thập ý kiến đối với người học năm 2018,2019,2020</i>

286.	7	5	7.5.01		<i>Quyết định số 07/QĐ-CĐCN ngày 07 tháng 01 năm 2020 V/V thành lập Hội đồng tự đánh giá lượng chương trình đào tạo năm 2020</i>
287.			7.5.02		<i>KH 06/KH – CĐCN ngày 20/01/2020 về thực hiện đánh giá lượng chương trình đào tạo năm 2020</i>
288.			7.5.03		<i>Báo cáo đánh giá tự kiểm định chương trình đào tạo năm 2019, 2020</i>
289.	7	6	7.6.01		<i>Kế hoạch bồi dưỡng cán bộ, viên chức năm 2018, 2019, 2020</i>
290.			7.6.02		<i>Các quyết định cử giáo viên đi tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ 2018,2019, 2020</i>
291.			7.6.03		<i>Các quyết định cử giáo viên đi học thạc sĩ năm 2018, 2019, 2020</i>
292.			7.6.04		<i>Các quyết định cử giáo viên đi học trung cấp, cao cấp năm LLCT 2018, 2019, 2020</i>
293.	7	7	7.7.01		<i>Quyết định công nhận tốt nghiệp năm 2018, 2019, 2020</i>
294.			7.7.02		<i>Kế hoạch khảo sát việc làm đối với sinh viên tốt nghiệp năm 2018, 2019, 2020</i>
295.			7.7.03		<i>Danh sách sinh viên khảo sát việc làm năm 2018,2019,2020</i>
296.			7.7.04		<i>Báo cáo kết quả khảo sát việc làm năm 2018,2019,2020</i>



297.	<b>7</b>	<b>8</b>	7.8.01		<i>Kế hoạch hội nghị tiếp xúc doanh nghiệp năm 2018, 2019,2020</i>
298.			7.8.02		<i>Các bản nhận xét đánh giá quá trình thực tập tại doanh nghiệp năm 2018, 2019,2020</i>
299.			7.8.03		<i>Danh sách đơn vị sử dụng lao động năm 2018, 2019,2020</i>
300.			7.8.04		<i>Danh sách HSSV khảo sát nghề nghiệp sau khi ra trường năm 2018, 2019,2020</i>
301.			7.8.05		<i>Báo cáo kết quả đánh giá quá trình làm việc của người học tại doanh nghiệp năm 2018, 2019,2020</i>